

GIEO HẠT TƯƠNG LẠI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2023

PHẦN MỞ ĐẦU

- 1.1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 1.2. Những điểm nhấn của VNDIRECT trong năm 2023

01



1.1 Thông điệp của chủ tịch HĐQT

Thư gửi cổ đông

Kính gửi Quý vị cổ đông,

Trải qua 17 năm hoạt động kể từ ngày thành lập 2006, VNDIRECT ngày hôm nay với quy mô nhân sự 1.200 con người, quy mô vốn chủ sở hữu hơn 16 nghìn tỷ đồng, quy mô tổng tài sản hơn 41 nghìn tỷ đồng và năng lực tổ chức kinh doanh toàn diện theo mô hình của một định chế tài chính trung gian trong lĩnh vực Dịch vụ Thị trường vốn – Dịch vụ Chứng khoán – Dịch vụ Tư vấn Tài chính Đầu tư cho tất cả đối tượng khách hàng. VNDIRECT đã có một di sản khổng lồ và chúng ta luôn biết ơn về những gì chúng ta đã có và được trải qua cùng nhau.



Bài học quá khứ



Kể từ ngày thành lập, VNDIRECT luôn được thử thách qua những khó khăn và biến động của thị trường tài chính. Trong cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2007 tại khu vực Đông Nam Á, từ cuộc khủng hoảng tỷ giá của Thái Lan, đã lan sang các nước lân cận trong đó có Việt Nam; theo đó VNDIRECT – một công ty mới thành lập với số vốn 50 tỷ đồng, đội ngũ non trẻ và chưa có nhiều kinh nghiệm, chúng ta không khỏi tránh khỏi những thách thức của đòn bẩy nợ trong môi trường lãi suất cao và thiếu thanh khoản trên toàn hệ thống tài chính ngân hàng. VNDIRECT cũng đối diện với rất nhiều thách thức trong việc tìm kiếm giải pháp tài chính cho nhà đầu tư, đặc biệt trong bối cảnh hệ thống pháp luật chưa thể đáp ứng theo sự phát triển ngày càng phức tạp của thị trường vốn và thị trường tài chính. Chúng ta đã trải qua rất nhiều bài học về quản trị rủi ro thị trường, quản trị rủi ro đối tác, quản trị rủi ro hoạt động. Tuy nhiên, năm 2023 là một năm đặc biệt nhất, khi chúng ta được trải nghiệm một loại hình rủi ro luôn được nhắc đến trong các lý thuyết kinh điển của quản trị rủi ro, đó là rủi ro hệ thống. Hệ thống tài chính ngân hàng trong quá trình phát triển, tăng trưởng nóng vốn đã tích lũy những rủi ro và có những thời điểm khiến Ngân hàng nhà nước đã phải cấu trúc lại ngân hàng 0 đồng. Mặc dù, thị trường tài chính Việt Nam trong những năm gần đây đã có những

phát triển vượt bậc về quy mô, về chất lượng quản trị song vẫn còn đó những vấn đề, lỗ hổng trọng yếu như việc cho vay liên quan, cấu trúc nợ chéo qua các công cụ tài chính, từ đó khi khủng hoảng xảy ra làm cho thị trường mất niềm tin đối với các công cụ nợ của thị trường vốn non trẻ. Trái phiếu doanh nghiệp và nhu cầu phát hành vốn của doanh nghiệp cho đầu tư bị chặn đứng và thị trường nhà đầu tư cá nhân rút khỏi thị trường đầu tư vốn đã khiến cho thanh khoản của các công cụ nợ của thị trường vốn biến mất. Sự sụp đổ của 1 ngân hàng quy mô lớn đã dẫn tới rủi ro, thách thức mang tính hệ thống cho toàn bộ thị trường tài chính Việt nam.

VNDIRECT cũng như các định chế tài chính khác lần đầu tiên được thử thách của rủi ro hệ thống và sự mất niềm tin của đám đông thành viên tham gia thị trường. Công ty đã phải trả giá cho bài toán chuẩn bị thanh khoản và chấp nhận tổn thất để bảo vệ trạng thái tài chính và giữ được niềm tin của khách hàng. Đây là một trong những bài học quý báu trong suốt chặng đường 17 năm hoạt động của VNDIRECT.

Trong suốt 6 năm tái cấu trúc hoạt động từ 2018, VNDIRECT đã chuyển dịch từ mô hình công ty chứng khoán cung cấp nền tảng giao dịch chứng khoán và sản phẩm giao dịch ký quỹ sang mô hình định chế tài chính trung gian, cung cấp các giải pháp dịch vụ đầu tư vốn và giải pháp đầu tư giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư cá nhân, giải pháp phát hành vốn và niêm yết trên thị trường chứng khoán với khách hàng doanh nghiệp, trở thành cầu nối khơi thông nhu cầu phát hành vốn và nhu cầu đầu tư. VNDIRECT đã kiến thiết lại chuẩn mực và nền móng quản trị kinh doanh, thay đổi được định vị giá trị hướng tới khách hàng, hệ giá trị niềm tin, các phương thức và mô thức hành động mới; tối ưu năng lực lập kế hoạch và thực thi kế hoạch hướng tới mục tiêu xây dựng một môi trường làm nghề chuyên nghiệp, một tổ chức có sự liên kết sức mạnh chung của một tầm nhìn và lý tưởng phụng sự, làm chủ được quá trình chuyển đổi số cùng nền tảng công nghệ tương thích với nhu cầu kinh doanh mới; và một hệ thống quản trị thông tin cho phép công ty ghi nhận, đo lường các mục tiêu và điều chỉnh được kịp thời. Trong suốt 6 năm qua, chúng ta cũng chứng kiến sự thay

đổi của các lớp nhân sự, thay đổi của phương thức tổ chức hoạt động, thay đổi của môi trường kinh doanh sau đại dịch Covid-19 và thay đổi của phương thức điều hành kinh tế của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Những nền tảng VNDIRECT xây dựng và kiến thiết trong 6 năm qua, cho phép công ty có thể vững vàng đối diện các thách thức mới của kỷ nguyên số, của những rủi ro hệ thống có quy mô lớn và liên tục.

Năm 2023, mặc dù chúng ta luôn phải chuẩn bị dự phòng cho rủi ro hệ thống và luôn giữ điều kiện thanh khoản trong hoạt động kinh doanh để ứng phó với các rủi ro tiềm ẩn bất ngờ, đồng thời cũng đối diện với sự thay đổi nhân sự trong quá trình chuyển dịch mô hình quản trị kinh doanh, nhưng tập thể VNDIRECT đã dần xây dựng được văn hóa làm việc theo tinh thần làm chủ tập thể và tự chịu trách nhiệm theo đúng vai trò và vị trí của mình. Chúng tôi xây dựng môi trường làm việc cho phép mỗi cán bộ nhân viên được tự thiết kế đòn bẩy sự nghiệp của cá nhân (Kiến thức – Kinh nghiệm – Trải nghiệm) cộng với đòn bẩy của sức mạnh tổ chức (Trí tuệ tập thể - Uy tín và Nền tảng tổ chức – Nền tảng công nghệ) cùng đòn bẩy hệ thống tri thức mở của trí tuệ nhân tạo và trí thức nhân loại. Năm 2023, VNDIRECT đánh dấu kết quả hoạt động với ROE 13%, công ty có hiệu quả hoạt động trên vốn đứng đầu trên thị trường, quy mô đội ngũ 800 chuyên gia và quy mô 900 nghìn khách hàng.



Gieo hạt tương lai

Năm 2024, VNDIRECT sẽ tiếp tục kiện toàn năng lực tổ chức kinh doanh theo hai mũi nhọn là hoạt động dịch vụ thị trường vốn và dịch vụ chứng khoán; tiếp tục kiện toàn nền tảng quản trị kinh doanh theo các mục tiêu năng lực điều hành hoạt động, năng lực chuyên môn và năng lực thực thi. Môi trường kinh tế vĩ mô và môi trường kinh doanh của ngành dịch vụ tài chính còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, do đó công ty vẫn tiếp tục giữ chiến lược thận trọng trong lựa chọn các cơ hội kinh doanh rủi ro, tập trung vào cơ hội phát triển giải pháp sản phẩm và dịch vụ đầu tư toàn diện cho nhà đầu tư cá nhân, kiện toàn năng lực tiếp cận thị trường với định vị mới. Việc thu hút được nhân sự cao cấp, và môi trường tái đào tạo và gắn kết lại đội ngũ nhân sự hiện có để có thể đáp ứng điều kiện kinh doanh mới sẽ trở thành nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Ban lãnh đạo công ty.

Dù trong bất cứ điều kiện nào của thị trường, đội ngũ VNDIRECT đã học được bài học từ kinh nghiệm quá khứ, xây dựng được phương thức điều hành và quản trị hệ thống, luôn sẵn sàng nhận diện để có thể đối diện được với thách thức để đón nhận cơ hội và kiểm soát được rủi ro. Tập thể VNDIRECT – Liên tục chuyển hóa – Thách thức giới hạn, mỗi cá nhân sẽ tiếp tục xây dựng năng lực Tự làm chủ sự nghiệp – Tự Giác – Tự Cường, để có thể vững vàng đón nhận trách nhiệm lớn hơn cùng tổ chức và đạt được những kết quả vượt bậc, bứt phá được các giới hạn cá nhân và cộng được với sức mạnh tổ chức để chinh phục những mục tiêu kinh doanh mới.

VNDIRECT bước vào 2024, là tập thể của đội ngũ cán bộ chuyên gia làm nghề chuyên nghiệp dù ở vị trí lãnh đạo quản trị điều hành, vị trí lãnh đạo quản trị kinh doanh hay trực tiếp kinh doanh, vị trí lãnh đạo chuyên môn hay trực tiếp lãnh đạo thực thi nghiệp vụ, và tập thể của các Tập sự trẻ, luôn sẵn sàng đón nhận thách thức, dẫn thân và học hỏi để phát triển được sự nghiệp chung cùng tổ chức, là một định chế tài chính trung gian có uy tín và bề dày hoạt động.

VNDIRECT bước vào 2024, là một tổ chức đã kiến thiết được đòn bẩy cho sự phát triển tương lai, đòn bẩy của Trí tuệ tập thể, đòn bẩy của sự làm chủ quá trình chuyển đổi số, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, đòn bẩy của chuỗi giá trị cộng sinh đã được thiết kế trong suốt 6 năm qua, nơi mỗi con người là một đơn vị tạo giá trị và tạo được sức mạnh của tập thể để chinh phục các mục tiêu kinh doanh lớn hơn.

VNDIRECT bước vào 2024, là một định chế tài chính trung gian, có năng lực kinh doanh toàn diện trên thị trường tài chính – thị trường vốn – và thị trường giao dịch chứng khoán, có uy tín và bề dày hoạt động cùng với sự phát triển của thị trường tài chính Quốc tế và Việt Nam.

VNDIRECT bước vào 2024 cùng với sự phát triển quan hệ song phương với nhiều các định chế tài chính ngân hàng, với các đối tác khách hàng doanh nghiệp lớn và nhỏ, với nền tảng khách hàng cá nhân được tích lũy sau 17 năm, và niềm tin của các đối tác cung cấp dịch vụ khác, sẽ giúp chúng ta có thêm nhiều cơ hội học hỏi và đón nhận các cơ hội kinh doanh mới.

Thay mặt cho HĐQT, chúng tôi xin cảm ơn các Quý vị cổ đông đã luôn đồng hành, tin tưởng VNDIRECT và với sự biết ơn đó, chúng tôi cam kết sẽ hành động dựa trên lợi ích cao nhất của Cộng đồng, của Khách hàng, và của Quý vị cổ đông để tiếp tục giữ được những giá trị kinh tế cũng như giá trị thương hiệu cho Quý cổ đông trong những năm tiếp theo.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phạm Minh Hương

1.2. Những điểm nhấn của VNDIRECT trong năm 2023



Năm 2023, mặc dù kinh tế Việt Nam cũng như thị trường vốn tiếp tục đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức, VNDIRECT vẫn kiên định với sứ mệnh đồng hành cùng các khách hàng của mình đi qua những giai đoạn thách thức nhất của nền kinh tế, kết nối, khơi thông lại dòng vốn và qua đó kiến tạo những tài sản đầu tư hiệu quả trong tương lai của các nhà đầu tư trên thị trường vốn Việt Nam. Trong năm 2023, VNDIRECT đã nỗ lực phấn đấu không ngừng về nâng cao chất lượng quản trị, rút kinh nghiệm từ những bài học của tổ chức, đồng thời tiếp tục kiên trì toàn diện hiệu quả hoạt động, từng bước đi qua những mốc son quan trọng trên hành trình phát triển và trưởng thành của mình.

Kết quả kinh doanh ấn tượng 2023

TỔNG TÀI SẢN 41.742 TỶ ĐỒNG	VỐN CHỦ SỞ HỮU 16.508 TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2.482 TỶ ĐỒNG	LỢI NHUẬN SAUTHUẾ 2.022 TỶ ĐỒNG

Tiên phong kiến tạo giải pháp tài chính số, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận với thị trường chứng khoán
Với định hướng khách hàng là trung tâm – Customer Centric, VNDIRECT đã không ngừng cải tiến và hoàn thiện chất lượng dịch vụ thông qua việc kiên trì điều kiện nền tảng số giúp Nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận với các cơ hội đầu tư trên thị trường:

- Dstock** tiếp tục hoàn thiện các công cụ hỗ trợ dành cho “dân nhà nghề” (Trade-like-pro): tích hợp sức khỏe cổ phiếu lên bảng giá và nền tảng; cập nhật la

bản thị trường (market watch); tích hợp Dlink kết nối khách hàng với đội ngũ chuyên gia.

- Dwealth** hoàn thành tích hợp việc mở tài khoản All-in-one, cho phép khách hàng mở tài khoản và đăng ký các sản phẩm khác nhau tùy theo khẩu vị rủi ro của mình; liên tục kiện toàn tháp tài sản với đầy đủ sự lựa chọn cho khách hàng khi tích hợp thành công sản phẩm tích sản mục tiêu, sản phẩm bảo hiểm cũng như tính năng định giá bất động sản

SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG
ĐẠT GẦN **900.000**
TĂNG HƠN **9%** SO VỚI NĂM 2022

TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CÔNG TY QUẢN LÝ
ĐẠT GẦN **185.000** TỶ ĐỒNG
TĂNG HƠN **10%** SO VỚI NĂM 2022

NỀN TẢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
DSTOCK
SẢN PHẨM TẠI TẦNG CAO NHẤT CỦA THÁP TÀI SẢN NĂM 2023
TĂNG TRƯỞNG 165% NGƯỜI DÙNG ỨNG DỤNG
300% LƯỢT TRUY CẬP TRÊN ỨNG DỤNG CÁC NỀN TẢNG GIAO DỊCH PHÁP SINH

Tiếp tục khẳng định năng lực quản lý hiệu quả nguồn vốn đầu tư

Năm 2023, hiệu quả trong hoạt động quản lý nguồn vốn và quản lý đầu tư của công ty tiếp tục được khẳng định với tổng tài sản quản lý toàn công ty ở mức hơn **41** nghìn tỷ đồng với mức tăng trưởng hiệu quả ròng là **108%** so với năm 2022. Bên cạnh các nghiệp vụ kinh doanh truyền thống, năm 2023 công ty tiếp tục kiên trì toàn diện năng lực cung cấp dịch vụ giao dịch sản phẩm tiền và trái phiếu tới gần 200 Khách hàng doanh nghiệp, với tổng doanh số giao dịch đạt **42** nghìn tỷ đồng, qua đó tiếp tục mở ra kênh hoạt

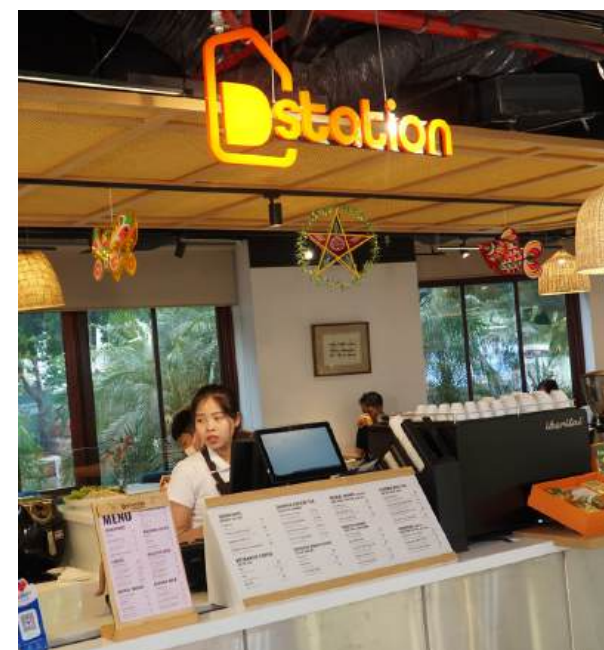
động mới quan trọng cho công ty trong giai đoạn phát triển tiếp theo của thị trường. Kết thúc năm 2023, tổng nguồn vốn chủ sở hữu của công ty đạt mức **16,5** nghìn tỷ đồng và tỷ suất lợi tức trên vốn chủ sở hữu ROE đạt **13%**.

Sau nhiều năm hoạt động, 2023 đánh dấu mốc quan trọng trong việc xây dựng được đội ngũ chuyên môn có phẩm chất, đạo đức kinh doanh trên thị trường vốn và thị trường tiền tệ, đặt nền móng cho hoạt động kinh doanh vốn cốt lõi của công ty cho những năm tiếp theo.

Triển khai mô hình Dstation - Không gian trải nghiệm và kết nối khách hàng

Năm 2023 VNDIRECT đã kết hợp cùng các công ty thành viên thuộc Tập đoàn triển khai mô hình Dstation - không gian trải nghiệm và kết nối khách hàng với hệ sinh thái Sức khỏe, Bảo hiểm và Tài chính toàn diện (Health, Wealth & Growth), đem tới những sản phẩm dịch vụ được sàng lọc và lựa chọn, giúp đồng hành cùng khách hàng trên hành trình hướng tới sức khỏe, bảo an thịnh vượng.

Trong năm 2023, VNDIRECT đã phối hợp cùng các đối tác PTI, Homefood triển khai thành công 3 mô hình Dstation tại 95 Trần Thái Tông, Số 1 Nguyễn Thượng Hiền và 90 Pasteur - HCM. Tại đây, toàn bộ đội ngũ VNDIRECT đã tổ chức các buổi workshop với sự tham gia của rất nhiều khách hàng nhằm giúp các khách hàng có cơ hội tiếp cận với các nếp sống thuận tự nhiên Go bio; nếp đầu tư tích sản bền vững cũng như rất nhiều kiến thức hữu ích về thị trường chứng khoán, qua đó giúp khách hàng có những hành trang cần thiết trên hành trình xây dựng sức khỏe thân - tâm, hành trình xây dựng sức khỏe tài chính bền vững của mình trong tương lai.





Đồng hành cùng các Khách hàng doanh nghiệp đi qua giai đoạn khó khăn nhất trên thị trường vốn trong nhiều năm

Với định vị trở thành người bạn đồng hành cùng các khách hàng doanh nghiệp, năm 2023 khối dịch vụ Ngân hàng đầu tư (Investment Banking) của VNDIRECT tiếp tục là người bạn đồng hành quan trọng cùng với các khách hàng, vượt qua giai đoạn thách thức nhất của thị trường vốn trong nhiều năm. Mặc dù điều kiện thị trường rất khó khăn nhưng công ty vẫn có 55 giao dịch tư vấn phát hành, giao dịch cấu trúc tài chính thành công cho các khách hàng với tổng giá trị 52 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, VNDIRECT đã phối hợp cùng với các ngân hàng để hỗ trợ tái cấu trúc các khoản nợ, đảm bảo hạn chế rủi ro đổ vỡ (solvency risk) và duy trì hoạt động liên tục cho các khách hàng của mình

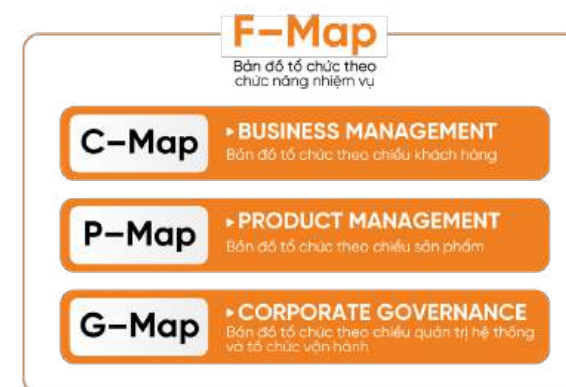


Chuỗi chương trình “IPAM Re-treat” – Xây dựng và lan tỏa nếp sống IPAM trong toàn bộ đội ngũ của VNDIRECT
Lần đầu tiên sau nhiều năm, VNDIRECT tổ chức thành công chuỗi các chương trình “IPAM Re-treat” với sự tham gia của gần 500 VNDIRECTORS nhằm đưa nếp sống tinh thần vào trong cuộc sống, công việc của mỗi cán bộ nhân viên. Qua hành trình này, mỗi VNDIRECTOR có thể tự xây dựng và củng cố bộ năng lực cốt lõi IPAM (Năng lực quan sát, Năng lực học hỏi, Năng lực hành động và Năng lực tập trung). Đây cũng là điều kiện quan trọng để VNDIRECT có thể giúp cho nhân viên luôn phát

triển, tiến bộ mỗi ngày và trở thành môi trường làm việc của những người làm nghề đích thực.
Công ty cũng đưa IPAM, cùng với iLead, trở thành nếp làm việc và quản trị công việc đặc trưng của VNDIRECTORS thông qua các cuộc họp giao ban IPAM meeting định kỳ hàng tháng, áp dụng IPAM trong nguyên tắc trao đổi, giải trình công việc v.v. Từ đó, nếp sống IPAM thực sự đi sâu vào văn hóa doanh nghiệp, giúp toàn bộ đội ngũ xây dựng năng lực kiện toàn điều kiện kinh doanh, qua đó giúp công ty nâng cao năng lực cạnh tranh và hoàn thiện chuỗi giá trị hướng tới khách hàng.



Nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp thông qua bộ Bản đồ tổ chức (FMAP, CMAP, PMAP và GMAP)



Trong năm 2023 VNDIRECT với mục tiêu nâng tầm quản trị đã tiếp tục có những thay đổi, cập nhật trong mô hình quản trị doanh nghiệp khi đưa ra 4 bộ bản đồ tổ chức bao gồm: FMAP - Bản đồ tổ chức theo chức năng nhiệm vụ; CMAP - Bản đồ tổ chức theo chiều khách hàng; PMAP - Bản đồ tổ chức theo chiều sản phẩm; GMAP - Bản đồ tổ chức theo chiều quản trị vận hành. Việc thiết kế bổ sung các Bản đồ tổ chức giúp công ty có thể dần truyền thông được cách thiết kế tổ chức theo chuỗi giá trị hướng tới khách hàng, qua đó giúp tính kết nối trong tổ chức được cải thiện, tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị và kiện toàn năng lực tổ chức kinh doanh, năng lực vận hành và năng lực giám sát quản trị hệ thống.



Lan tỏa nếp làm việc iLead - giúp nhân viên làm chủ công việc của mình mỗi ngày

Việc xây dựng môi trường làm việc khuyến khích sự chủ động, dẫn thân và làm chủ công việc của đội ngũ nhân viên là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của VNDIRECT. Dựa trên nền tảng công nghệ sẵn có cùng mục tiêu chuyển đổi số mọi hoạt động quản trị nội bộ, VNDIRECT đã chính thức đưa nền tảng quản lý công việc iLead trở thành nếp làm việc quen thuộc của toàn bộ đội ngũ công ty. Thông qua iLead, nhân sự tại VNDIRECT có thể làm chủ công việc của mình thông qua quy trình tổ

chức nhiệm vụ, giám sát quá trình thực thi, đảm bảo sự phối hợp hành động nhằm đạt được mục tiêu chung của tổ chức. Với iLead, các VNDIRECTORS được trao quyền lãnh đạo chính công việc của mình, chịu trách nhiệm trước mục tiêu cá nhân và mục tiêu chung, tự thiết kế lộ trình phát triển và từng bước khai mở tiềm năng của chính mình. iLead cũng giúp VNDIRECT nâng cao hiệu quả làm việc của mỗi nhân viên. Cụ thể, năm 2023, VNDIRECT hoạt động với 1.200 nhân viên, lợi nhuận trước thuế trên một nhân viên năm 2023 đạt 2,11 tỷ đồng, tăng trưởng 87,8% so với năm 2022.



Hoàn thiện không gian làm việc cho đội ngũ chuyên gia tư vấn hướng tới giá trị phụng sự khách hàng

Năm 2023 VNDIRECT tiếp tục quá trình chuyển đổi toàn bộ nền tảng quản lý công việc của các đội ngũ chuyên gia bao gồm việc tích hợp toàn bộ các báo cáo hỗ trợ cho Đội ngũ kinh doanh lên DSB, nền tảng quản trị tri thức KMS, chuyển đổi toàn bộ nền tảng quản lý công việc từ Microsoft office sang các nền tảng do Công ty phát triển. Đây là điều kiện cần thiết để giúp đội ngũ chuyên gia của VNDIRECT có thể được hỗ trợ tối đa từ các nền tảng quản trị của công ty, quá đó có thể liên tục nâng cao phẩm chất làm nghề thông qua việc tiếp cận và tư vấn tốt hơn cho các khách hàng của mình. Bên cạnh đó, năm 2023 công ty cũng bắt đầu kích hoạt trở lại chuỗi chương trình Gieo hạt Tri thức để tiếp tục nâng cao tri thức của đội ngũ tư vấn của công ty.

Kết thúc năm 2023:



TỔNG QUÁT VỀ VNDIRECT

- 2.1. Thông tin chung
- 2.2. Chặng đường phát triển
- 2.3. Ngành nghề kinh doanh
- 2.4. Mạng lưới hoạt động
- 2.5. Giải thưởng – Thành tựu đạt được
- 2.6. Tâm nhìn – Sứ mệnh
- 2.7. Năng lực cốt lõi/Giá trị cốt lõi
- 2.8. Định hướng phát triển
- 2.9. Các công ty con, công ty liên kết:
Tình hình hoạt động kinh doanh
- 2.10. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh
và bộ máy quản lý
- 2.11. Thông tin cổ đông



VNDIRECT
WISDOM TO SUCCESS

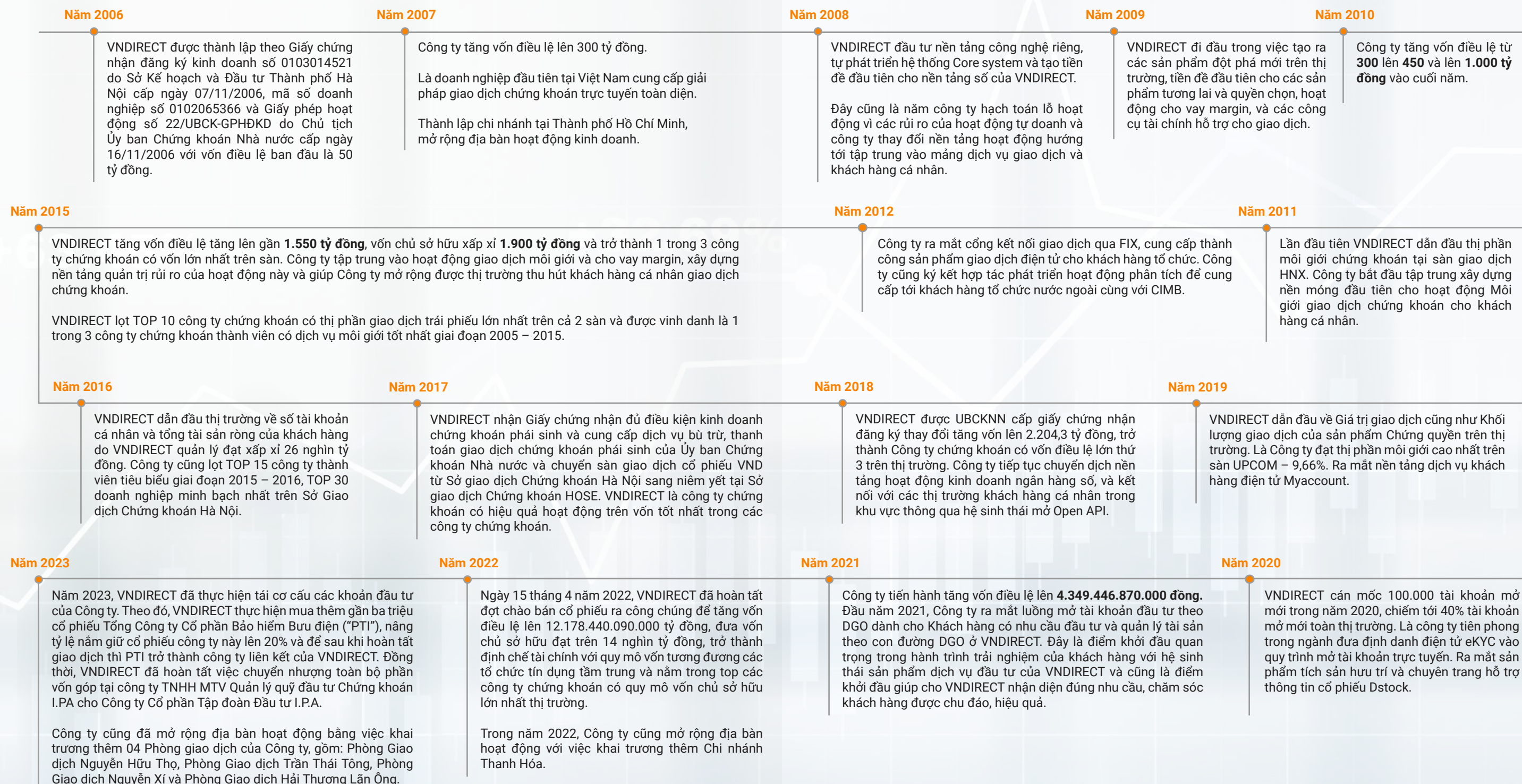


2.1. Thông tin chung

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT
Tên viết tắt	VNDIRECT
Tên giao dịch viết bằng tiếng nước ngoài	VNDIRECT SECURITIES CORPORATION
Mã chứng khoán	VND
Sàn niêm yết	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
Giấy chứng nhận ĐKDN (mã số doanh nghiệp)	Số 0102065366 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/11/2006, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 21/12/2023.
Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán	22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/11/2006 và các Quyết định/Giấy phép điều chỉnh.
Vốn điều lệ	12.178.440.090.000 đồng <i>Bằng chữ: Mười hai nghìn một trăm bảy mươi tám tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng</i>
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	12.178.398.511.540 đồng <i>Bằng chữ: Mười hai nghìn một trăm bảy mươi tám tỷ, ba trăm chín mươi tám triệu năm trăm mười một nghìn năm trăm bốn mươi đồng</i>
Trụ sở chính	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	+ (84 24) 3972 4568
Số fax	+ (84 24) 3972 4600
Website	www.vndirect.com.vn
Logo	
Đại diện theo pháp luật	Bà Phạm Minh Hương – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ông Nguyễn Vũ Long – Tổng Giám đốc Ông Điều Ngọc Tuấn – Giám đốc quản trị



2.2. Chặng đường phát triển



2.3. Ngành nghề kinh doanh



2.4. Mạng lưới hoạt động

Miền Bắc

Trụ sở chính – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 024 3972 4568 | Fax: 024.39724600

Chi nhánh Thanh Xuân – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà CT1 số 43 Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Phòng Giao dịch Lê Văn Lương – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Phòng Giao dịch Lò Đức – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Số 97 Lò Đức, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Phòng Giao dịch Văn Cao – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Số 22 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội

Phòng Giao dịch Trần Thái Tông – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Tầng 1, số 95 Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
Phòng Giao dịch Ngụy Như Kon Tum – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Tầng 1 – Tòa nhà Comatce Tower, số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Chi nhánh Quảng Ninh – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Tầng 1, 2 và 3, Ô số 10, Lô LK1, Khu chung cư và dân cư cao cấp Việt Hàn, Phường Hồng Gai, Tp. Hạ Long, Quảng Ninh

Chi nhánh Nam Định – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Số 5, Tổ 13, đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Tp. Nam Định, Tỉnh Nam Định
Điện thoại: 022 8352 8819

Miền Trung

Chi nhánh Thanh Hóa – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Tầng 2, số 11 Hạc Thành, Phường Điện Biên, Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

Chi nhánh Vinh – Nghệ An – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 01, Khối Yên Vinh, Phường Hưng Phúc, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An
Điện thoại: 0238 868 8466

Chi nhánh Đà Nẵng – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Số 57 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: 0236 382 1111 | Fax: 0236 389 8616

Phòng Giao dịch Nguyễn Hữu Thọ – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Tầng 5, Phòng 5A, Tòa nhà nhà Ricco số 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng

Miền Nam

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: 90 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 7300 0688 | Fax: 028 3914 6924

Chi nhánh Bình Dương – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Tầng 18, Tòa nhà Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại: 0274 222 2659 - 0274 222 2660

Chi nhánh Cần Thơ – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà STS, số 11B Hòa Bình, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Điện thoại: 0292 376 6959 | Fax: 0292 382 6331

Phòng Giao dịch SALA – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Số 151 Nguyễn Cơ Thạch, Phường An Lợi Đông, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Phòng Giao dịch Nguyễn Xí – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Tầng 1, số 205 đường Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Phòng Giao dịch Hải Thượng Lãn Ông – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ: Tầng 1, 102A-B Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh



2.5. Giải thưởng – Thành tựu đạt được



Công ty vượt trội tại Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ tài chính (phi ngân hàng) năm 2023

VNDIRECT tiếp tục năm thứ 2 liên tiếp được bình chọn “Công ty vượt trội tại Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ tài chính (phi ngân hàng) năm 2023” theo cuộc bình chọn “Asia’s Outstanding Companies Poll” của AsiaMoney, tạp chí uy tín hàng đầu Châu Á về Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng.



Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam

Lần thứ 7 liên tiếp nằm trong danh sách VNR500 - Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do Vietnam Report xếp hạng. Năm 2023, VNDIRECT đứng thứ 2 ngành chứng khoán và đứng thứ 113 trong nhóm Doanh nghiệp tư nhân (tăng 11 hạng so với năm 2022).



Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam

Nằm trong Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam do Vietnam Report xếp hạng, đứng thứ 39 trong nhóm Doanh nghiệp tư nhân.



Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam VBE500

Nằm trong Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam VBE500 do Báo đầu tư và VietResearch công bố, đứng vị trí 132



2.6. Tâm nhìn – Sứ mệnh

TẦM NHÌN VNDIRECT

Xây dựng VNDIRECT là một định chế tài chính đầu tư chuẩn mực và tin cậy, đem lại giá trị Sức khỏe tài chính – Bảo an thịnh vượng – Phát triển bền vững cho những người làm nghề, khách hàng, đối tác và cộng đồng.

SỨ MỆNH CỦA VNDIRECT

Phụng sự **Sức khỏe tài chính, Bảo an thịnh vượng và Điều kiện tiếp cận** hệ sinh thái đầu tư toàn diện, tin cậy và cực kỳ đơn giản.

2.7. Năng lực cốt lõi/Giá trị cốt lõi

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Đạo đức chính trực (Conduct of Integrity)

Đó là là giá trị cốt lõi đầu tiên của mỗi VNDIRECTOR, chúng tôi hiểu rằng, chỉ có sự chính trực và cam kết tôn trọng sự thật khách quan mới giúp chúng tôi có thể tự tin xây dựng uy tín dịch vụ và các giá trị bền vững cho một tập thể của những con người yêu nghề và trân quý tất cả cơ hội khách hàng đã trao tặng chúng tôi.

Trí tuệ tập thể (Collective Wisdom)

Mỗi cá nhân chủ động tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người có kiến thức, kinh nghiệm với thái độ cầu thị; đồng thời tìm hiểu nền tảng trí tuệ tập thể đã được tích lũy qua thời gian, áp dụng hiệu quả trong công việc và hoàn thiện năng lực của tổ chức.

Hợp tác phụng sự (Collaboration of Services)

Mọi trải nghiệm của chúng tôi với mỗi khách hàng là một tài sản quý báu, giúp chúng tôi luôn được học hỏi và hoàn thiện mình. Chúng tôi tôn trọng mọi nhu cầu khác biệt của mỗi khách hàng và luôn lắng nghe để thấu hiểu từng nhu cầu và cung cấp được giải pháp tối ưu cho khách hàng với mọi điều kiện chúng tôi có thể.

Kết nối giá trị (Connection of Values)

Chúng tôi cùng nhau chia sẻ và đóng góp kinh nghiệm và kiến thức nghề nghiệp để tạo được một dòng sông trí tuệ tập thể, giúp cho mỗi chúng tôi có được nền tảng tri thức nghề nghiệp và sự sáng tạo không ngừng của một tập thể lớn mạnh, đáp ứng được mọi mong đợi của khách hàng.

2.8. Định hướng phát triển

Định hướng phát triển của Công ty được thực thi dựa trên các năng lực cốt lõi:



CON NGƯỜI

Công ty đã xây dựng được văn hóa làm việc trên bốn khung năng lực cốt lõi IPAM của mỗi nhân viên VNDIRECT:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Mindfulness – Năng lực tập trung, Toàn tâm phụng sự
- VNDIRECT – Cộng đồng những người làm nghề có đạo đức và tinh thần dân thân phụng sự. Những con người có phẩm chất **IPAM (Insights – Passion – Action – Mindfulness)** đã xây dựng được sức mạnh của một tập thể những con người làm nghề chuyên nghiệp, có khả năng hiểu biết sâu sắc về tầm nhìn, sứ mệnh và hệ giá trị của công ty (**INSIGHTS – Cái thấy đúng đắn**), có năng lực tạo ra sức mạnh sáng tạo từ sự đam mê nghề nghiệp (**PASSION – Đam mê**), năng lực hành động cùng một tập thể tri thức với kinh nghiệm đa dạng (**ACTION – Hành động**), và khả năng an trú vững vàng trong mọi điều kiện của thị trường (**MINDFULNESS – An vui với hiện tại**).

Từ lúc mới thành lập đến nay, VNDIRECT đã trải qua nhiều thời điểm thách thức cho đến những thành công vượt trội, nhưng dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, VNDIRECTORS cũng không ngừng cố gắng phụng sự cho sự phát triển lành mạnh của thị trường chứng khoán Việt Nam, cho sự an tâm sử dụng dịch vụ của mỗi khách hàng tại VNDIRECT và cho sự trưởng thành của mỗi thành viên trong Công ty. Sự có mặt của mỗi con người tại VNDIRECT trong suốt thời gian qua đều đã làm nên VNDIRECT ngày hôm nay. Tập thể công ty tiếp tục tiếp nối con đường phụng sự Khách hàng, Cổ đông và đóng góp vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế và tài chính của đất nước.

CÔNG NGHỆ

Tiếp tục thực hiện sứ mệnh “Phụng sự Sức khỏe tài chính, Bảo an thịnh vượng và Điều kiện tiếp cận hệ sinh thái đầu tư toàn diện, tin cậy và cực kỳ đơn giản”, VNDIRECT là công ty luôn đi đầu và đầu tư áp dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực đầu tư tài chính để gia tăng điểm chạm với khách hàng nhằm mang lại trải nghiệm tốt nhất trong suốt hành trình đầu tư. Song song đa dạng sản phẩm đầu tư theo thấp nhu cầu **HEALTH - WEALTH – GROWTH**, hệ sinh thái công nghệ luôn được cập nhật và phát triển nhằm đáp ứng đầy đủ các nhu cầu đầu tư của khách hàng với các mục tiêu:

- Cung cấp nền tảng giao dịch đa tài sản, khách hàng có thể dễ dàng tiếp cận thông tin sản phẩm, thao tác và thực hiện giao dịch với VNDIRECT.
- Nền tảng quản lý tài sản giúp khách hàng quản lý ngân quỹ, đầu tư và giao dịch chứng khoán theo thấp nhu cầu **HEALTH - WEALTH – GROWTH** với đặc điểm: **Kết nối dễ dàng, báo cáo minh bạch và cảnh báo kịp thời**.
- Nền tảng dữ liệu cung cấp thông tin, phân tích dữ liệu, sức khỏe tài chính doanh nghiệp và cộng đồng đầu tư uy tín để hỗ trợ khách hàng nắm bắt kịp thời cơ hội kinh doanh theo điều kiện thị trường.
- Nền tảng dịch vụ hỗ trợ đầu tư khác kết nối khách hàng với các chuyên gia tư vấn đầu tư của VNDIRECT trên nguyên tắc **“Thấu hiểu – Đồng hành – Phù hợp”**.
- Số hóa toàn bộ các hoạt động kinh doanh và quản trị của mình.
- Đảm bảo an toàn và an ninh thông tin nhằm bảo vệ khách hàng.

CHUỖI GIÁ TRỊ

Chuỗi giá trị dịch vụ tài chính lấy khách hàng là trọng tâm - Customer Centric

Với chiến lược chuyển dịch mô hình từ kinh doanh dịch vụ giao dịch chứng khoán, sang một nền tảng dịch vụ đầu tư tài chính đa dạng sự lựa chọn, VNDIRECT xây dựng mô hình kinh doanh dựa trên chuỗi giá trị với mục tiêu kiến tạo các giá trị dịch vụ tài chính với định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, phụng sự sự thịnh vượng của khách hàng để đạt được sự hài lòng cuối cùng của khách hàng. Chuỗi giá trị dịch vụ tài chính của VNDIRECT được thể hiện qua chuỗi các hoạt động để gia tăng giá trị cho các sản phẩm dịch vụ mà VNDIRECT mang tới cho khách hàng:

- Tìm kiếm cơ hội và tạo nguồn sản phẩm chất lượng cho thị trường thông qua năng lực tiếp cận, mở rộng, năng lực bảo lãnh phát hành và năng lực tạo lập thị trường.
- Tạo lập thị trường và kinh doanh rủi ro thông qua đội ngũ con người giàu kinh nghiệm, hiểu thị trường, năng lực tạo lập thị và cung ứng thanh khoản cho thị trường, mang tới cơ hội tiếp cận với sản phẩm đầu tư tới mọi khách hàng.
- Thiết kế và đóng gói sản phẩm dịch vụ phù hợp với các điều kiện tài chính, đầu tư và nhu cầu của từng phân khúc khách hàng.
- Kênh phân phối liên tục mở rộng từ online đến offline cũng như thông qua các mô hình kinh doanh B2B và B2B2C để liên tục tăng cơ hội tiếp cận và đưa sản phẩm tới tay khách hàng. Đây cũng là bước quan trọng nhằm khách hàng dễ dàng tiếp cận được với sản phẩm VNDIRECT cũng như được tiếp cận với các nền tảng dịch vụ hỗ trợ, nền tảng kiến thức và có bạn đồng hành trong suốt quá trình đầu tư.





2.9. Các công ty con*, công ty liên kết: Tình hình hoạt động kinh doanh

Tên công ty	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
Địa chỉ trụ sở chính	Số 95 phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và Dịch vụ tài chính
Số vốn góp (VNĐ)	836.115.332.000
Tỷ lệ sở hữu (%)	20%

*Ngày 20/12/2023, VNDIRECT đã hoàn tất giao dịch chuyển nhượng 100% phần vốn góp tại Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A. Theo đó, từ ngày 20/12/2023, VNDIRECT không còn Công ty con.

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết (Tính đến ngày 31/12/2023)

Đơn vị: VNĐ

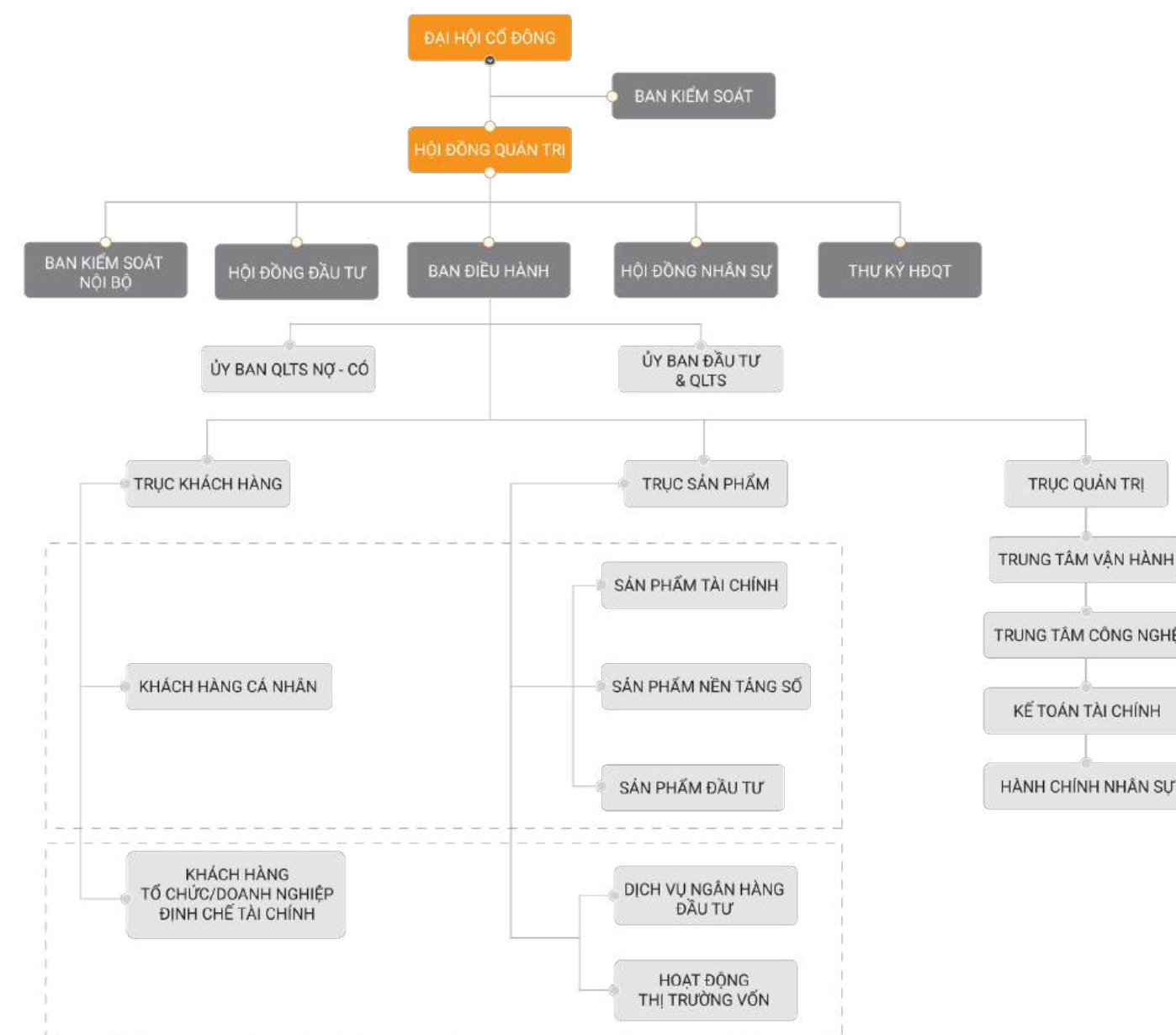
Doanh thu	5.170.797.710.760
Lợi nhuận trước thuế	319.758.228.184
Lợi nhuận sau thuế	252.869.256.999
Tổng tài sản	8.218.792.122.186

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện

2.10. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

VNDIRECT hoạt động theo loại hình công ty cổ phần, tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc (xem sơ đồ dưới đây):



2.11. Thông tin cổ đông

Theo danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp tại ngày 08/06/2023, thông tin về cổ phiếu phổ thông của VNDIRECT như sau:

Số lượng cổ phiếu phát hành và đang niêm yết	1.217.844.009 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.217.844.009 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại VNDIRECT	100% (Theo thông báo số 7295/UBCK-QLKD ngày 08/11/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

Bảng Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 08/06/2023

STT	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước	62.578	959.452.397	78,78
1.1	Cá nhân	62.465	616.362.389	50,61
1.2	Tổ chức	113	343.090.008	28,17
2	Cổ đông nước ngoài	910	258.391.612	21,22
2.1	Cá nhân	820	11.941.066	0,98
2.2	Tổ chức	90	246.450.546	20,24
	Trong đó: Tổ chức có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50% VDL	0	0	0
3.	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng		63.488	1.217.844.009	100

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện

Thống kê danh sách cổ đông lớn

Tính đến ngày 31/12/2023, danh sách cổ đông lớn của công ty như sau:

Tên cổ đông	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	TỔNG CỘNG
Số lượng cổ phần	314.654.782	314.654.782
Tỷ lệ sở hữu (%)	25,84%	25,84%

Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phần

Cổ phần	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ phần đang lưu hành	1.217.844.009	100%
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0	0,00%
Cổ phần chuyển nhượng tự do	1.217.844.009	100%
Cổ phần quỹ	0	0,00%
TỔNG CỘNG	1.217.844.009	100%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

- 3.1. Điều kiện kinh doanh 2023
- 3.2. Tình hình tài chính
- 3.3. Kết quả hoạt động các mảng kinh doanh 2023 của VNDIRECT
- 3.4. Kết quả kinh doanh theo Phân khúc Khách hàng
- 3.5. Hoạt động quản trị rủi ro năm 2023
- 3.6. Hoạt động khối Vận hành - Công nghệ
- 3.7. Quản trị nguồn nhân lực
- 3.8. Báo cáo phát triển bền vững

2023



3.1. Điều kiện kinh doanh 2023

KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023: KIỀM CƯỜNG CHỐNG CHỊ VỚI “GIÔNG TỔ”

Theo Tổng cục Thống kê (TCTK), nền kinh tế Việt Nam cho thấy xu hướng phục hồi rõ nét và ghi nhận mức tăng trưởng GDP 6,72% trong Q4/23, là mức tăng cao nhất trong vòng 5 quý trở lại đây.

Tuy vậy, do kết quả thấp trong 9 tháng đầu năm, tăng trưởng GDP cả năm 2023 chỉ đạt 5,05%, là mức thấp thứ 3 trong giai đoạn 2011-2023 và chỉ cao hơn 2 năm diễn ra đại dịch COVID-19 là 2020 và 2021. Tuy nhiên, có thể coi đây là kết quả đáng khích lệ nếu nhìn lại những khó khăn mà nền kinh tế Việt Nam phải vượt qua trong năm 2023 như (1) bức tranh kinh tế thế giới ảm đạm, bị phủ bóng bởi lạm phát cao và chính sách tiền tệ thắt chặt trên toàn cầu, (2) đơn hàng xuất khẩu sụt giảm mạnh, (3) bất ổn địa chính trị gia tăng trên toàn cầu, (4) nguy cơ phân rã của ngành sản xuất toàn cầu do cạnh tranh giữa các nước lớn, (5) khó khăn của thị trường bất động sản, thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong nước và (6) rủi ro nợ xấu tăng cao. Nhìn chung, các tổ chức quốc tế vẫn đánh giá cao kết quả tăng trưởng của Việt Nam và nhấn mạnh đây vẫn là mức tăng trưởng GDP thuộc hàng cao trong một bức tranh chung “ảm đạm” của kinh tế khu vực và toàn cầu trong năm 2023.

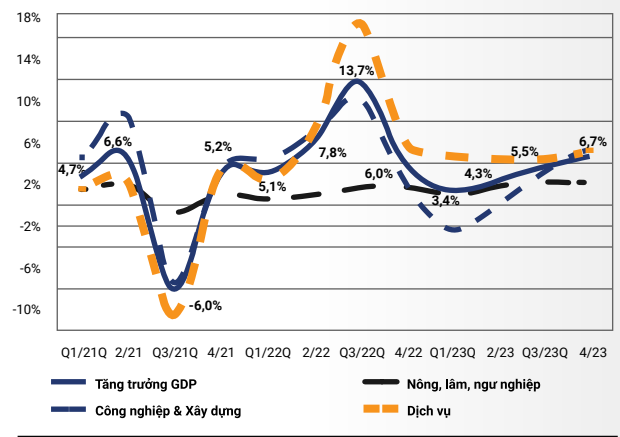
Để hỗ trợ nền kinh tế chống chọi với một loạt “cơn gió ngược” cả trong nước lẫn ngoài nước, Chính phủ và Quốc hội Việt Nam đã quyết liệt thúc đẩy nhiều giải pháp để tiếp sức cho nền kinh tế. Đối với chính sách tài khóa, Chính phủ tiếp tục mở rộng tài khóa thông qua giãn, hoãn miễn, giảm, hạ thuế phí trong năm 2023 (giãn nộp tiền sử dụng đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm 2% thuế VAT, giảm 50% thuế trước bạ đối với ô tô sản xuất trong nước, tăng lương cơ sở,...).

Đặc biệt, đối với chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) đã cắt giảm liên tiếp lãi suất điều hành 4 lần trong nửa đầu năm 2023, đi ngược lại với xu hướng thắt chặt tiền tệ trên toàn cầu. Đây là nỗ lực rất lớn của NHNN và động thái này đã đánh dấu việc đảo ngược chính sách tiền tệ và xu hướng lãi suất trong nước. Kể từ thời điểm đó, lãi suất huy động và cho vay đã liên tục giảm, góp phần hỗ trợ cho nền kinh tế và doanh nghiệp. Tính đến cuối năm 2023, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm gần 3% (kỳ hạn 12 tháng) và lãi suất cho vay bình quân giảm khoảng 2-3% so với thời điểm cuối năm 2022. Lãi suất giảm đã góp phần không nhỏ cho sự phục hồi của doanh nghiệp và nền kinh tế trong nửa sau của năm 2023.

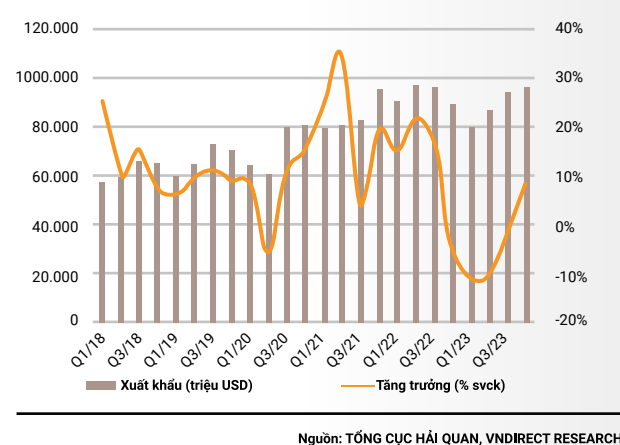
Lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu phản ánh rõ rệt nhất những khó khăn của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2023. Tình trạng thiếu hụt đơn hàng xuất khẩu diễn ra thường xuyên và dai dẳng trong năm 2023 khiến cho chỉ số PMI của Việt Nam liên tục duy trì dưới ngưỡng 50 điểm, phản ánh xu hướng thu hẹp của lĩnh vực sản xuất. Tuy vậy, hoạt động xuất khẩu đã nhìn thấy ánh sáng cuối đường hầm khi đơn hàng có dấu hiệu phục hồi nhẹ trong Q4/23, kéo theo giá trị xuất khẩu của Việt Nam tăng trưởng gần 8% svck trong

quý cuối năm (cả năm xuất khẩu sụt giảm 4,6% svck). Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng cũng chứng kiến sự phục hồi đáng ghi nhận trong Q4/23 với tăng trưởng đạt 7,35%, cải thiện mạnh so với mức tăng trưởng chỉ 2,4% trong 9T/23.

Hình 1: GDP Việt Nam tăng trưởng 6,72% svck trong Q4/23, cho thấy nền kinh tế đang trên đà phục hồi

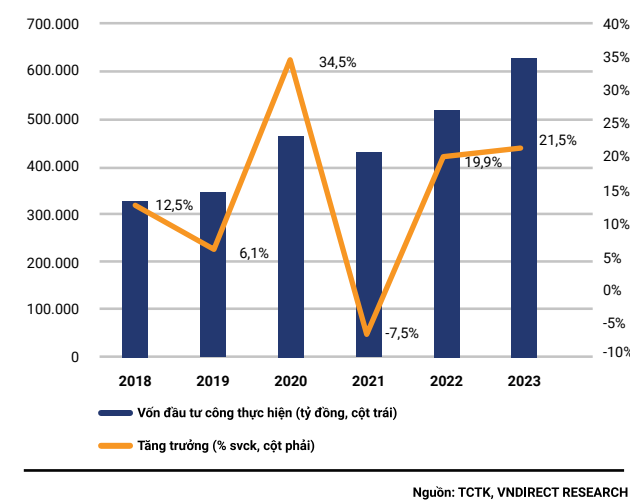


Hình 2: Hoạt động thương mại của Việt Nam phục hồi trong Q4/23



Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là điểm sáng của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2023 với mức tăng trưởng cả năm đạt 3,83%, cao nhất trong vòng 5 năm qua. Tăng trưởng mạnh của lĩnh vực này được thúc đẩy bởi: (1) xuất khẩu của một số mặt hàng nông sản tăng mạnh như gạo (+38% svck), trái cây và rau củ (+69% svck) và (2) ứng dụng khoa học công nghệ giúp cải thiện đáng kể năng suất trong ngành trồng trọt, chăn nuôi.

Hình 3: Vốn đầu tư công thực hiện tăng 21,2% svck trong năm 2023

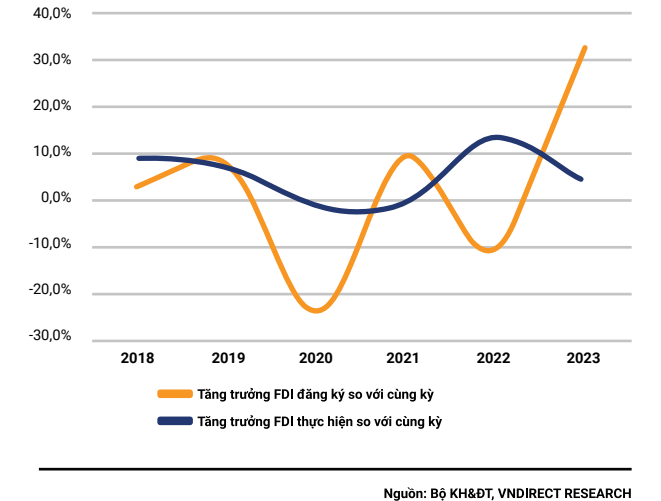


Lĩnh vực dịch vụ duy trì mức tăng trưởng khá trong năm 2023 nhờ du lịch phục hồi tích cực. Việt Nam ghi nhận 12,6 triệu lượt khách quốc tế (tăng gấp 3,4 lần svck) và 108 triệu lượt khách nội địa (tăng gần 7% svck) giúp tổng nguồn thu từ du lịch năm 2023 đạt khoảng 672.000 tỷ đồng (tăng 35,8% svck). Bên cạnh đó, nhờ chính sách kích cầu của Chính phủ (như hoãn, miễn, giảm thuế phí, đẩy mạnh đầu tư công,...), cầu tiêu dùng trong nước vẫn tăng trưởng khá bất chấp khó khăn của thị trường lao động. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng 9,6% svck, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,1% svck. Những yếu tố đó góp phần giúp lĩnh vực dịch vụ ghi nhận tăng trưởng 6,8% svck trong cả năm 2023, cao hơn mức tăng trưởng bình quân 5,8% trong giai đoạn 2018-2022.

Thu hút vốn đầu tư nước ngoài và đầu tư công cũng là những điểm sáng của nền kinh tế Việt Nam trong năm qua. Theo đó, Việt Nam đã thu hút được 36,6 tỷ USD vốn FDI đăng ký trong năm 2023, tăng 32,1% svck, là mức tăng cao nhất trong vòng 5 năm qua. Việt Nam đã thu hút được nhiều dự án lớn FDI lớn, bao gồm: Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 trị giá gần 2,0 tỷ USD, Dự án Tổ hợp công nghệ tế bào quan điện Jinko Solar trị giá 1,5 tỷ USD, LG Innotek tăng vốn đầu tư thêm 1,0 tỷ USD,... Ngoài ra, Sumitomo cũng góp vốn mua 15% cổ phần của ngân hàng VPBank trị giá 1,5 tỷ USD. Đồng thời, Việt Nam cũng ghi nhận mức vốn FDI giải ngân đạt kỷ lục mới 23,2 tỷ USD trong năm 2023, tăng 3,5% svck. Bức tranh về đầu tư công cũng khá tích cực trong năm 2023. Theo Tổng cục Thống kê, vốn đầu tư công thực hiện năm 2023 đạt 623,5 nghìn tỷ đồng, tăng 19,9% so với năm 2022. Trong khi đó, vốn giải ngân đến cuối tháng 12/2023 đạt 73,5% kế hoạch cả năm 2023 và theo đại diện của Bộ Kế hoạch Đầu tư đến cuối tháng 1/2024 (thời hạn chốt giải ngân vốn đầu tư công năm 2023) có thể hoàn thành mục tiêu giải ngân 95% kế hoạch cả năm 2023.

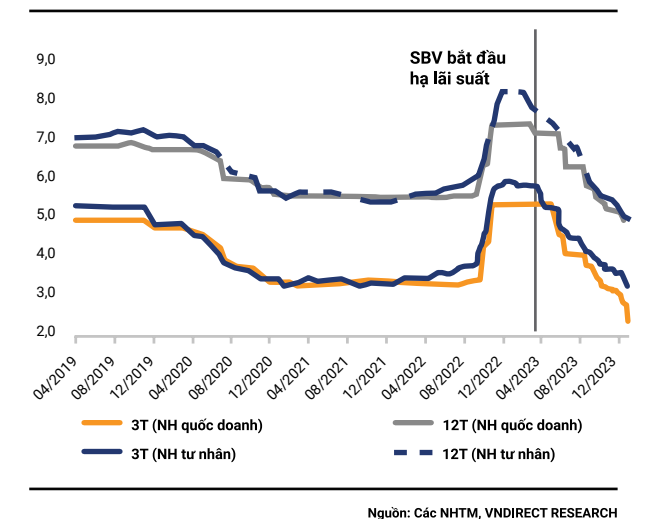
Một điểm nhấn quan trọng trong năm vừa qua đó là sự quyết liệt trong điều hành chính sách tiền tệ của Ngân

Hình 4: Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam diễn biến khá tích cực



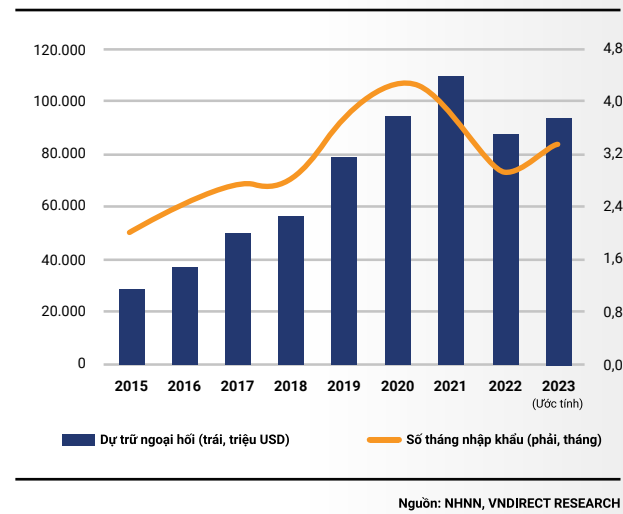
hàng Nhà nước và xu hướng giảm mạnh của lãi suất trong nước. Cụ thể, NHNN đã có 4 lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành trong giai đoạn tháng 3-tháng 6, theo đó: Lãi suất chiết khấu giảm 1,5 điểm phần trăm xuống 3,0%/năm, lãi suất tái cấp vốn giảm 1,5 điểm phần trăm xuống 4,5%/năm... Sau động thái giảm lãi suất của NHNN, lãi suất trên thị trường đã giảm mạnh. Tính đến ngày 28/12/2023, lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của các ngân hàng thương mại đã giảm 2,9 điểm % trong năm 2023 xuống còn 4,94%/năm. Lãi suất huy động hiện đã xuống thấp hơn cả thời kỳ Covid-19 (2021-6T2022). Trong khi đó, lãi suất cho vay cuối năm 2023 cũng đã giảm khoảng 2-3 điểm phần trăm so với cuối năm 2022.

Hình 5: Lãi suất huy động đã giảm xuống dưới mức đáy trong thời kỳ Covid-19 (đơn vị: %)



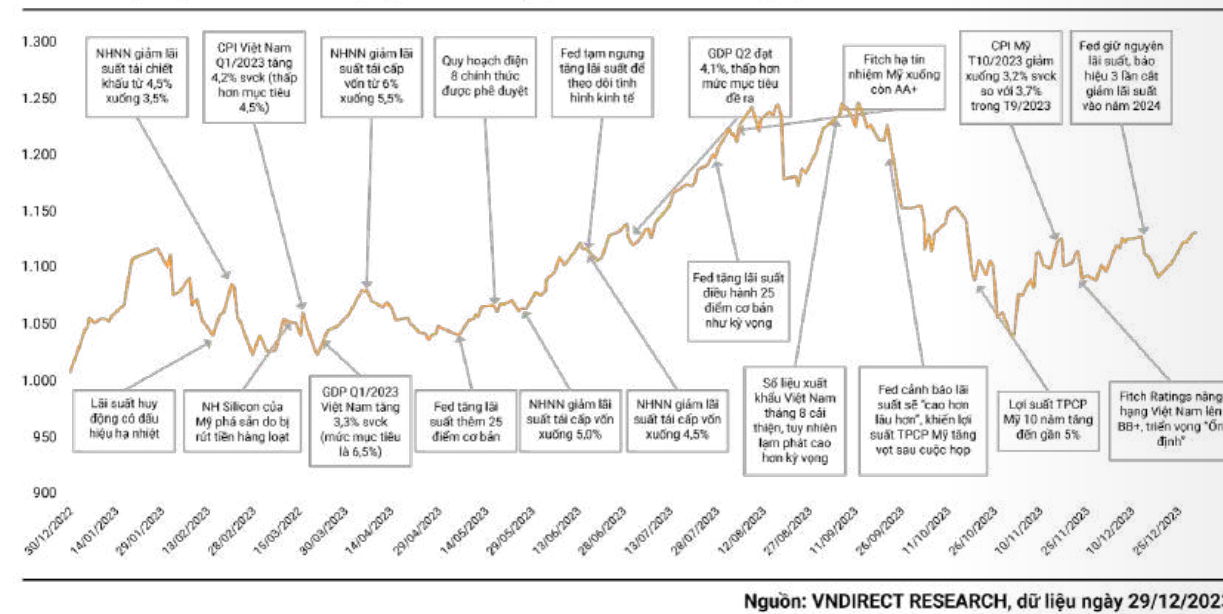
Ổn định vĩ mô tiếp tục được giữ vững trong năm 2023. Lạm phát được kiểm chế với CPI bình quân cả năm 2023 tăng 3,25% svck, đạt mục tiêu của Chính phủ là kiểm soát CPI bình quân dưới 4,5%. Đặc biệt, lạm phát cơ bản có xu hướng giảm rõ nét, chỉ tăng 3,17% svck trong Q4/23, giảm mạnh so với mức tăng 5,01% svck trong Q1/23. Trong khi đó, mặc dù chịu nhiều áp lực từ chênh lệch lợi suất giữa tiền đồng và USD, diễn biến tỷ giá trong nước cơ bản ổn định. Tỷ giá USD/VND tăng 2,17% trong năm 2023 và biên độ biến động cũng hẹp hơn đáng kể so với năm 2022 (năm 2022 tỷ USD/VND có thời điểm tăng tới 9% so với mức tăng cao nhất khoảng 4% trong năm 2023). Các cân đối vĩ mô khác của nền kinh tế cũng được cải thiện tích cực. Cán cân thương mại thặng dư tới 28,3 tỷ USD trong năm 2023 (mức cao nhất lịch sử), thặng dư thanh toán chuyển biến tích cực, dự trữ ngoại hối tăng khoảng 6 tỷ USD trong năm 2023, nợ công duy trì ở mức 37% GDP,... Ổn định vĩ mô được giữ vững sẽ là tiền đề quan trọng để Việt Nam duy trì mức tăng trưởng kinh tế cao và bền vững trong trung hạn.

Hình 6: Dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã cải thiện nhẹ trong năm 2023



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (TTCK) NĂM 2023: PHỤC HỒI NHƯNG CHƯA TRỌN VẸN

Hình 7: Trải qua một năm nhiều biến động, VN-INDEX khép lại năm 2023 với mức tăng 12,2%



VN-Index bắt đầu Q1/23 với diễn biến giằng co trước khi tăng 15,4% từ tháng 4, đạt 1.245 điểm trong tháng 9 nhờ: 1) Bốn lần cắt giảm lãi suất từ NHNN; và 2) Động thái hỗ trợ, tháo gỡ điểm nghẽn thị trường trái phiếu doanh nghiệp như Nghị định 08, Nghị định 03, Dự thảo Thông tư 16. Tuy nhiên, VN-Index giảm mạnh 16,2% từ giữa tháng 9 đến cuối tháng 10 xuống 1.028 điểm do: 1) Thông điệp "giữ lãi suất cao trong thời gian dài hơn" của Fed; 2) chỉ số DXY tăng hơn 7,5% so với đáy ngày 23/7 khiến tỷ giá USD/VND có thời điểm vượt 24.700; 3) Tăng trưởng GDP 9T23 chỉ đạt 4,24%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 6,0-6,5% cho cả năm 2023. Mặc dù Fed đưa ra tuyên bố bớt "điều hâu" hơn, nhà đầu tư Việt Nam vẫn tương đối thận trọng, thể hiện ở việc thị trường Việt Nam trong giai đoạn 2 tháng cuối năm có thời điểm đi ngược lại so với diễn biến tích cực của các thị trường chứng khoán quốc tế, một phần do tốc độ phục hồi kinh tế chậm với chỉ số PMI tháng 11 và tháng 12 vẫn dưới ngưỡng 50.

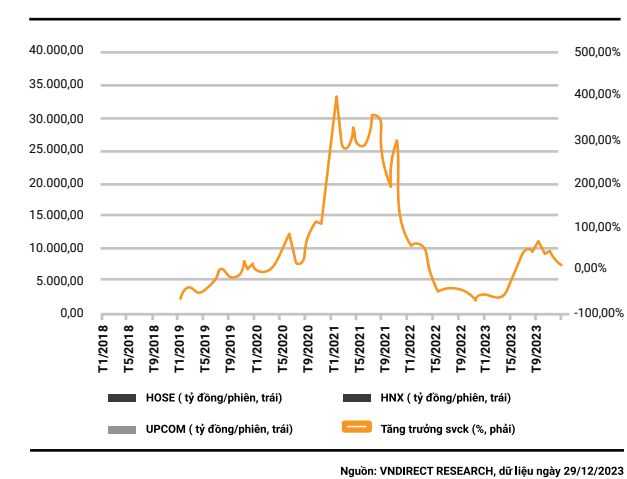
Khép lại năm 2023, VN-Index tăng 12,2% svck lên mức 1.129,93 điểm. Tổng kết lại, mặc dù đã phục hồi đáng kể từ đáy năm 2022, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều biến động và trở ngại trong năm qua, bao gồm 1) Lợi nhuận doanh nghiệp giảm sút, 2) Các chính sách hỗ trợ về thị trường trái phiếu doanh nghiệp và tăng trưởng tín dụng có tỷ lệ hấp thụ chậm và 3) Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng mạnh vào năm 2023.

Thanh khoản có xu hướng hồi phục trong giai đoạn nửa cuối năm 2023

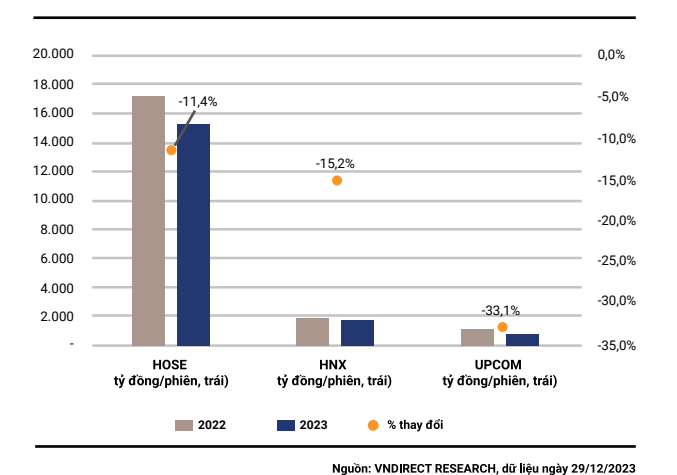
Thanh khoản phục hồi trở lại từ giữa Q2/23 sau khi NHNN nới lỏng chính sách tiền tệ. Cụ thể, thanh khoản tăng 47,0% svck trong Q3/23 và tăng 29,4% svck trong Q4/23. Tuy vậy, tính cả năm 2023, giá trị giao dịch bình quân giảm 13,0% svck xuống 17.520 tỷ đồng/phiên (HOSE: 15.146 tỷ đồng/phiên, -11,4% svck; HNX: 1.640 tỷ đồng/phiên, -15,2% svck; UPCOM: 735 tỷ đồng/phiên, -33,1% svck) do 1) tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trong 2023 trước những khó khăn của thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp gây ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư và 2) mức nền cao kỷ lục thời điểm nửa đầu năm 2022.

Tuy nhiên, khi nhìn vào bức tranh tổng quát hơn, thanh khoản năm 2023 vẫn tăng 129% so với năm 2018, cho thấy thị trường vẫn đang phát triển đúng hướng. Hướng tới năm 2024, với những kỳ vọng tích cực về việc ra mắt KRX, thanh khoản thị trường được kỳ vọng sẽ tăng trở lại khi chất lượng và tính minh bạch của TTCK được củng cố.

Hình 8: Thanh khoản thị trường phục hồi trong 2 quý cuối năm, tuy nhiên GTGD bình quân cả năm 2023 vẫn sụt giảm 13% sv năm 2022



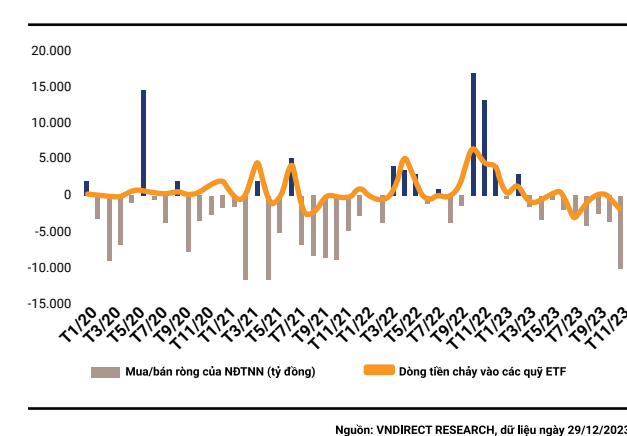
Hình 9: Thanh khoản trên 3 sàn đều giảm so với cùng kỳ



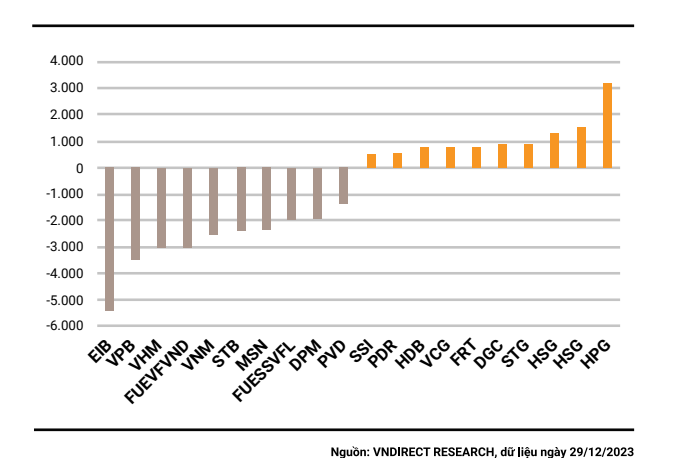
Đà bán ròng của khối ngoại là nốt trầm trong năm 2023

Sau khi mua ròng 28,9 nghìn tỷ đồng vào năm 2022, nhà đầu tư nước ngoài đã quay đầu bán ròng trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ tháng 4/2023. Cả năm 2023, tổng giá trị bán ròng của khối ngoại đạt 22,9 nghìn tỷ đồng trên 3 sàn giao dịch. Chúng tôi cho rằng một trong những lý do thúc đẩy hoạt động bán ròng mạnh mẽ của nhà đầu tư nước ngoài là việc tái cơ cấu danh mục đầu tư. Diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán ở những nước phát triển có thể khiến nhà đầu tư nước ngoài rút tiền khỏi các thị trường có rủi ro cao như thị trường cận biên hoặc mới nổi. Ngoài ra, một phần đà bán ròng năm nay có thể đến từ việc nhà đầu tư Thái Lan phản ứng lại việc chuẩn bị bị áp thuế thu nhập đối với các khoản đầu tư ra nước ngoài kể từ đầu năm 2024.

Hình 10: Khối ngoại bán ròng 22.998 tỷ đồng trong năm 2023 (đơn vị: tỷ đồng)



Hình 11: Khối ngoại bán ròng nhiều nhất EIB trong khi mua ròng nhiều nhất HPG năm 2023 (đơn vị: tỷ đồng)



3.2 Tình hình tài chính

Cơ cấu tài sản và nguồn vốn

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	40.414	38.419	5,2%
1. Tiền và tương đương tiền	4.862	2.458	97,8%
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	16.730	18.930	-11,6%
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.432	5.600	32,7%
4. Các khoản cho vay	10.286	9.061	13,5%
5. Các khoản phải thu	939	2.245	-58,2%
6. Tài sản ngắn hạn khác	165	125	31,9%
Tài sản dài hạn	1.328	351	278,6%
1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	202	-	
2. Đầu tư vào Công ty con	-	160	-100,0%
3. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	836	-	
4. Tài sản dài hạn khác	290	191	52,1%
TỔNG TÀI SẢN	41.742	38.770	7,7%
Nợ phải trả	25.234	24.285	3,9%
1. Vay ngắn hạn	20.468	19.312	6,0%
2. Phát hành trái phiếu	800	1.650	-51,5%
3. Nợ phải trả khác	3.966	3.323	19,3%
Vốn chủ sở hữu	16.508	14.485	14,0%
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	41.742	38.770	7,7%

Nguồn: Báo cáo tài chính 2023 VNDIRECT đã kiểm toán

Cơ cấu tài sản

Tài sản ngắn hạn cuối năm 2023 vẫn chiếm trọng số trong cơ cấu Tổng tài sản tại VNDIRECT với tỷ trọng 96,8% tương ứng với 40.414 tỷ đồng, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó chủ yếu là những tài sản có tính thanh khoản cao nhằm duy trì bộ đệm vốn và cũng mang lại lợi nhuận cho Công ty bao gồm tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi và trái phiếu tổ chức tín dụng.

Tại ngày 31/12/2023, mặc dù tài sản tài chính FVTPL có sự giảm nhẹ 11,6% so với năm 2022 nhưng vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản tại VNDIRECT (tỷ trọng 40,1%). Trong đó, tỷ trọng về tài sản có tính thanh khoản cao như Chứng chỉ tiền gửi và Trái phiếu tổ chức tín dụng vẫn chiếm tỷ trọng gần 40%. Năm 2023 cũng là năm Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được lưu ký tập trung tại VSD, Công ty cũng hạ quy mô năm giữ Trái phiếu chưa niêm yết từ 9.167 tỷ đồng tại 31/12/2022 xuống mức 7.547 tỷ đồng tại 31/12/2023. Mặc dù đánh giá năm 2023 sẽ chứng kiến sự phục hồi của thị trường chứng khoán nhưng nhằm đảm bảo về chiến lược đầu tư kinh doanh nên Công ty cũng chỉ tăng nhẹ về quy mô năm giữ cổ phiếu và chứng chỉ quỹ từ 1.207 tỷ đồng lên 2.439 tỷ đồng tại 31/12/2023.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) chủ yếu là Hợp đồng tiền gửi được tăng quy mô đầu tư từ 5.600 tỷ đồng cuối năm 2022 lên 7.634 tỷ đồng vào cuối năm 2023, tăng 36,3%. Bên cạnh đó khoản mục tiền và tương đương tiền cũng tăng mạnh 97,8% từ 2.458 tỷ đồng lên 4.862 tỷ đồng. Việc gia tăng nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao là tiền gửi do Công ty đã đánh giá năm 2023 là năm có lãi suất huy động thấp nên chủ động đầu tư dài hạn từ thời điểm đầu năm, đây cũng là những tài sản giúp Công ty gia tăng bộ đệm vốn nhằm đảm bảo thanh khoản.

Các khoản cho vay bao gồm hoạt động cho cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán của khách hàng chứng kiến sự tăng lên về dư nợ. Tại thời điểm 31/12/2023 Công ty đặt dư nợ 10.286 tỷ đồng, tăng 13,5% so với cùng kỳ 2022 và chiếm tỷ trọng 24,6% cơ cấu tổng tài sản. Đây là khoản mới mang lại doanh thu lớn nên luôn được Ban lãnh đạo quan tâm và đưa ra những gói chính sách sản phẩm hấp dẫn nhằm thu hút khách hàng và gia tăng dư nợ. Công ty luôn theo dõi và đưa ra đánh giá sát các xu hướng chuyển dịch thị trường và sẵn sàng nguồn lực về nhân sự và nguồn vốn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh cho vay margin. Tuy nhiên, do thị trường chứng khoán mới chỉ phục hồi kể từ nửa sau năm 2023 nên mặc dù dư nợ cuối kỳ tăng nhưng doanh thu về cho vay margin cả năm 2023 lại thấp hơn so với năm 2022.

Song song với mục tiêu tăng trưởng về dư nợ, VNDIRECT luôn kiểm soát rủi ro chặt chẽ để hạn chế rủi ro này, VNDIRECT đã phối hợp đồng thời nhóm biện pháp: (1) Lập danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời thường xuyên đánh giá yếu tố tác động; (2) Xây dựng hệ thống hạn mức chéo để kiểm soát tối đa; (3) Theo dõi hàng ngày dư nợ

và tỷ lệ tài khoản để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro; (4) Chăm sóc, đánh giá khách hàng người dùng phải đảm bảo các tiêu chí theo nguyên tắc do VNDIRECT đề ra; (5) Cho vay giao dịch ký quỹ được cung cấp cho nhiều đối tượng khách hàng để giảm thiểu rủi ro tập trung.

Tài sản dài hạn có quy mô 1.328 tỷ đồng chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu Tổng tài sản (chiếm 3,2%) trong đó chủ yếu là khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết PTI 836 tỷ đồng và đầu tư tiền gửi nắm giữ đến ngày đáo hạn 202 tỷ đồng.



Cơ cấu nguồn vốn

Hoạt động Nguồn vốn là hoạt động quan trọng nhất trong Công ty chứng khoán khi đây là nguồn lực phục vụ cho toàn bộ các mảng kinh doanh của Công ty, qua đó giúp Công ty tối ưu hiệu quả kinh doanh của Bảng cân đối và tăng trưởng bền vững. Kết thúc năm 2023, Vốn chủ sở hữu của VNDIRECT tăng lên 16.508 tỷ đồng nằm trong top đầu những công ty chứng khoán có Vốn chủ sở hữu lớn nhất ngành chứng khoán. Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng 14,0% so với năm 2022 chứng minh năng lực và giá trị của Công ty khi trải qua năm 2023 đầy biến động và thách thức.

Về cơ cấu Nợ phải trả của Công ty, chiếm tỷ trọng cao nhất vẫn là Vay ngắn hạn (chiếm 81,1% Nợ phải trả). Tại ngày 31/12/2023, Vay ngắn hạn của VNDIRECT tăng 6,0% so với năm 2022 ở mức dư nợ 20.468 tỷ đồng. Dư nợ chủ yếu từ các khoản vay ngắn hạn tại những ngân hàng top đầu qua đó khẳng định vị thế của VNDIRECT trên thị trường chứng khoán và mối quan hệ bền vững giữa VNDIRECT với các định chế tài chính lớn.



Khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,40	1,19	1,38	1,64	1,63
Chỉ số thanh toán nhanh (Tiền + Tài sản tài chính/Nợ ngắn hạn)	1,38	1,16	1,36	1,54	1,59

Thanh khoản Công ty luôn được đảm bảo lớn hơn 1, bên cạnh đó VNDIRECT luôn chủ động linh hoạt đưa các kịch bản thanh khoản trong từng thời kỳ nhằm nâng cao và tối ưu hiệu quả nguồn vốn tài sản mà vẫn đảm bảo thanh khoản hoạt động cho Công ty. Xây dựng bộ đệm thanh khoản từ tài sản có tính thanh khoản cao cũng là một trong những chiến lược hoạt động của Công ty, do đó tài sản có tính thanh khoản cao luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu danh mục đầu tư.

Các khoản mục đầu tư

Hoạt động đầu tư vốn chủ sở hữu tiếp tục được VNDIRECT thực hiện thông qua chiến lược tích sản. Mục tiêu mở rộng và đa dạng hệ sinh thái nhằm mang đến cho Khách hàng thêm những sự lựa chọn trong hành trình xây dựng tháp tài sản thịnh vượng và bền vững. Năm 2023 VNDIRECT đã có những khoản mục đầu tư lớn trên danh mục cụ thể như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Số vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và Dịch vụ tài chính	836.115.332.000	20%	Công ty liên kết

Năm 2023, VNDIRECT đã thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư của Công ty. Theo đó, VNDIRECT thực hiện mua thêm gần ba triệu cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện ("PTI"), nâng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu công ty này lên 20% và sau khi hoàn tất giao dịch thì PTI trở thành công ty liên kết của VNDIRECT. Đồng thời, VNDIRECT đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.

Các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng tài sản	11.675	14.959	36.850	38.770	41.742
Vốn chủ sở hữu	3.241	3.805	9.604	14.485	16.508
Tỷ lệ Vốn khả dụng (LCR)	334,2%	411,3%	413,9%	335,5%	355,7%
Tổng doanh thu	1.482	2.113	5.789	7.050	6.602
Doanh thu ròng	1.404	1.823	4.697	4.422	5.106
Doanh thu ròng Thị trường vốn từ Tài sản tài chính	595	906	1.615	1.238	2.813
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	24	35	256	194	108
Doanh thu Thị trường vốn khác	42	51	42	140	164
Doanh thu Môi giới chứng khoán	336	478	1.617	1.250	867
Doanh thu Cho vay ký quỹ	407	361	1.167	1.600	1.154
Lợi nhuận trước thuế	485	853	2.734	1.728	2.482
Lợi nhuận sau thuế	387	685	2.178	1.365	2.022
ROAA (%)	3,5%	5,1%	8,4%	3,6%	5,0%
ROAE (%)	12,5%	19,4%	32,5%	11,3%	13,0%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng lẻ VNDIRECT

Năm 2023 chứng kiến sự hồi phục của Thị trường chứng khoán khi hầu hết các Công ty chứng khoán đều báo lãi trước thuế. Mặc dù thanh khoản thị trường nửa đầu năm 2023 vẫn ở mức thấp nhưng kể từ nửa sau năm 2023 thì thanh khoản thị trường đã được cải thiện đáng kể, tuy nhiên vẫn có những sự thận trọng trong giải ngân đầu tư đến từ Nhà đầu tư. Năm 2023 cũng là năm mà Ngân hàng duy trì lãi suất huy động ở mức thấp, có thể nói đây cũng là nguyên nhân khiến thị trường chứng khoán trở nên hấp dẫn hơn trong mắt Nhà đầu tư. Số lượng tài khoản mở mới tại VSD đạt gần 1,3 triệu tài khoản, tăng gần 19% so với số lượng tài khoản cuối năm 2022.

Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 2.482 tỷ đồng, hoàn thành 124% kế hoạch lợi nhuận trước thuế Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đây là kết quả ấn tượng khi VNDIRECT khởi đầu năm 2023 với đầy những thách thức và khó khăn trước khi có những sự bứt phá về kết quả kinh doanh kể từ nửa sau năm 2023.

Kết thúc năm 2023, tổng doanh thu Công ty đạt 6.602 tỷ đồng, giảm 6,3% tuy nhiên Doanh thu ròng tăng 15,5% đạt mức 5.106 tỷ đồng. Mặc dù tổng doanh thu giảm nhưng doanh thu ròng tăng trưởng tốt là do Công ty đã có quản lý hiệu quả về danh mục đầu tư qua đó giảm lỗ từ tài sản tài chính FVTPL, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tài sản tài chính.

Tỷ suất lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Công ty đạt 2.022 tỷ đồng tăng 48,1% so với năm 2022 qua đó đưa VNDIRECT nằm trong top đầu các công ty chứng khoán có tỷ suất lợi nhuận cao, cụ thể:

- ROAE đạt 13,0% tăng 15,0% so với năm 2022
- ROAA đạt 5,0% tăng 38,9% so với năm 2022

3.3. Kết quả hoạt động các mảng kinh doanh 2023 của VNDIRECT

3.3.1. Kết quả kinh doanh Hoạt động Thị trường vốn

Hoạt động kinh doanh trên thị trường vốn trong 2023 tiếp tục tập trung vào các mục tiêu chiến lược:

- (i) Quản lý bảng cân đối vốn và tài sản đảm bảo an toàn, tăng trưởng bền vững, và tỷ suất sinh lời trên vốn hiệu quả.
- (ii) Nâng cao năng lực kinh doanh rủi ro đa dạng trên các kênh tài sản bao gồm các sản phẩm trên thị trường tiền tệ, thị trường cổ phiếu, trái phiếu và chứng khoán phái sinh.
- (iii) Xây dựng mở rộng năng lực bảo lãnh phát hành và tạo lập thị trường cho trái phiếu.

Tỷ suất sinh lời trên vốn đạt kết quả tăng trưởng ấn tượng trong khi tiếp tục giữ vững cơ cấu an toàn của bảng cân đối vốn và tài sản

Năm 2023, tổng quy mô bảng cân đối vốn và tài sản đạt mức 41.742 tỷ đồng, tăng nhẹ ở mức 7,7% so với năm 2022. Công ty kiên định với mục tiêu đảm bảo bộ đệm thanh khoản dự phòng cho các biến động lớn và rủi ro tài chính, theo đó, cơ cấu tài sản tiếp tục tập trung vào các tài sản thanh khoản cao gồm có Tiền mặt, Trái phiếu Chính phủ, Tiền gửi có kỳ hạn, Chứng chỉ tiền gửi và Trái phiếu tổ chức tín dụng lớn – chiếm tỷ trọng 46,1% tổng tài sản.

Đơn vị: Tỷ đồng

Tài sản	31/12/2023	31/12/2022	% tăng/(giảm) so với 2022
Tiền và tương đương tiền	4.862	2.458	97,8%
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	16.730	18.930	(11,6%)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.634	5.600	36,3%
Các khoản cho vay	10.286	9.061	13,5%
Tài sản khác	2.230	2.721	(18,0%)
Tổng tài sản	41.742	38.770	7,7%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng lẻ 2023 VNDIRECT đã kiểm toán

Trong bối cảnh các yếu tố vĩ mô vẫn còn tiềm ẩn rủi ro, các vấn đề xung đột về địa chính trị và các sự kiện khó lường trước, Công ty tiếp tục đi theo định hướng thận trọng trong hoạt động vay nợ, bảo toàn tài sản của công ty và tài sản của khách hàng, theo đó, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu ở mức 152,4% tại 31/12/2023, giảm nhẹ so với mức 166,6% tại 31/12/2022.

Đơn vị: Tỷ đồng

Tài sản	31/12/2023	31/12/2022	% tăng/(giảm) so với 2022
Vốn Chủ sở hữu (VCSH)	16.508	14.485	14,0%
Vay ngắn hạn	20.468	19.312	6,0%
Phát hành trái phiếu	800	1.650	(51,5%)
Nợ khác	3.966	3.323	19,3%
Tổng cộng Nợ phải trả và VCSH	41.742	38.770	7,7%
Tỷ lệ D/E	152,4%	166,6%	

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng lẻ 2023 VNDIRECT đã kiểm toán

Năm 2023, doanh thu từ hoạt động thị trường vốn đạt 2.813 tỷ đồng, tăng 127,2% so với năm 2022 nhờ năng lực vốn ổn định và khả năng hiện thực hóa các cơ hội đầu tư, kinh doanh tài sản trên thị trường tiền tệ, thị trường cổ phiếu, trái phiếu. Do đó, tuy hoạt động môi giới chứng khoán và cho vay margin ghi nhận doanh thu sụt giảm, Công ty vẫn đạt tỷ suất sinh lời trên vốn (ROAE) ở mức 13,0% cao hơn mức 11,3% của năm 2022, đứng vị trí top 2 so với các công ty chứng khoán khác.

Danh mục đầu tư, kinh doanh tiền gửi và trái phiếu ghi nhận hiệu quả vượt trội

Doanh thu lãi ròng từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) đạt 2.307 tỷ đồng, tăng 174,6% so với năm 2022. Loại trừ khoản mục Đánh giá chênh lệch theo giá thị trường thì Doanh thu lãi từ FVTPL đạt 2.097 tỷ đồng, tăng 66,9% so với năm 2022. Doanh thu tăng trưởng ấn tượng phần lớn đến từ danh mục đầu tư, kinh doanh mua bán Chứng chỉ tiền gửi, Trái phiếu tổ chức tín dụng và Trái phiếu doanh nghiệp.

Doanh thu lãi từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) đạt 506 tỷ đồng, tăng 27,2% so với năm 2022 đến từ hoạt động gửi tiền có kỳ hạn.

Cơ cấu danh mục trái phiếu theo hướng tăng hiệu quả và chất lượng danh mục trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động

Năm 2023 là một năm Việt Nam thực hiện cơ cấu lại thị trường trái phiếu doanh nghiệp sau những biến động của năm 2022 với một loạt các quy định của Chính phủ để hỗ trợ doanh nghiệp cơ cấu lại nợ cũng như tăng tính minh bạch, an toàn của thị trường với sự ra đời của Nghị Định 08/2023/NĐ-CP và việc đi vào vận hành hệ thống lưu ký và giao dịch tập trung trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Quy mô thị trường giảm nhẹ 2% so với năm 2022.

Kiên trì với nguyên tắc chọn lọc, thẩm định, đầu tư và phân phối các trái phiếu chất lượng cao của các doanh nghiệp đầu ngành, năm 2023, VNDIRECT chủ động giảm quy mô danh mục trái phiếu để tập trung cơ cấu các trái phiếu trong danh mục hiện tại và chờ đợi các cơ hội đầu tư có chất lượng mới khi thị trường hồi phục, song song với đó là tận dụng xu hướng giảm của lãi suất để quản lý danh mục theo hướng nâng cao hiệu quả. Theo đó, mặc dù quy mô danh mục trái phiếu chưa niêm yết giảm 1.600 tỷ đồng so với cuối năm 2022 (từ 9.167 tỷ đồng xuống 7.546 tỷ đồng), tuy nhiên Doanh thu lãi từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) đạt 2.307 tỷ đồng, tăng 174,6% so với năm 2022.

Kinh doanh chênh lệch lãi suất tiền gửi, tiền vay trên thị trường tiền tệ ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận do dự báo chuẩn xác xu hướng lãi suất

Dự báo chuẩn xác xu hướng giảm lãi suất, trong giai đoạn nửa đầu năm 2023, Công ty liên tục gia tăng các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi kì hạn dài, phân bổ vào đa dạng các ngân hàng có uy tín. Song song, Công ty nhanh chóng giảm chi phí vốn vay từ việc chủ động quay vòng các khoản vay ngắn hạn. Với định hướng chiến lược đúng

đắn này, hoạt động kinh doanh chênh lệch lãi suất trên thị trường tiền tệ đã hiện thực hóa được những cơ hội lớn và ghi nhận kết quả lợi nhuận tăng trưởng đáng kể trong năm 2023.

Kiên trì mục tiêu xây dựng năng lực nhà tạo lập thị trường trái phiếu

Mặc dù thị trường trái phiếu đang trải qua giai đoạn khó khăn, VNDIRECT vẫn kiên trì mục tiêu xây dựng năng lực tạo lập thị trường trái phiếu, góp phần tăng thanh khoản thị trường, qua đó, thực hiện vai trò và sứ mệnh của mình trong việc hỗ trợ và đồng hành cùng doanh nghiệp trong hoạt động huy động nguồn vốn cũng như tạo kênh đầu tư an toàn và hiệu quả cho các nhà đầu tư. Giá trị giao dịch trái phiếu VNDIRECT thực hiện trong kì cho khách hàng đạt gần 26.000 tỷ đồng. Cho đến cuối năm 2023, gần 8.000 khách hàng cá nhân và hơn 100 khách hàng tổ chức của VNDIRECT đã sử dụng sản phẩm liên quan đến trái phiếu. VNDIRECT luôn nỗ lực thực hiện đầy đủ mọi cam kết trong hoạt động chào bán và phân phối trái phiếu để đảm bảo quyền lợi, bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư.



3.3.2. Kết quả kinh doanh Dịch vụ chứng khoán

Năm 2023 là năm chứng kiến sự phục hồi của thị trường chứng khoán kể từ sau những sự kiện kinh tế ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế Việt Nam. Kết thúc năm 2023, số lượng tài khoản mở mới tại VNDIRECT tăng 9% so với cuối năm 2022 (tăng 77.847 tài khoản), chiếm 13% số lượng tài khoản chứng khoán toàn thị trường. Số lượng khách hàng do VNDIRECT quản lý thời điểm cuối năm 2023 cũng tăng 9% so với cùng kỳ 2022 lên mức 897.214 khách hàng, trung bình giá trị tài sản Công ty quản lý (AUM) trong năm 2023 đạt 182.674 tỷ đồng (tăng 10% so với AUM trung bình năm 2022). Về thị phần mỗi giới:



Về doanh thu phí dịch vụ giao dịch chứng khoán

Tổng doanh thu phí dịch vụ giao dịch chứng khoán cả năm 2023 của VNDIRECT đạt 2.021 tỷ đồng giảm 29% so với năm trước, trong đó: Doanh thu Môi giới chứng khoán lũy kế cả năm 2023 đạt 867 tỷ đồng trong khi doanh thu cho vay giao dịch ký quỹ đạt 1.154 tỷ đồng. Mặc dù nửa sau năm 2023 đã chứng kiến những sự phục hồi đáng kể từ thị trường chứng khoán nhưng cả năm 2023 thanh khoản thị trường vẫn ở mức thấp do tâm lý thận trọng của Nhà đầu tư, đây cũng là nguyên nhân chính khiến cho doanh thu mảng dịch vụ tại VNDIRECT giảm trong năm 2023.

3.4. Kết quả kinh doanh theo Phân khúc Khách hàng

3.4.1. Khách hàng cá nhân

Năm 2023 VNDIRECT tiếp tục chiến lược chuyển đổi mô hình phí từ mô hình phí giao dịch sang mô hình phí dịch vụ với việc xây dựng và cung cấp hệ sinh thái bao gồm các nền tảng giao dịch, đóng gói sản phẩm dịch vụ để gia tăng giá trị và trải nghiệm cho nhà đầu tư. VNDIRECT đã cho ra mắt La bàn đầu tư – DGO Compass với tính năng mở tài khoản All-in-one, qua đó đưa VNDIRECT trở thành công ty tiên phong trong việc thiết lập con đường giúp khách hàng vững bước trên hành trình chinh phục tương lai tự do tài chính.

Tại VNDIRECT, với định hướng khách hàng luôn là trung tâm (Customer Centric) trong chiến lược phát triển nhằm hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ để chuyển dịch từ mô hình dịch vụ chứng khoán truyền thống sang mô hình dịch vụ quản lý tài sản với tầm nhìn trở thành một định chế tài chính đầu tư chuẩn mực và tin cậy, đem lại giá trị Sức khỏe tài chính – Bảo an thịnh vượng – phát triển bền vững cho những người làm nghề, khách hàng và đối tác và cộng đồng.

Với hành trình kiến tạo sức khỏe tài chính – bảo an thịnh vượng – phát triển bền vững với VNDIRECT, khách hàng sẽ có cơ hội xây dựng được tháp tài sản vững chắc với các danh mục tài sản theo mô hình tháp nhu cầu Health – Wealth – Growth (HWG). Tháp tài sản bao gồm danh mục các sản phẩm mà VNDIRECT cung cấp cho khách hàng, đủ cho các lựa chọn đầu tư theo các sản phẩm tài chính thuộc thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản, đáp ứng nhu cầu và mục tiêu xây dựng tài sản tăng trưởng bền vững cho khách hàng.



Kết thúc năm 2023 số lượng khách hàng sử dụng sản phẩm trong tháp tài sản của VNDIRECT tăng lên 155.308 khách hàng, đạt mức NAV 114.868 tỷ đồng (tăng 42% so với cùng kỳ năm 2022). Cụ thể:

- Tăng tháp tài sản cho Sức khỏe an sinh (Dsip)** có số lượng khách hàng năm 2023 là 3.223 khách hàng, tăng 24,7% so với cùng kỳ 2022, đạt NAV là 169 tỷ đồng. Đây là danh mục sản phẩm đầu tư được thiết kế cho các mục tiêu tài chính an sinh bao gồm các giải pháp bảo hiểm, kế hoạch hưu trí, kế hoạch tài chính cho các mục tiêu trọng yếu, quỹ dự phòng thanh toán, không chỉ dành cho các khách hàng cá nhân mà còn dành cho các doanh nghiệp góp phần mang lại các lợi ích cho người lao động. Danh mục tài sản phòng vệ là sự kết hợp giữa các giải pháp bảo hiểm và các loại tài sản có tính thanh khoản cao sẽ giúp khách hàng được bảo vệ khỏi các rủi ro về tài chính, nhờ đó yên tâm kiến tạo các danh mục tài sản mang lại giá trị cao hơn.

- Tăng tháp tài sản với mục tiêu Bảo an Thịnh vượng (Dlife)** có NAV khách hàng đạt 14.176 tỷ đồng cuối năm 2023 tăng 22,8% so với cùng kỳ 2022 lớn thứ 2 trong 3 tầng tháp, bên cạnh đó số lượng khách hàng tại 31/12/2023 cũng tăng 16,5% so với cùng kỳ 2022 đạt 21.881 khách hàng. Đây là tầng tháp với danh mục các sản phẩm đầu tư cho các mục tiêu bảo an gia sản và sự tăng trưởng, giúp khách hàng mong có nguồn thu nhập ổn định và tích lũy trong dài hạn kèm theo cơ hội thu lời cao hơn so với lợi nhuận bình quân của thị trường trong kỳ tích lũy. Tài sản của khách hàng sẽ được phân bổ vào các công cụ lãi suất trên thị trường tiền tệ và các công cụ đầu tư trên thị trường vốn với tỷ lệ phân bổ phù hợp với mục tiêu tăng trưởng trong ngắn - trung - dài hạn của khách hàng

- Tăng tháp tài sản tăng trưởng bền vững (Growth)** có số lượng khách hàng và NAV khách hàng có dư nợ sản phẩm cao nhất tại VNDIRECT với tỷ trọng lần lượt là 83,8% và 87,5%. Trong đó số lượng khách hàng đạt 130.204 khách hàng, NAV đạt 100.523 tỷ đồng. Đây là sự kết hợp giữa các gói sản phẩm dịch vụ về giao dịch chứng khoán và các gói sản phẩm về đòn bẩy tài chính phù hợp với các nhà đầu tư đã tích lũy được năng lực tài chính- năng lực đầu tư và kiến thức cùng kỹ năng giao dịch thông qua việc xây dựng được năng lực phòng vệ các rủi ro tài chính đồng thời tích lũy danh mục tài sản.

Năm 2023 VNDIRECT cũng triển khai các gói sản phẩm dịch vụ hướng tới từng nhóm khách hàng chuyên biệt như:

- Gói giao dịch DTA (D-Trading Account) dành cho nhà đầu tư độc lập và đã có kinh nghiệm giao dịch chứng khoán, có nhu cầu tìm kiếm các gói dịch vụ và giải pháp giao dịch với chi phí cạnh tranh, cùng các phương tiện hỗ trợ giao dịch an toàn và công cụ quản trị rủi ro hiệu quả.
- Gói giao dịch DBA (D-Brokerage Account) Dành cho nhà đầu tư có nhu cầu thông qua đội ngũ tư vấn giao dịch (Môi giới) đồng hành và hỗ trợ tiếp cận với các thông tin về cơ hội đầu tư và giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Năm 2023 cũng là năm nền tảng với định hướng nâng hạng thị trường chứng khoán, VNDIRECT không ngừng tìm kiếm giải pháp giao dịch cho dân nhà nghề với: nền tảng giao dịch chuyên nghiệp, công cụ tra cứu sức khỏe cổ phiếu, các tiện ích, giải pháp giao dịch giúp khách hàng có đủ lựa chọn giao dịch chứng khoán, các gói dịch vụ T+, Stockpick và bộ lệnh quản trị rủi ro tự động giúp khách hàng được cảnh báo kịp thời và quản lý rủi ro hiệu quả.

Với tầm nhìn và sứ mệnh đã được xác định, VNDIRECT tiếp tục kiên định trên hành trình kiến tạo sức khỏe tài chính, bảo an thịnh vượng, phát triển bền vững cho khách hàng, đối tác và cộng đồng. Trên hành trình đó Công ty liên tục nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, hoàn thiện nền tảng sản phẩm nhằm mục tiêu mang đến cách tiếp cận dễ dàng cho khách hàng, đồng thời bảo đảm sự an tâm đầu tư trong hành trình kiến tạo sức khỏe tài chính và gia tăng thịnh vượng.

3.4.2. Khách hàng doanh nghiệp

Tiếp nối năm 2022 với bối cảnh vĩ mô nhiều yếu tố bất ổn, bước sang nửa đầu năm 2023 các doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục gặp thách thức trong hoạt động kinh doanh, sản xuất, trong khi chi phí vốn vẫn duy trì ở mức cao, việc tiếp cận các nguồn vốn từ kênh tín dụng và kênh trái phiếu đều còn hạn chế. Điều này dẫn đến tâm lý thận trọng ở cả phía nhà đầu tư và doanh nghiệp, hoạt động huy động vốn trên thị trường khá trầm lắng và chỉ bắt đầu khởi sắc từ Quý 3 năm 2023 nhờ vào những động thái của Chính phủ nhằm cải thiện các điều kiện kinh doanh và ổn định tâm lý nhà đầu tư. Nổi bật là thông điệp với lòng chính sách tiền tệ, các chính sách tháo gỡ khó khăn cho kênh trái phiếu doanh nghiệp như Nghị định 08, Nghị định 03, Dự thảo Thông tư 16, và hai Luật sửa đổi (Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Nhà ở) thông qua vào kỳ họp Quốc hội cuối năm.

Trong bối cảnh đó, VNDIRECT kiên định với tầm nhìn trở thành một định chế tài chính đầu tư chuẩn mực và tin cậy, hiểu và đồng hành cùng khách hàng vượt qua những giai đoạn khó khăn, giúp cho doanh nghiệp đảm bảo được sức khỏe tài chính. Đối với các khách hàng hiện hữu, VNDIRECT tập trung cung cấp các giải pháp để tháo gỡ khó khăn về vốn và thanh khoản trong ngắn hạn, đồng thời tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, cải thiện sức khỏe tài chính tạo bàn đạp đón đầu những cơ hội trong tương lai. Đồng thời, VNDIRECT vẫn duy trì việc mở rộng khách hàng mới với cách tiếp cận thận trọng, đảm bảo các nguyên tắc đánh giá, thẩm định và quản trị rủi ro chặt chẽ, đồng thời linh hoạt thích nghi với các điều kiện thị trường. Định hướng này phản ánh vào kết quả của nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, với số lượng giao dịch thực hiện thành công duy trì ổn định nhưng thu hẹp quy mô bảo lãnh phát hành (-42% so với cùng kỳ), tập trung đẩy mạnh các dịch vụ vụ tư vấn, đại lý. Giá trị trái phiếu VNDIRECT tư vấn phát hành trong năm 2023 đạt 46.340 tỷ đồng, đóng góp phần lớn từ nhóm khách hàng tổ chức tín dụng, chiếm 23% thị phần tư vấn trên toàn thị trường cho nhóm khách hàng này.

Bên cạnh việc giải quyết những bài toán tài chính hiện hữu cho khách hàng, VNDIRECT tiếp tục hoàn thiện năng lực tư vấn trên thị trường vốn với sản phẩm mới trái phiếu xanh (greenbond) nhằm bắt kịp với xu hướng đầu tư xanh của khu vực và thế giới. Giao dịch tư vấn phát hành thành công 2.500 tỷ đồng trái phiếu xanh đầu tiên là tiền đề để VNDIRECT phát triển các sản phẩm ESG, mở ra hướng tiếp cận vốn mới cho các doanh nghiệp cam kết đóng góp vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế thích ứng với các mục tiêu khí hậu mà Việt Nam đã đề ra, cũng như phù hợp với định hướng của VNDIRECT mang lại giá trị phụng sự cho cộng đồng.

Đối với nhóm sản phẩm khác dành cho khách hàng doanh nghiệp, quy mô khách hàng tiếp tục ghi nhận tăng trưởng với số lượng tài khoản khách hàng quản lý tăng 25%, khách hàng cũng hướng tới việc đa dạng

hóa tài sản tài chính đặc biệt là những tài sản có tính thanh khoản cao qua đó giúp VNDIRECT mở rộng, tăng trưởng quy mô và doanh số giao dịch với nhóm khách hàng doanh nghiệp. Cụ thể, giá trị đầu tư trung bình vào các sản phẩm trái phiếu và cổ phiếu giảm tương ứng 72% và 30% so với cùng kỳ, trong khi quy mô sử dụng các sản phẩm quản lý tối ưu dòng tiền, hỗ trợ lãi suất tăng trung bình 8-9%. Đồng thời khách hàng có xu hướng duy trì số dư tiền trên tài khoản cao hơn 35% trong 2023 so với 2022 nhằm duy trì tính thanh khoản của dòng tiền..

3.4.3. Khách hàng Định chế tài chính

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn với tổng cầu suy giảm, Chính phủ Việt Nam đã triển khai nhiều biện pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước đã bốn lần giảm lãi suất điều hành với mức giảm từ 50-200 điểm cơ bản, Từ đó, các ngân hàng thương mại đã giảm lãi suất huy động và cho vay xuống mức thấp nhất trong 20 năm. Với chính sách tiền tệ nới lỏng, thị trường chứng khoán tiếp tục là điểm đến hấp dẫn cho dòng vốn dư thừa hiện nay.

VNDIRECT với vị thế và uy tín là một trong những công ty chứng khoán dẫn đầu trên thị trường, đã nhận được sự tin tưởng và tiếp cận với dòng vốn ổn định và chi phí tốt cho hoạt động kinh doanh của công ty từ các định chế tài chính trong và ngoài nước. Đến hết năm 2023, công ty có tổng hạn mức tín dụng lên đến gần 50.000 tỷ, với hạn mức tín chấp hơn 8.000 tỷ đồng, hạn mức với ngân hàng nước ngoài là hơn 2.000 tỷ đồng. Tận dụng lợi thế về giá của nguồn vốn trong nước, Công ty tập trung đẩy mạnh hợp tác với các ngân hàng quốc doanh có tiềm lực lớn về vốn và khẩu vị rủi ro chặt chẽ, từ đó mở rộng thêm quan hệ trên các mảng dịch vụ Ngân hàng Đầu tư và Kết nối thanh toán.

Ngoài ra, Công ty vẫn tích cực duy trì mối quan hệ với các Định chế tài chính nước ngoài nhằm đa dạng hóa các nguồn vốn huy động, tránh rủi ro tập trung và đảm bảo thanh khoản, đáp ứng được nhu cầu của nhà đầu tư và hoạt động kinh doanh của Công ty. VNDIRECT có quan hệ với 231 Định chế tài chính trong và ngoài nước, bao gồm các ngân hàng thương mại, ngân hàng phát triển, các quỹ đầu tư, công ty tài chính, bảo hiểm,... Đây là các đối tác định chế lớn và uy tín không chỉ ở Việt nam, mà cả các thị trường tài chính khác như Hồng Kong, Đài Loan, Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản và Thái Lan. Trong năm 2023, VNDIRECT đã tiếp tục duy trì hợp tác trên nhiều mảng với 100/231 đối tác, chiếm tỷ lệ active 43% tổng số khách hàng Định chế tài chính.



3.5. Hoạt động Quản trị rủi ro năm 2023

3.5.1. Cơ cấu tổ chức hoạt động Quản trị rủi ro

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là đơn vị chịu trách nhiệm cao nhất đối với hoạt động quản trị rủi ro (QTRR) tại VNDIRECT; được tham mưu bởi Hội đồng QTRR và các hội đồng liên quan; phê duyệt và ban hành chính sách QTRR và hạn mức rủi ro; giám sát việc tổ chức thực hiện triển khai QTRR của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành.

VNDIRECT tổ chức hệ thống QTRR theo mô hình 03 tuyến phòng thủ độc lập nhằm đảm bảo phân định rõ ràng, nhất quán về chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể của các cá nhân, đơn vị trong hệ thống VNDIRECT, hạn chế các xung đột lợi ích và nâng cao hiệu quả QTRR:

Tuyến phòng thủ thứ nhất: Các đơn vị kinh doanh, các bộ phận hỗ trợ và tác nghiệp kinh doanh có chức năng xây dựng và ban hành các quy trình nội bộ, thực hiện nhận dạng, đo lường và xây dựng các hạn mức rủi ro tại chính đơn vị mình;

Tuyến phòng thủ thứ hai: Bộ phận QTRR có chức năng xây dựng chính sách QTRR và tổ chức hoạt động QTRR bao gồm công tác nhận dạng, đo lường, theo dõi và quản trị rủi ro thống nhất và độc lập với tuyến thứ nhất;

Tuyến phòng thủ thứ ba: Bộ phận Kiểm toán nội bộ, định kỳ hoặc đột xuất thực hiện các chuyên đề Kiểm toán Nội bộ nhằm đánh giá tổng quan hiệu quả hoạt động QTRR của Công ty.

3.5.2. Chiến lược Quản trị rủi ro

Chiến lược QTRR được xây dựng cho tất cả các loại rủi ro trọng yếu căn cứ trên chiến lược kinh doanh và kế hoạch tài chính của Công ty từng thời kỳ, đảm bảo:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi tình huống và tuân thủ các chính sách, quy định QTRR của VNDIRECT;
- Xây dựng và phát triển văn hóa quản trị rủi ro vững mạnh trên toàn hệ thống VNDIRECT;
- Áp dụng các chuẩn mực tiên tiến và thông lệ quốc tế trong QTRR.
- Chiến lược QTRR phải được xây dựng song song với quá trình xây dựng chiến lược kinh doanh và kế hoạch tài chính. Theo đó, từng chỉ số và kế hoạch kinh doanh và tài chính phải được hỗ trợ bởi các chỉ số và kế hoạch QTRR tương ứng.

3.5.3. Quy trình Quản trị rủi ro

a. Nhận diện

Nhận diện rủi ro được thực hiện ở tất cả các tuyến phòng thủ và tại tất cả các đơn vị kinh doanh, phòng ban nghiệp vụ tại VNDIRECT. Việc nhận diện rủi ro trước tiên được thực hiện tại các bộ phận kinh doanh, bộ phận sản phẩm và bộ phận phát sinh nghiệp vụ theo chức năng nghiệp vụ thuộc tuyến phòng thủ thứ nhất. Tiếp đến, tuyến phòng thủ thứ hai thực hiện nhận diện rủi ro theo các mảng nghiệp vụ rủi ro chuyên môn.

Việc nhận diện rủi ro không chỉ dừng lại ở một rủi ro riêng lẻ mà cần nhận diện tác động liên đới của các loại rủi ro, đặc biệt là các loại rủi ro trọng yếu, làm cơ sở cho việc đo lường, theo dõi và kiểm soát được thực hiện đầy đủ.

Việc nhận diện rủi ro được thực hiện bởi nhiều phương pháp như thông qua thống kê, phân tích SWOT, bảng câu hỏi khảo sát, thảo luận giữa bộ phận QTRR, kiểm toán nội bộ và các bộ phận nghiệp vụ liên quan.

b. Đo lường và đánh giá

Đo lường rủi ro được thực hiện trên cơ sở phân tích tác động ngắn hạn và trung dài hạn của rủi ro đối với thu nhập, mức độ an toàn vốn, khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh và tính tương thích quy mô hoạt động của VNDIRECT từng thời kỳ.

Việc đo lường rủi ro phải đảm bảo đánh giá được mức độ trọng yếu và tác động tiềm tàng tới Công ty, được thực hiện thông qua bộ chỉ tiêu đo lường tương thích với từng loại rủi ro cụ thể, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Xác định trạng thái rủi ro: Trạng thái cho vay, trạng thái danh mục, trạng thái thanh toán theo đối tác/sản phẩm, trạng thái khe hở thanh khoản, trạng thái chênh lệch rủi ro lãi suất theo các kỳ tái định giá, quy mô đệm thanh khoản.
- Xác định xác suất xảy ra sự cố: PD, mô hình BSM, thống kê các lỗi vận hành.
- Xác định tổn thất, mức độ rủi ro tiềm tàng: Độ biến động, PV01, VAR, PnL.

Các phương pháp khác phù hợp: Phương pháp định tính, phương pháp định lượng dựa trên xác suất thống kê.

c. Theo dõi

Việc theo dõi rủi ro được thực hiện định kỳ nhằm đánh giá kịp thời và đưa ra cảnh báo sớm các nguy cơ tiềm ẩn đối với hoạt động kinh doanh.

VNDIRECT xây dựng hệ thống báo cáo quản trị nội bộ với tần suất phù hợp với mức độ chi tiết và cấp thiết của nội dung báo cáo, tính trọng yếu của loại rủi ro và khả năng đáp ứng về nguồn lực con người. Hệ thống báo cáo cần được gửi tới các cá nhân, bộ phận thích hợp cho việc tiếp nhận và ra quyết định chỉ đạo kịp thời, phù hợp với diễn biến rủi ro và định hướng của nghiệp vụ kinh doanh.

d. Kiểm soát

Kiểm soát rủi ro được thực hiện dựa trên khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt tương ứng với từng nghiệp vụ kinh doanh.

VNDIRECT xây dựng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý kịp thời với các rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, các hạn mức rủi ro và có cơ chế giám sát, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp này. Tất cả các cá nhân, bộ phận trong hệ thống VNDIRECT đều có trách nhiệm thực hiện kiểm soát rủi ro theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể được quy định tại hệ thống văn bản quản trị nội bộ của Công ty từng thời kỳ.

3.5.4. Các loại hình rủi ro trọng yếu

Tổng vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam đến hết năm đạt hơn 240 tỉ USD, tương đương 56,4% GDP, riêng sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là 186 tỉ USD. Chốt phiên giao dịch cuối năm ngày 29/12/2023, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1.129,93 điểm, tăng hơn 12% so với đầu năm.

Mặc dù vậy, nhiều biến động vĩ mô đã tác động tới thị trường tài chính Việt Nam trong đó có biến động tỷ giá và chính sách tiền tệ. Thị trường chứng khoán chịu áp lực lớn qua mỗi lần Ngân Hàng Nhà Nước (SBV) hút thanh khoản để ổn định tỷ giá. Bên cạnh đó, nhận thấy rủi ro lạm phát và tác động của các yếu tố bên ngoài không lường trước được, ngay từ đầu năm chúng tôi đã triển khai kế hoạch kinh doanh rất thận trọng. Điều đó được thể hiện thông qua hoạt động quản lý bảng cân đối cũng như việc thắt chặt các chính sách quản trị rủi ro để cân bằng giữa yếu tố an toàn trong hoạt động và hiệu quả kinh doanh cụ thể:

a. Rủi ro thị trường

Năm 2023, trong bối cảnh lãi suất tại các nền kinh tế lớn duy trì ở mức cao để kiềm chế lạm phát, Ngân hàng Nhà nước đã nhiều lần cắt giảm lãi suất điều hành để hỗ trợ nền kinh tế, đồng thời chỉ đạo sát sao để đảm bảo kiểm soát tốt các cân đối lớn của nền kinh tế. Các Tổ chức tín dụng đã nhiều lần giảm lãi suất huy động và lãi suất cho vay, theo sát diễn biến của thị trường và nền kinh tế. Vì vậy, chúng tôi thường xuyên cập nhật và đánh giá tình hình để có phương án giao dịch phù hợp trong từng giai đoạn, với mục tiêu giảm chi phí vốn và nâng cao hiệu quả danh mục đầu tư lãi suất cố định. Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu tổ chức tín dụng với cấu trúc lãi suất thả nổi.

Rủi ro từ biến động của thị trường chứng khoán: Với mô hình kinh doanh bao gồm ba hoạt động kinh doanh gốc là (1) dịch vụ giao dịch chứng khoán, (2) ngân hàng đầu tư và thị trường vốn, (3) dịch vụ quản lý tài sản, VNDIRECT có cấu trúc doanh thu hướng tới cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh nhờ đó đa dạng hóa nguồn thu. Hoạt động đầu tư cổ phiếu chiến lược của Công ty là đầu tư cổ phiếu dài hạn, tập trung vào các doanh nghiệp có đặc điểm ngành, nghề kinh doanh hưởng lợi từ sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam, có lợi thế cạnh tranh, được quản lý minh bạch và có chiết khấu hấp dẫn so với

khách hàng tiềm năng. Ngoài ra, chiến lược đầu tư ngắn hạn tập trung vào các giao dịch cung cấp sản phẩm cấu trúc như Covered Warrant, ETF, sản phẩm quỹ và giao dịch ngắn hạn theo mô hình định lượng. Các danh mục đầu tư đều được quản trị rủi ro theo quy trình đã ban hành.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro VNDIRECT không thu hồi một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với đối tác khi đến hạn. Các hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán nói chung và VNDIRECT nói riêng tiềm ẩn rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư, hoạt động cho vay ký quỹ và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.

Với danh mục tiền gửi: VNDIRECT luôn tuân thủ nguyên tắc thận trọng, đa dạng hóa đối tác, đánh giá và xếp hạng tín nhiệm đối tác dựa trên thông tin thị trường, thông tin khách hàng và lịch sử hợp tác. Với hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, VNDIRECT chỉ lựa chọn đối tác là các ngân hàng lớn, có xếp hạng tín nhiệm quốc tế cao từ B2 trở lên của Moody's để cấp hạn mức đầu tư và duy trì tài khoản tiền gửi. Hệ thống cảnh báo và báo cáo rủi ro hàng ngày được duy trì để giám sát chặt chẽ hoạt động này.

Với danh mục cho vay giao dịch ký quỹ: Rủi ro tín dụng phát sinh với hoạt động này khi giá cổ phiếu giảm làm giá trị tài sản đảm bảo giảm nhưng khách hàng không bổ sung giá trị tài sản đảm bảo theo yêu cầu hoặc giá cổ phiếu xuống quá thấp hoặc mất thanh khoản dẫn đến công ty chứng khoán không thu hồi được hết số tiền cho vay. Để hạn chế rủi ro này, VNDIRECT đã phối hợp đồng thời nhóm biện pháp:

- Lập danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm trên cơ sở tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước, đồng thời thường xuyên đánh giá biến động cổ phiếu, các yếu tố thanh khoản, xác định các thông tin ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và cổ phiếu.
- Xây dựng hệ thống hạn mức chéo để kiểm soát tối đa: tổng hạn mức cho vay ký quỹ, hạn mức tối đa/khách hàng, hạn mức tối đa/mã cổ phiếu, tỷ lệ duy trì, tỷ lệ xử lý giao dịch ký quỹ để thu hồi nợ,...
- Theo dõi hàng ngày dư nợ và tỷ lệ tài khoản để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro. Bất kỳ khoản nợ cổ phiếu nào tiềm ẩn yếu tố rủi ro vượt ngưỡng chịu đựng rủi ro đều phải thu hồi trước hạn.
- Việc chấm điểm, đánh giá khách hàng người dùng phải đảm bảo các tiêu chí theo nguyên tắc do VNDIRECT đề ra, ràng buộc trách nhiệm của Môi giới và Chuyên viên chăm sóc khách hàng trong việc cảnh báo và thu hồi nợ
- Cho vay giao dịch ký quỹ được cung cấp cho nhiều đối tượng khách hàng bao gồm khách hàng cá nhân, doanh nghiệp và định chế tài chính để đảm bảo rủi ro không tập trung vào một số khách hàng lớn.

Trong điều kiện thị trường có nhiều diễn biến khó lường và rủi ro cao, VNDIRECT đã thắt chặt hơn các quy định

về cấp margin cho cổ phiếu, việc đánh giá, sàng lọc, điều chỉnh các tỷ lệ quản lý rủi ro, hạn mức được thực hiện với tần suất hàng ngày hoặc ngay khi thị trường có các diễn biến bất lợi.

Với nghiệp vụ ngân hàng đầu tư: VNDIRECT đã và đang áp dụng các tiêu chuẩn lựa chọn, đánh giá, thẩm định và quản lý rủi ro chặt chẽ đối với hoạt động bảo lãnh phát hành và quản lý các khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.

Ở giai đoạn lựa chọn khách hàng, VNDIRECT đã xây dựng và áp dụng những tiêu chuẩn chặt chẽ trong việc đánh giá khách hàng (KYC – Know Your Customer) nhằm lựa chọn những khách hàng phù hợp với định hướng chiến lược của công ty trong từng thời kỳ, tập trung vào các ngành nghề có tiềm năng tăng trưởng, sở hữu mô hình kinh doanh hiệu quả bền vững và ban lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược dài hạn. Các ngành nghề trọng tâm VNDIRECT hướng đến bao gồm: năng lượng, bất động sản, sản xuất công nghiệp, dịch vụ tiêu dùng, công nghệ, du lịch, y tế và giáo dục.

Ở giai đoạn cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành, bên cạnh các quy định pháp luật phải tuân thủ, VNDIRECT áp dụng quy trình thẩm định chuyên sâu (due diligence) trên nhiều khía cạnh như tài chính, kinh doanh, quản trị nhằm đảm bảo chuẩn mực về điều kiện phát hành và chất lượng của khoản đầu tư. Quy trình thẩm định này được tóm gọn bởi nguyên tắc 5C:

- Cashflow (Dòng tiền - Mô hình kinh doanh bền vững, có khả năng tạo dòng tiền ổn định)
- Capacity (Năng lực trả nợ - Doanh nghiệp có điều kiện trả nợ tốt và trong điều kiện dòng tiền thiếu hụt thì có tài sản để bù đắp)
- Corporate Governance (Quản trị doanh nghiệp - Doanh nghiệp có tầm nhìn sứ mệnh đúng đắn và các chuẩn mực kinh doanh tuân thủ pháp luật)
- Capital (Năng lực vốn - Cơ cấu vốn chủ an toàn và khả năng huy động vốn trong tương lai)
- Condition (Điều kiện phát hành - Doanh nghiệp có phương án phát hành và mục đích sử dụng vốn đảm bảo tính hiệu quả)

Các giải pháp đầu tư Trái phiếu mà VNDIRECT cung cấp cho khách hàng là các sản phẩm VNDIRECT tư vấn, bảo lãnh phát hành hoặc đã được đánh giá chọn lọc kỹ càng theo tiêu chuẩn đã nêu.

Đối với hoạt động quản lý các khoản đầu tư, VNDIRECT duy trì việc cập nhật đánh giá các khoản đầu tư định kỳ (hàng tháng, hàng quý, hàng năm) trên cơ sở cập nhật về hoạt động kinh doanh và sức khỏe tài chính của tổ chức phát hành, mức độ tuân thủ các điều kiện điều khoản của khoản đầu tư nhằm có cái nhìn tổng quan về hiệu quả đầu tư, nhận diện được những rủi ro tiềm ẩn và có phương án phòng ngừa/xử lý phù hợp.

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi VNDIRECT mất khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán vay ký quỹ của nhà đầu tư và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu hoạt động thanh toán của nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại VNDIRECT.

Năm 2023 VNDIRECT tiếp tục nâng cao hoạt động quản trị rủi ro thanh khoản. Công ty đảm bảo tuân thủ tất cả các tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn và tỷ lệ tuân thủ theo quy định. Tỷ lệ vốn khả dụng của VNDIRECT tại ngày 31/12/2023 là 355,7%, đảm bảo tuân thủ so với quy định của UBCK là 180%. Giới hạn đầu tư luôn được bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật và kiểm soát rủi ro chặt chẽ.

VNDIRECT đầu tư và nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao (chiếm 46,1%/Tổng tài sản) như Tiền mặt, Hợp đồng tiền gửi, Chứng chỉ tiền gửi và Trái phiếu của các tổ chức tín dụng lớn, Trái phiếu Chính phủ nhằm nâng cao và duy trì bộ đệm thanh khoản cho những biến động lớn. Công ty cũng luôn hướng đến mở rộng và duy trì quan hệ với nhiều định chế tài chính bao gồm các tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm và quỹ đầu tư.

d. Rủi ro vận hành

Thị trường chứa đựng những yếu tố khó lường sẽ tác động đến thị trường chứng khoán hiện nay. Tin đồn sai sự thật đang lan rộng có thể dẫn đến sự đổ vỡ niềm tin. VNDIRECT cũng tích cực phối hợp với các doanh nghiệp, chuyên gia về chính sách vĩ mô tổ chức các buổi hội thảo nhằm góp phần cung cấp thêm thông tin hữu ích cho nhà đầu tư.

Rủi ro hoạt động cũng bao gồm rủi ro về an ninh hệ thống, tuân thủ và quy định. Trong điều kiện thị trường nhạy cảm như vậy, Công ty liên tục xem xét tất cả các quy trình vận hành để đảm bảo tuân thủ, hệ thống an ninh, an ninh mạng được kiểm tra định kỳ để kịp thời phát hiện, rà soát, khắc phục nhằm hạn chế tối đa rủi ro hệ thống.

Với mục tiêu đảm bảo an toàn thông tin ở mức độ cao nhất, VNDIRECT tăng cường đầu tư vào quản trị an toàn thông tin trên toàn bộ hệ thống, kiện toàn các bước vận hành và hệ thống quản lý thông tin để đảm bảo các sự kiện có thể ảnh hưởng đến an toàn thông tin trên hệ thống được nhận diện, giám sát, phân tích và xử lý kịp thời. Các rủi ro hoạt động gây mất an toàn thông tin, các xu hướng đe dọa, rủi ro an toàn được nhận diện và kiểm soát chủ động.

3.5.5. Hoạt động Quản trị rủi ro năm 2023

Năm 2023 khi dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ tăng trưởng hồi phục kèm theo đó là các yếu tố có thể gây ra rủi ro thị trường như biến động về lãi suất, tỷ giá và chính sách điều hành của các cơ quan quản lý thì việc Ban Lãnh đạo VNDIRECT giữ lập trường về định hướng phát triển bền vững và quy chế quản trị rủi ro chuyên nghiệp càng được khẳng định rõ nét. Năm 2023 bên cạnh việc tăng trưởng dư nợ cho vay Margin, VNDIRECT cũng chủ động thực hiện thu hồi nợ qua đó số dư dự phòng cụ thể giảm còn 42 tỷ năm tại 31/12/2023 (giảm từ 161 tỷ số dư cùng kỳ năm 2022). Đồng thời, số dư đệm cho dự phòng rủi ro tăng lên 76 tỷ. Đây là phần dự phòng chung mà Công ty đã chủ động trích lập thêm, được xác định bằng 0,75% tổng dư nợ cho vay (không bao gồm dư nợ đã trích lập dự phòng cụ thể).

	Chi phí trích lập/(hoàn nhập) năm 2023 (triệu đồng)	Số dư tại 31/12/2023 (triệu đồng)
Dự phòng cụ thể	(118.619)	42.597
Dự phòng chung	7.616	76.781
Tổng tài sản	(111.003)	119.378

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng lẻ 2023 VNDIRECT đã kiểm toán

VNDIRECT hiện tuân thủ tuyệt đối với nguyên tắc cho vay giao dịch ký quỹ theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty cũng đã xây dựng và triển khai các mô hình định lượng rủi ro để quyết định mức cho vay phù hợp, cân bằng rủi ro và lợi ích.

3.6. Hoạt động khối Vận hành - Công nghệ

3.6.1. Hoạt động khối Vận hành

Năm 2023 VNDIRECT tiếp tục củng cố năng lực vận hành, quản trị vận hành và xây dựng nền tảng lõi để thực hiện sứ mệnh Phụng sự Sức khỏe tài chính, Bảo an thịnh vượng và tiến tới hệ sinh thái đầu tư toàn diện, tin cậy và đơn giản. Với mục tiêu hướng tới nâng cao chất lượng dịch vụ, giá trị Sức khỏe tài chính – Bảo an thịnh vượng – Phát triển bền vững cho những người làm nghề, khách hàng, đối tác và cộng đồng, các quy trình vận hành sản phẩm dịch vụ tiếp tục được hoàn thiện để đáp ứng tải dịch vụ và khắc phục các lỗi vận hành. Các luồng chăm sóc khách hàng được thiết kế để có đủ các điểm chạm với khách hàng và các luồng vận hành sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng các nhu cầu riêng biệt của từng đối tượng khách hàng khác nhau, tạo điều kiện cho việc chuyển dịch sang mô hình định chế tài chính trung gian.

Tối ưu luồng vận hành chuyên biệt cho từng mảng dịch vụ

Tổ chức lại các luồng vận hành sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng các nhu cầu riêng biệt của từng đối tượng khách hàng khác nhau, tạo điều kiện cho việc chuyển dịch sang mô hình định chế tài chính trung gian

3.6.2. Hoạt động khối Công nghệ

Với lựa chọn “Con người – Công nghệ – Chuỗi giá trị” là ba nền tảng quan trọng cấu thành nên năng lực tổ chức, VNDIRECT vẫn luôn định vị công nghệ là đòn bẩy quan trọng để tổ chức hướng tới mục tiêu xây dựng một hệ sinh thái đầu tư đầy đủ, đơn giản cho mọi khách hàng. Năm 2023 là một năm đánh dấu nhiều bước tiến quan trọng của tổ chức trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ tới khách hàng, tới đội ngũ thông qua những ứng dụng, những cái tiến trọng yếu đến từ hoạt động phát triển công nghệ thông tin của tổ chức.

DSTOCK - Nâng tầm giải pháp giao dịch chứng khoán như dân nhà nghề (“trade-like-pro”)

Trong năm 2023, DSTOCK không ngừng tối ưu và phát triển, nâng cấp các nền tảng giao dịch, bổ sung các tiện ích giao dịch mới trên các nền tảng ứng dụng bảng giá, ứng dụng trên điện thoại thông minh, trong đó tiêu điểm là bộ chỉ báo thị trường marketwatch, Sức khỏe cổ phiếu, tín hiệu giao dịch, hệ thống cảnh báo rủi ro. Ứng dụng DSTOCK mặc dù mới ra mắt nhưng đã có sự tăng trưởng vượt bậc về số lượng người dùng, với mức tăng 165% người dùng so với cuối năm 2023.

Bên cạnh đó, VNDIRECT cũng tiếp tục nâng cấp các công nghệ về xử lý giao dịch nhằm tiếp tục nâng cao tốc độ về truyền tải dữ liệu giao dịch, qua đó tiếp tục nâng cao trải nghiệm cho các nhà đầu tư tham gia thị trường.

DGO Compass - La bàn đầu tư

DGO Compass – La bàn đầu tư được xây dựng với định vị giúp mọi khách hàng thiết lập con đường trên hành trình

hướng tới sức khỏe tài chính và sự thịnh vượng, với 3 mục tiêu trọng yếu: **(i) Hiểu:** giúp khách hàng sẽ hiểu hơn về Vị thế Đầu tư - Vị thế Thị trường và Vị thế Cơ hội của bản thân; **(ii) Đồng hành:** đồng hành cùng khách hàng trong thiết lập chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản, xây dựng hành lang cảnh báo rủi ro, cùng với ý kiến của các chuyên gia và cộng hưởng giá trị từ cộng đồng kết nối tri thức Stockbook; **(iii) Phù hợp:** hỗ trợ khách hàng tìm kiếm lựa chọn trải nghiệm đầu tư phù hợp theo tháp tài sản HWG và chuỗi hoạt động lan tỏa tri thức từ DGO Accademy. Năm 2023, VNDIRECT cũng cho ra mắt nền tảng hỗ trợ quản lý tài sản cá nhân TISA, giúp khách hàng chủ động quản lý tài sản theo đúng mục tiêu tài chính đã thiết lập một cách chuyên nghiệp hơn, hiệu quả hơn.

Nâng cao năng lực số hoá nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng

Công ty tiếp tục kiện toàn, nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua việc tích hợp mở tại khoản, kyc khách hàng và được tích hợp tất cả sản phẩm dịch vụ của VNDIRECT All – in – One. Bên cạnh đó, công ty tiếp tục hợp tác gồm MB Bank, VPBank và BIDV, VNDIRECT đã ra mắt thêm tính năng nộp tiền “All in one” cho phép khách hàng có thể nộp tiền đầu tư ngay trên nền tảng của VNDIRECT giúp giao dịch thuận tiện chỉ với vài thao tác dễ dàng. Bên cạnh đó, công ty cũng tiếp tục kiện toàn nền tảng dữ liệu lớn với việc triển khai thành công sản phẩm quản trị, hoàn thành biểu hiện hệ thống báo cáo cho khách hàng trên MyAccount.

Hoàn thiện nền tảng hạ tầng, nâng cao năng lực hệ thống an ninh thông tin

Năm 2023, VNDIRECT đã phát triển thành công hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ kết nối tới HNX, tiếp tục đảm bảo tiến độ kiểm thử KRX với HOSE; xây dựng và triển khai nâng cấp thành công hệ thống giao dịch phái sinh, hoàn thành hệ thống quản lý hợp đồng/ký điện tử mới, xây dựng nền tảng Open API mới sẵn sàng cho bán chéo sản phẩm tài chính, thanh toán. Về ứng dụng công nghệ trong vận hành, năm 2023 VNDIRECT cũng bước đầu số hóa, tự động hóa trong các hoạt động thanh toán, đối soát cho vận hành, kế toán.

Về hoạt động triển khai an ninh, Công ty tiếp tục xây dựng các chuẩn mực về bảo mật thông tin, về an toàn hệ thống, đồng thời rà quét các lỗ hổng bảo mật. Năm 2023, VNDIRECT đã triển khai WAF - Web Application Firewall (giải pháp bảo vệ Web Application) cho các tên miền ứng dụng của Công ty.

3.7. Quản trị nguồn nhân lực

Thành viên Ban điều hành/ Ban Tổng giám đốc	Ngày/tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Nguyễn Vũ Long* <i>Tổng Giám đốc</i>	27/11/1987	Thạc sĩ tài chính	Bổ nhiệm ngày 18/9/2023
Phạm Minh Hương** <i>Tổng Giám đốc</i>	17/6/1966	Thạc sĩ hệ thống thông tin	Miễn nhiệm ngày 18/9/2023
Vũ Nam Hương <i>Giám đốc tài chính</i>	21/12/1983	Cử nhân tài chính ngân hàng	Miễn nhiệm ngày 28/11/2023
Điền Ngọc Tuấn <i>Giám đốc quản trị</i>	02/01/1978	Thạc sĩ luật học	Bổ nhiệm ngày 31/10/2022

(*) Ông Nguyễn Vũ Long giữ chức danh Quyền Tổng Giám đốc từ ngày 22/11/2021. Ngày 26/04/2023, Ông Nguyễn Vũ Long thôi giữ chức danh Quyền Tổng Giám đốc và đến ngày 18/09/2023, HĐQT bổ nhiệm ông Nguyễn Vũ Long giữ chức danh Tổng giám đốc.

(**) Bà Phạm Minh Hương giữ chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 26/04/2023. Ngày 18/09/2023, HĐQT có Nghị quyết về việc thôi giữ chức danh Tổng Giám đốc của bà Phạm Minh Hương

Thông tin Ban điều hành:



Ông NGUYỄN VŨ LONG

Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT

Thời điểm được bổ nhiệm:	18/9/2023
Ngày, tháng, năm sinh:	27/11/1987
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	260 cổ phiếu tương ứng với 0,00002%
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kinh tế

THÀNH TỰU NỔI BẬT:

- Ông Nguyễn Vũ Long tốt nghiệp Thạc sĩ trường Đại học New South Wales chuyên ngành Kinh tế và đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư - tài chính.
- Ông Long đã gắn bó với VNDIRECT gần 10 năm và trải qua nhiều vị trí quan trọng của công ty như Trưởng phòng kinh doanh tiền tệ, Giám đốc Nguồn Vốn, Giám đốc Khối Thị trường vốn. Đồng hành với VNDIRECT trong suốt thời gian qua, ông đã và đang đóng góp không nhỏ trong những bước tiến phát triển vượt bậc của công ty và trở thành một trong những lãnh đạo trẻ tiêu biểu trong những năm gần đây.
- Ông Long chính thức đảm nhận chức vụ Quyền Tổng giám đốc tại VNDIRECT từ ngày 22/11/2021 và được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 25/04/2022.
- Ông Nguyễn Vũ Long chính thức được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc VNDIRECT từ ngày 18/09/2023.



Ông ĐIỀU NGỌC TUẤN

Giám đốc quản trị

Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2022
Ngày, tháng, năm sinh:	02/01/1978
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	0 cổ phiếu
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Luật học

THÀNH TỰU NỔI BẬT:

- Ông Điều Ngọc Tuấn là Thạc sĩ Luật học của Đại học Luật Hà Nội và Đại học Paris II.
- Ông có gần 20 năm công tác trong lĩnh vực tư vấn pháp luật, quản trị doanh nghiệp, tài chính. Cho tới nay, ông Tuấn đã gắn bó và đồng hành với Công ty trong suốt 14 năm trên vai trò Giám đốc Ban pháp chế & Tuân thủ, Phụ trách quản trị Công ty. Với kinh nghiệm, kiến thức và hiểu biết chuyên sâu về pháp luật, quản trị, tài chính, ông Tuấn đã có những đóng góp quan trọng vào sự trưởng thành và phát triển vững mạnh của VNDIRECT.
- Ông Điều Ngọc Tuấn được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc quản trị Công ty từ ngày 31/10/2022.

Các thay đổi trong Ban Điều hành:

- Ngày 26/4/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc miễn nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Vũ Long và bổ nhiệm bà Phạm Minh Hương làm Tổng Giám đốc Công ty;
- Ngày 18/9/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với bà Phạm Minh Hương và bổ nhiệm Ông Nguyễn Vũ Long làm Tổng Giám đốc Công ty;
- Ngày 28/11/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc miễn nhiệm chức danh Giám đốc tài chính đối với bà Vũ Nam Hương.

Thông tin về Kế toán trưởng



Bà NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Kế toán trưởng

Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2023
Ngày, tháng, năm sinh:	29/04/1982
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	0 cổ phiếu
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán doanh nghiệp

THÀNH TỰU NỔI BẬT:

- Bà Nguyễn Thị Hương có gần 20 năm công tác trong lĩnh vực kế toán doanh nghiệp.
- Với kinh nghiệm, kiến thức chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp, bà Hương đã hỗ trợ Ban Điều hành cho sự phát triển của VNDIRECT.



Chính sách nhân sự

Ngay từ những ngày đầu thành lập, VNDIRECT đã xác định Con người – Công nghệ – Chuỗi giá trị là nền tảng vững chắc cấu thành nên năng lực tổ chức. Chính vì vậy, VNDIRECT tin rằng, bằng cách gia tăng chất lượng chính sách nhân sự sẽ là cách tốt nhất giúp mỗi thành viên cảm thấy hài lòng với công việc và nuôi dưỡng động lực phát triển hơn nữa cùng với chiến lược của Công ty.

Năm 2023, với việc thay đổi mô hình hoạt động kinh doanh, VNDIRECT đã xây dựng và ban hành nhiều chính sách, quy định quan trọng liên quan đến hoạt động quản trị nhân sự.

Yếu tố con người là một trong những gốc rễ quan trọng VNDIRECT lựa chọn để tạo dựng nền tảng tạo đà cho sự phát triển vững chắc của tổ chức. VNDIRECT xác định lấy yếu tố lấy con người làm trung tâm (people centric) là kim chỉ nam trong mọi hoạt động xây dựng, phát triển và giữ chân nhân tài. Tại VNDIRECT các mục tiêu quản trị và phát triển nguồn nhân lực luôn được gắn cùng với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Người lao động được trao các cơ hội làm nghề chân chính, cơ hội rộng mở để thử thách bản thân. Mỗi cá nhân sẽ đều được tạo điều kiện công bằng để được học tập, đào tạo phát triển năng lực bản thân. Công ty cũng tập trung triển khai xây dựng hệ thống quản lý công việc và hiệu suất để nâng cao năng lực quản trị của hệ thống và giúp cho người lao động làm chủ công việc, nâng cao trách nhiệm, tăng cường khả năng sáng tạo và hướng tới việc làm chủ thời gian, không gian làm việc.

Thị trường lao động trong những năm gần đây trở nên cạnh tranh hơn cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán, đối mặt với thách thức đó, VNDIRECT cũng xây dựng chiến lược quan trọng cho việc chuẩn bị nguồn nhân lực bên trong với hệ thống các chương trình đào tạo cán bộ nguồn là các nhân sự trẻ (chương trình Dtrainee) và xây dựng lộ trình phát triển nhà lãnh đạo tương lai (chương

trình Quản trị viên tập sự - MA). Với đội ngũ trẻ sinh viên mới tốt nghiệp, VNDIRECT đã đào tạo, huấn luyện trong một điều kiện làm việc rất thách thức để có thể thực sự phát triển được những phẩm chất nghề nghiệp của mình. Đây là chiến lược quan trọng giúp công ty làm chủ được nguồn lực lao động trong tương lai của mình, bất kể những thách thức cạnh tranh từ bên ngoài.

Năm 2023, VNDIRECT lựa chọn mục tiêu “Nâng tầm Quản trị” là mục tiêu chiến lược năm để tập trung tối ưu hoá nguồn lực – tối đa hoá hiệu quả - mỗi một nhân sự trong tổ chức đều được phân tích, đánh giá, sắp xếp chuyên môn hoá vị trí công việc phù hợp với năng lực để tất cả cùng hợp lực, hỗ trợ - đồng hành – tạo giá trị tập thể. Theo đó, VNDIRECT đã tập trung quy hoạch cấu trúc tổ chức, xây dựng đội ngũ chuyên sâu về nghiệp vụ, đầu tư nền tảng công nghệ vận hành, nâng cao năng lực quản trị/tổ chức triển khai thực thi đối với đội ngũ quản lý cấp trung trở lên từ đó linh hoạt, thích ứng với biến động nguồn lực hiện hữu. VNDIRECT luôn hướng tới một môi trường công việc mà ở đó mỗi một nhân sự có thể thực sự làm chủ và chịu trách nhiệm với công việc của mình (accountability) thông qua việc liên tục được trao cơ hội với những bài toán thách thức, để tự thân mỗi người luôn thay đổi để bứt phá khỏi những vùng an toàn (comfort zone) của bản thân, được cơ hội va vấp và trưởng thành hơn mỗi ngày.

VNDIRECT tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhân sự nhằm thu hút, tinh lọc và giữ chân nhân tài để bắt kịp với xu hướng của thị trường tài chính trong từng thời kỳ. Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự theo hướng chuyên môn hoá vị trí công việc (jobrole), tổ chức công việc dựa trên Phạm vi trách nhiệm – Phạm vi phối hợp/ cộng sự – Phạm vi hỗ trợ – Nguồn lực trực tiếp. Đồng thời chuyển đổi trong công tác quản lý nhân sự tập trung thông qua việc xây dựng và áp dụng hệ thống cấp bậc công việc (Professional Ranking), hệ thống Ranking cấp bậc tiền lương từ đó quy hoạch nhân sự và triển khai hệ thống quản lý kế cận – quản trị nhân sự - phúc lợi đãi ngộ.





Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Trong năm 2023, với mục tiêu nâng tầm quản trị của toàn bộ CBNV trong Công ty, VNDIRECT tổ chức chương trình IPAM RETREAT – chuyển trở về đây giá trị và niềm vui. Chương trình đã thu hút 494 lượt CBNV tham gia tại 2 miền Bắc - Nam, giúp CBNV có cơ hội trải nghiệm và làm mới từ trong tâm thức, có cái nhìn đúng đắn để thay đổi bản thân; hơn thế nữa là học cách “chơi” với những áp lực, vượt qua những khó khăn, nuôi dưỡng hạnh phúc với những bước đi vững chãi trong cuộc đời.

Mục tiêu quản trị và phát triển nguồn nhân lực luôn được gắn cùng với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty, người lao động được trao cơ hội làm nghề chân chính, cơ hội rộng mở để thử thách bản thân. Khi gia nhập VNDIRECT 100% CBNV đều được quan tâm, đào tạo và định hướng để tìm ra con đường phát triển sự nghiệp của bản thân. Cùng với đó, VNDIRECT còn chú trọng tới việc nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng làm nghề cho đội ngũ thông qua các khóa đào tạo tập trung và các buổi hội thảo chia sẻ kiến thức với 3.504 lượt tham gia đào tạo trong năm 2023. Từ đó, việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được VNDIRECT xác định là một yếu tố vô cùng quan trọng và được tập trung nguồn lực đầu tư, với mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực có chuyên môn cao hướng tới sứ mệnh giúp Khách hàng xây dựng hành trình đầu tư tài chính vững chắc - Customer Centric.

VNDIRECT tiếp tục kiên định với mục tiêu phát triển đội ngũ nhân sự làm nghề chuyên nghiệp với tinh thần, tác phong phụng sự tổ chức cao nhất và đạo đức nghề nghiệp tốt. Theo đó, VNDIRECT luôn đặt mục tiêu phát triển đội ngũ nhân sự gắn với các chiến lược phát triển và văn hóa của tổ chức để một mặt đáp ứng được nguồn lực ngắn hạn trước sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường, đồng thời cũng xây dựng được thể hệ đội ngũ lãnh đạo kế cận trong tương lai:

- Đối với đội ngũ trẻ tiềm năng và tạo nguồn: xây dựng các chương trình trải nghiệm thực tế để cọ sát và trưởng thành, nâng cao kỹ năng trong công việc. Thường xuyên chia sẻ, đào tạo để nhân sự nắm được thay đổi cũng như chiến lược phát triển của tổ chức.
- Đối với đội ngũ tư vấn, chuyên gia môi giới, chuyên gia quản lý tài sản: nâng cao năng lực và kỹ năng làm nghề thông qua các chương trình đào tạo, thi đua, các chính sách thúc đẩy và phát triển kinh doanh.
- Đối với đội ngũ công nghệ: Tạo sân chơi và cơ hội phát triển thông qua các dự án, sản phẩm nền tảng số. Đồng thời, phối hợp với các Công ty công nghệ, phần mềm khác để nâng cao năng lực đội ngũ, góp phần hoàn thiện các nền tảng công nghệ của Công ty.

3.8. Báo cáo phát triển bền vững

3.8.1. Triết lý phát triển bền vững

Với sứ mệnh phụng sự xã hội, đồng hành cùng sự thịnh vượng của khách hàng, đối tác và cộng đồng, VNDIRECT đã không ngừng theo đuổi triết lý phát triển bền vững bằng những dịch vụ, sản phẩm đầu tư tài chính uy tín, minh bạch, bởi những con người làm nghề đạo đức, chính trực và kết hợp nền tảng công nghệ tích hợp đa kênh, phù hợp trải nghiệm của mọi khách hàng.

Trong hành trình bền vững của mình, VNDIRECT đã kiến tạo những nếp sống xây dựng sức khỏe tài chính, bảo an thịnh vượng và tăng trưởng bền vững cho người dân Việt Nam và đóng góp vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế và tài chính đất nước. Để đóng góp các giá trị về kinh tế - xã hội - môi trường chung, đồng thời thực hiện sứ mệnh phụng sự Sức khỏe tài chính – Bảo an thịnh vượng – Phát triển bền vững cho khách hàng, đối tác, cộng đồng, VNDIRECT lựa chọn con đường phát triển dựa trên 3 năng lực cốt lõi: Công nghệ, Con người và Chuỗi giá trị.

Lấy công nghệ làm lợi thế cạnh tranh lõi ngay từ ngày đầu thành lập, VNDIRECT sở hữu nền tảng đa kênh, phù hợp với mọi trải nghiệm đầu tư của khách hàng, giúp khách hàng giao dịch trực tuyến thuận lợi, an toàn và nhanh chóng.

Công ty đã tạo ra điều kiện để tích hợp được sức mạnh của tổ chức và tối ưu được nguồn lực đội ngũ trẻ, bản lĩnh, luôn sẵn sàng dẫn thân phụng sự.

Từ đó, VNDIRECT đã kiến tạo chuỗi giá trị dịch vụ tài chính với định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, phụng sự sự thịnh vượng của khách hàng để đạt được sự hài lòng cuối cùng của khách hàng.

3 yếu tố đó chính là 3 trụ cột vững chắc giúp VNDIRECT vững vàng hơn trên hành trình bền vững của mình trong suốt 17 năm qua.

Chiến lược phát triển bền vững của VNDIRECT

Xuất phát từ tầm nhìn trở thành một định chế tài chính đầu tư chuẩn mực và tin cậy, đem lại giá trị Sức khỏe tài chính – Bảo an thịnh vượng – Phát triển bền vững cho những người làm nghề, khách hàng, đối tác và cộng đồng, VNDIRECT định hướng ESG trở thành chiến lược phát triển bền vững với những mục tiêu và hành động cụ thể chiều theo 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hiệp quốc.

- Trách nhiệm xã hội và cộng đồng
- Chính sách nhân sự và nguồn nhân lực bền vững
- Hệ thống báo cáo và quản lý công việc bền vững
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững
- Quản trị bền vững
- Quản trị rủi ro và cơ hội bền vững



3.8.2. Quản trị

Quản trị bền vững

Yếu tố quan trọng nhất giúp doanh nghiệp sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm đạt những mục tiêu của doanh nghiệp hướng tới mục tiêu phát triển bền vững chính là Quản trị bền vững. Năm 2023, với thông điệp “Nâng tầm quản trị”, VNDIRECT đã nâng cao phát triển bộ máy quản trị nội bộ, giúp cân bằng giữa lợi ích kinh tế và rủi ro.

Trong mô hình quản trị doanh nghiệp, VNDIRECT đưa ra 4 bộ bản đồ tổ chức bao gồm: FMAP - Bản đồ tổ chức theo chức năng nhiệm vụ; CMAP - Bản đồ tổ chức theo chiều khách hàng; PMAP - Bản đồ tổ chức theo chiều sản phẩm; GMAP - Bản đồ tổ chức theo chiều quản trị vận hành. Việc thiết kế bổ sung các Bản đồ tổ chức giúp công ty có thể dẫn truyền thông được cách thiết kế tổ chức theo chuỗi giá trị hướng tới khách hàng, qua đó giúp tính kết nối trong tổ chức được cải thiện, tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị và kiện toàn năng lực tổ chức kinh doanh, năng lực vận hành và năng lực giám sát quản trị hệ thống.

Bên cạnh yếu tố con người, công nghệ là công cụ hỗ trợ hiệu quả và không thể thiếu để hoàn thiện quy trình quản trị nội bộ trong công ty nhằm tránh giảm những sai sót trong việc quản lý hệ thống.

Năm 2023, VNDIRECT tiếp tục đẩy mạnh triển quản trị công việc trên hệ thống iLead – nền tảng quản lý công việc, giúp nhân viên có thể thực sự làm chủ công việc của mình thông qua việc tổ chức nhiệm vụ, giám sát quá trình thực thi để phối hợp và cộng tác với nhau nhằm đạt mục tiêu chung. Hệ thống đang dần trở thành nếp làm việc quan trọng của toàn bộ đội ngũ trong công ty.

Direct Service Board - Hệ thống quản lý hành trình khách hàng giúp hỗ trợ quản lý, chăm sóc, cá nhân hóa từng khách hàng và nhóm khách hàng lớn. Qua DSB, VNDIRECT tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các tính năng hỗ trợ đội ngũ chăm sóc khách hàng theo toàn trình của khách hàng.

3.8.3. Xã hội

Đóng góp xã hội

a. Chính sách công

Trong những năm qua, VNDIRECT đã đóng góp vào ngân sách Nhà nước thông qua nộp thuế và cổ tức, đóng góp gián tiếp cho việc thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội của Chính phủ.

Đồng thời, công ty luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước với mức đóng có xu hướng tăng dần qua các năm. Trong nhiều năm trở lại đây, Công ty thường xuyên thuộc nhóm các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

b. Quyền bảo mật thông tin khách hàng

Tạo điều kiện để khách hàng có quyền chia sẻ một cách đầy đủ, chân thực nhất về các vấn đề đang vướng phải, VNDIRECT đã triển khai và áp dụng phần mềm liên lạc trực tuyến Dlink do VNDIRECT làm chủ công nghệ nhằm bảo mật thông tin, liên lạc nhanh chóng, dễ dàng và giải quyết đúng những bài toán mà khách hàng của VNDIRECT gặp phải. Theo đó, tỷ lệ tương tác của khách hàng qua Dlink gấp đôi Mail, và gấp 5 lần notification qua App.

Đặc biệt, trong năm 2023, các công cụ số hóa sẽ được nâng cấp rất rõ nét ở mảng kinh doanh tiền tệ và kinh doanh trái phiếu:

- Với mảng kinh doanh tiền tệ sẽ tự động hóa luồng vận hành giao dịch thay thế luồng hồ sơ giấy đạt tỷ lệ 70%, quản lý thông suốt luồng vận hành cho đến quản lý lưu trữ hồ sơ, nhằm mục đích tăng công cụ quản trị giao dịch, tự động hóa các báo cáo, giảm thiểu thời gian xử lý giao dịch.
- Với mảng kinh doanh trái phiếu sẽ nâng cấp hệ thống, tích hợp tất cả các sản phẩm dịch vụ liên quan đến trái phiếu (bao gồm Trái phiếu riêng lẻ, trái phiếu niêm yết, trái phiếu chính phủ, trái phiếu OTC....) được vận hành trên cùng một hệ thống.
- Hệ thống sẽ quản lý toàn trình luồng vận hành giao dịch, tích hợp tự động với các hệ thống khác liên quan và tự động hóa 50% lượng hợp đồng giao dịch, giúp giảm thời gian xử lý giao dịch, giảm thiểu rủi ro vận hành, đồng thời tăng nhiều tiện ích cho đội ngũ vận hành và kinh doanh để phục vụ công việc.

Mảng vận hành giao dịch nguồn vốn trong năm 2024 sẽ tiếp tục kế hoạch chuẩn hóa và tối ưu hóa 100% các quy trình vận hành sản phẩm dịch vụ để đáp ứng tải dịch vụ lớn hơn và giảm thiểu rủi ro vận hành.

c. Xây dựng môi trường làm việc bền vững

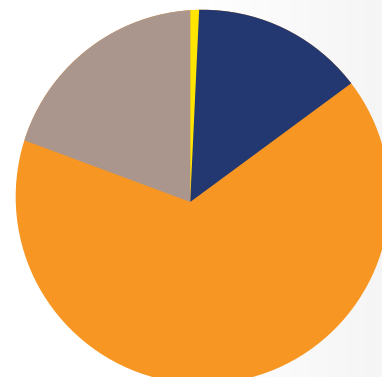
Với tầm nhìn và chiến lược phát triển bền vững, VNDIRECT nhận thức rõ ràng về vai trò quan trọng của nhân sự trong việc xây dựng nền tảng cho sự thịnh vượng của tổ chức. Mục tiêu quản trị và phát triển nguồn nhân lực luôn đi đôi với mục tiêu phát

triển bền vững của công ty. Bằng cách tôn trọng và tuân thủ nguyên tắc People Centric - lấy con người làm trung tâm, VNDIRECT đã chú trọng và đầu tư mạnh mẽ vào các chính sách phát triển nhân sự, cải thiện chế độ phúc lợi và đãi ngộ, nhằm thu hút và giữ chân nhân tài chất lượng. Đặc biệt, với văn hoá làm việc Ilead - tôi lãnh đạo chính bản thân tôi, mỗi nhân sự không chỉ đảm nhận trách nhiệm với công việc của mình mà còn tự chủ trong việc nâng cao bản thân và thách thức bản thân để vượt qua ranh giới an toàn.

d. Cơ cấu nguồn nhân lực tôn trọng sự bình đẳng, đa dạng

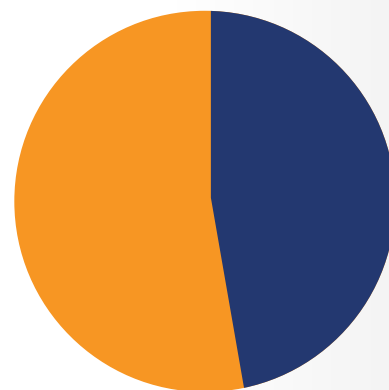
Tính đến 31/12/2023, số lượng nhân sự của VNDIRECT đạt 1.174 nhân sự. Xét về độ tuổi, lực lượng lao động trẻ trong khoảng từ 25-35 tuổi chiếm tỷ trọng lớn nhất với 66%. Bên cạnh đó, VNDIRECT cũng rất tôn trọng và đảm bảo sự hài hoà giới tính với tỷ lệ nam giới chiếm 47% và nữ giới chiếm 53%.

Phân nhóm nhân sự theo độ tuổi



■ <25 tuổi ■ 25-35 tuổi ■ 35-50 tuổi ■ >50 tuổi

Phân nhóm nhân sự theo giới tính



■ Nam ■ Nữ

Hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

a. Công tác đào tạo có chất lượng

Trong năm 2023, với mục tiêu nâng tầm quản trị của toàn bộ CBNV trong Công ty, VNDIRECT tổ chức chương trình IPAM RETREAT – chuyển trở về đầy giá trị và niềm vui. Chương trình đã thu hút 494 lượt CBNV tham gia tại 2 miền Bắc - Nam, giúp CBNV có cơ hội trải nghiệm và làm mới từ trong tâm thức, có cái nhìn đúng đắn để thay đổi bản thân; hơn thế nữa là học cách “chơi” với những áp lực, vượt qua những khó khăn, nuôi dưỡng hạnh phúc với những bước đi vững chãi trong cuộc đời.

Tại VNDIRECT, việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được xác định là một yếu tố vô cùng quan trọng và được tập trung nguồn lực đầu tư, với mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực có chuyên môn cao hướng tới sứ mệnh giúp Khách hàng kiến tạo **Sức khoẻ tài chính – Bảo an thịnh vượng – Phát triển bền vững**.

Khi gia nhập VNDIRECT 100% CBNV đều được quan tâm, đào tạo và định hướng để tìm ra con đường phát triển sự nghiệp của bản thân. Cùng với đó, VNDIRECT còn chú trọng tới việc nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng làm nghề cho đội ngũ thông qua các khóa đào tạo tập trung và các buổi hội thảo chia sẻ kiến thức với 3.504 lượt tham gia đào tạo trong năm 2023. Cụ thể, các chương trình sau:

- Chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức: Tổ chức các buổi đào tạo và chia sẻ kiến thức cho cán bộ nhân viên về “sống lành”, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tiêu dùng bền vững thông qua các chương trình workshop chia sẻ về nếp sống thuận tự nhiên: phòng và chữa bệnh bằng phương pháp tự nhiên, không lạm dụng thuốc, sử dụng thực phẩm hữu cơ... Khuyến khích nhân viên tham gia các khóa học và chương trình đào tạo liên quan đến môi trường, bền vững và trách nhiệm xã hội.
- Tổ chức các chương trình đào tạo theo chuẩn mực IPAM (Insights – Passion – Action – Mindfulness) giúp nhân viên có khả năng hiểu biết sâu sắc về tầm nhìn, sứ mệnh và hệ giá trị của công ty (Insights – Năng lực quan sát), có năng lực tạo ra sức mạnh sáng tạo từ sự đam mê nghề nghiệp (Passion – Năng lực tư duy), năng lực hành động cùng một tập thể tri thức với kinh nghiệm đa dạng (Action – Năng lực cộng sự), và khả năng an trú vững vàng trong mọi điều kiện của thị trường (Mindfulness – An vui với hiện tại).
- Chương trình đào tạo và nâng cao năng lực của cán bộ nhân viên: Tổ chức các chương trình đào tạo về kỹ năng làm nghề giúp cán bộ nhân viên có các phương pháp tiếp cận và giải pháp lựa chọn đối với các vấn đề trong tổ chức để họ có thể phát triển sự nghiệp và gắn bó lâu dài với công ty, đồng thời các chương trình workshop giúp nhân viên có tư duy về “agile transformation” từ đó đạt được thành công trong một môi trường liên tục biến động.

- Các chương trình đào tạo tập trung và đào tạo trực tuyến được đẩy mạnh trên cơ sở đào tạo theo khung năng lực đối với các vị trí chức danh, không ngừng nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự theo hướng chuyên môn hoá nghiệp vụ, chuyên nghiệp kỹ năng, nâng cao kiến thức chuyên ngành.

Bên cạnh đó, trong quá trình thu hút và tuyển dụng đội ngũ nhân viên, VNDIRECT luôn tập trung vào việc tìm kiếm và phát triển những tài năng trẻ trong lĩnh vực tài chính, có trí tuệ, tư duy logic và sáng tạo, tinh thần sẵn sàng dẫn thân phụng sự. Đây là những nguồn lực mới, mang lại động lực tích cực cho môi trường làm việc tại các bộ phận và đáp ứng nhu cầu công việc cho các dự án mở rộng của công ty. Hàng năm, VNDIRECT tổ chức các chương trình đào tạo dành cho trainee, nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, trải nghiệm làm việc thực. Với quy mô nhân sự ngày càng lớn và tốc độ tăng trưởng không ngừng, trong thời gian tới, VNDIRECT cam kết tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển và nuôi dưỡng những tài năng trẻ, làm nền tảng cho sự phồn thịnh của công ty và thị trường chứng khoán trong tương lai.

b. Chính sách đãi ngộ, phúc lợi

VNDIRECT liên tục xây dựng, cải tiến văn hoá làm việc bằng cách cộng lực của các bộ phận chuyên môn, kinh doanh – nghiệp vụ, văn hoá làm việc hợp lực đã góp phần hình thành sự đa dạng, phát triển toàn diện môi trường làm việc chuyên nghiệp. Hoạt động quản trị nguồn nhân lực đã được chuyển đổi mạnh mẽ trong năm 2023 với việc chuyên môn hoá từ khâu tuyển dụng đầu vào, đào tạo hội nhập, phát triển năng lực, gắn kết nhân viên, quản lý hiệu quả công việc, chính sách thi đua khen thưởng nhằm hướng đến mục tiêu chung “tối ưu hoá nguồn nhân lực và tối đa hoá năng lực” trong hệ thống.

Với mục tiêu xây dựng một môi trường làm việc đầy cạnh tranh và chăm sóc toàn diện, VNDIRECT đã xây dựng chính sách đãi ngộ mang tính cạnh tranh, đảm bảo thu nhập tương xứng với kết quả công việc và giá trị đóng góp cho công ty, đồng thời thúc đẩy sự công bằng và minh bạch. Bên cạnh các chế độ phúc lợi theo quy định của Pháp luật như bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, VNDIRECT thường xuyên tổ chức các hoạt động thúc đẩy gắn kết giữa cán bộ nhân viên và Tập đoàn, nâng cao đời sống tinh thần và duy trì nền văn hóa doanh nghiệp. Đặc biệt, VNDIRECT quan tâm hàng đầu đến sức khỏe của nhân viên bằng việc cung cấp các chế độ phúc lợi khác biệt như bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên và gia đình, tổ chức các buổi workshop về sức khỏe, và đồng hành, chia sẻ và hỗ trợ trên mọi mặt của cuộc sống và công việc.

c. Định hướng phát triển năm 2024

Song song với chiến lược tối ưu hoá nguồn nhân lực, VNDIRECT cũng đã có kế hoạch triển khai các giải pháp nâng cao giá trị môi trường làm nghề, gắn kết nhân viên hiện hữu đồng thời thu hút nguồn lực chất lượng cao từ thị trường lao động:

- Tập trung mục tiêu Change Management – Quản trị sự thay đổi: Quản trị sự thay đổi là một trong những nhiệm vụ thách thức của tổ chức, là một quá trình tổ chức và thực thi nhằm đảm bảo những thay đổi được triển khai một cách hiệu quả để đạt được mục tiêu của tổ chức. Yếu tố con người vẫn là yếu tố cốt lõi trong việc thay đổi, vậy nên VND luôn chú trọng việc kết nối các cá nhân trong tổ chức tham gia vào quá trình chuyển đổi như một phần tất yếu tạo nên sức mạnh tập thể.
- VNDIRECT tăng cường thể chủ động trong việc tiếp cận nhân tài (bao gồm cả nguồn lực bên trong và bên ngoài), hiểu hơn kỳ vọng – định hướng của người lao động với công việc, tổ chức, từ đó gia tăng tỷ lệ thành công trong việc sử dụng nguồn nhân lực.
- Xây dựng và duy trì văn hoá “nhân sự dẫn thân”: Với phương pháp tổ chức quản trị theo xu hướng thị trường Blockchain, mỗi một cá thể trong tổ chức đều luôn có cơ hội tham gia vào các working team, agile team để tự hoàn thiện về kỹ năng cá nhân, kinh nghiệm chuyên môn cũng như hiểu hơn về bộ máy vận hành của tổ chức, thông qua đó, nhân sự cũng có thêm cơ hội phát triển nghề nghiệp.
- Xây dựng và triển khai các chương trình gắn kết “hiếu tổ chức - hiếu con đường - hiếu nghề - hiếu bản thân”: Hiếu và tin tưởng vào hướng đi của tổ chức – Có mục đích, sứ mệnh và mục tiêu – để nhân sự là một phần tất yếu của tổ chức, mong muốn tổ chức phát triển và cảm thấy được chia sẻ thành công với tổ chức.
- Hoàn thiện và nâng cao các chương trình Total Reward “Phúc lợi đãi ngộ - giữ chân nhân tài”: Nhân sự gắn kết là thước đo mức độ hài lòng của người lao động với tổ chức. Chính sách phúc lợi không chỉ dừng lại ở chính sách thưởng thưởng giúp nhân sự có động lực để làm việc năng suất hơn mà cần hướng đến những giá trị vô hình giúp nuôi dưỡng sự gắn kết từ tâm.

3.8.4. Môi trường

a. Đầu tư tài chính xanh

Cùng với chiến lược chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính quốc gia, VNDIRECT với lợi thế công nghệ từ buổi đầu thành lập đã không ngừng đầu tư cả về nguồn lực và ngân sách cho chuyển đổi số vận hành doanh nghiệp, góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường.

Cụ thể thực hiện chuyển đổi và số hóa các quy trình và sản phẩm hướng tới một VNDIRECT không giấy tờ qua: Hệ thống trao đổi công việc iLead với tỷ lệ 100% CBNV được tiếp cận, triển khai eKYC (định danh khách hàng điện tử); ứng dụng công nghệ Bigdata để phân tích và ra quyết định; tiếp tục nâng cấp hệ thống để nâng cao trải nghiệm khách hàng; hoàn thiện nền tảng khách hàng...

b. Tuân thủ quy định quản lý, bảo vệ môi trường

Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường, không để xảy ra các vi phạm hay xử phạt hành chính liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động vận hành của tổ chức. Năm 2023, VNDIRECT không ghi nhận bất cứ sự vụ phát sinh nào liên quan đến vi phạm hành chính về luật bảo vệ môi trường tại tất cả các văn phòng trên cả nước.

c. Quản lý tác động môi trường

Với đội ngũ gần 1.200 nhân viên, trong năm 2023 chúng tôi đã tập trung quản lý, cân đối các nguồn năng lượng tiêu thụ và tác động môi trường do VNDIRECT trực tiếp hoặc gián tiếp tiêu thụ nhằm giảm thiểu tác động môi trường. Chúng tôi tin rằng hành động nhỏ này khi được lan tỏa trong cộng đồng nội bộ doanh nghiệp sẽ đem lại những thay đổi mạnh mẽ góp phần xanh hóa và cân bằng lại môi trường sinh thái của Việt Nam.

Thông qua các hoạt động truyền thông nội bộ, các biện pháp quản lý tác động môi trường đã được triển khai như:

- Tích cực tuyên truyền sử dụng năng lượng hiệu quả: Tiết kiệm nước, tắt thiết bị điện sau giờ làm việc, sử dụng giấy hợp lý...
- Tăng cường nhận thức bảo vệ môi trường của CBNV: Sử dụng vật liệu tái chế, trồng cây phủ xanh văn phòng...
- Triển khai chương trình 5S: Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ – Săn sóc – Sẵn sàng.

Lan tỏa tư duy về nếp sống xanh

Năm 2023, VNDIRECT cũng chú trọng vào việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, trong đó, Nếp sống thuận tự nhiên – Gobio trở thành một trong ba nếp sống được công ty tập trung chú trọng lan tỏa.

Nếp sống thuận tự nhiên được hiểu là nếp sống con người sống hài hòa, không gây tác động tiêu cực lên đất mẹ và thiên nhiên xung quanh. Việc giúp mỗi người quay vào bên trong, đánh thức tình yêu với đất mẹ thiên nhiên là gốc rễ của mọi hành vi tiêu thụ, sinh hoạt hàng ngày của mỗi con người để bảo vệ tự nhiên và bảo vệ môi trường sống an lành bền vững.

Qua đó, Nếp sống Gobio đã hướng CBNV, khách hàng và người dân thông qua chuỗi các chương trình về chia sẻ, đào tạo, giới thiệu sản phẩm thuận tự nhiên và phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc để mỗi người có thể tự chăm sóc sức khỏe của chính mình, lựa chọn hành vi, làm chủ và xây dựng môi trường tiêu dùng và sản xuất xanh, tự nhiên vì sức khỏe cộng đồng.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGD

-
- 4.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - 4.2. Tình hình tài chính
 - 4.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
 - 4.4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về xã hội và môi trường

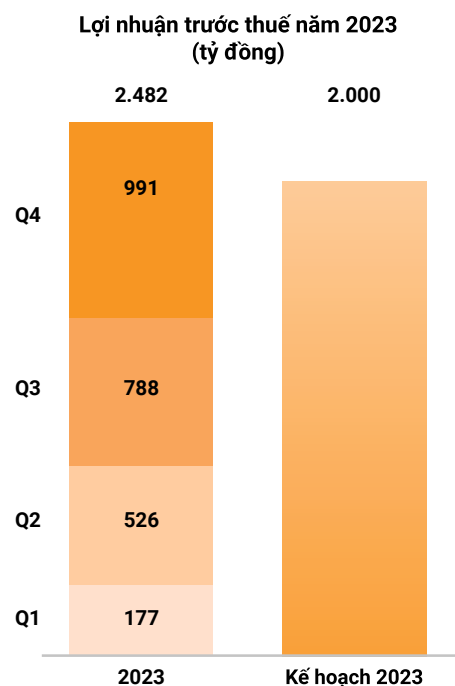


4.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh của VNDIRECT năm 2023 hoàn thành vượt kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên thông qua đã phản ánh chân thực những nỗ lực và cố gắng của toàn bộ tập thể cán bộ nhân viên Công ty. Ban Tổng giám đốc luôn trú trọng công tác quản trị rủi ro và tuân thủ song song với thực hiện mục tiêu phát triển bền vững nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Yếu tố Con người luôn được đề cao hàng đầu tại VNDIRECT, với việc triển khai các chương trình như IPAM Re-treat hay nếp làm việc iLead cùng với các hoạt động đào tạo, nâng cao kiến thức kinh nghiệm cho nhân viên giúp tập thể công ty tiếp tục tiếp nối con đường phụng sự Khách hàng, Cổ đông và đóng góp vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế và tài chính của đất nước. Bên cạnh đó, Công nghệ trong thời kỳ chuyển đổi số tiếp tục là yếu tố được quan tâm và phát triển thông qua các gói sản phẩm và nâng cao hiệu năng ứng dụng qua đó nâng cao trải nghiệm, đáp ứng đầy đủ chuỗi nhu cầu của khách hàng cũng như tối ưu hiệu quả hoạt động và chi phí cho Công ty. Cuối cùng, Chuỗi giá trị dịch vụ tài chính lấy khách hàng là trọng tâm đóng vai trò kim chỉ nam trong việc hoạch định chiến lược và đưa ra phương hướng kinh doanh cho toàn bộ Công ty.

4.2. Tình hình tài chính

Kết thúc năm 2023, VNDIRECT cũng trải qua một năm với nhiều thăng trầm trong kinh doanh đã đạt được những kết quả đáng khích lệ khi lợi nhuận công ty đạt 2.482 tỷ đồng, hoàn thành 124% kế hoạch ĐHĐCĐ. VNDIRECT đã tiến tới kiện toàn mô hình tổ chức kinh doanh hướng tới Khách hàng là trọng tâm, đặt nền móng số hoá cho toàn bộ hoạt động quản trị kinh doanh và nghiệp vụ sản phẩm trọng yếu, mở rộng năng lực kinh doanh của một nền tảng hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ đầu tư tài chính đa dạng, đáp ứng nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng.



Cơ cấu tài sản

Năm 2023, tổng tài sản đạt mức 41.742 tỷ đồng, tăng nhẹ ở mức 7,7% so với năm 2022, cơ cấu tài sản tiếp tục tập trung vào các tài sản thanh khoản cao gồm có Tiền mặt, Trái phiếu Chính phủ, Tiền gửi có kỳ hạn, Chứng chỉ tiền gửi và Trái phiếu tổ chức tín dụng lớn với mục tiêu đảm bảo bộ đệm thanh khoản dự phòng cho các biến động lớn và rủi ro tài chính.

Cơ cấu nguồn vốn

Công ty tiếp tục đi theo định hướng thận trọng trong hoạt động vay nợ, bảo toàn tài sản của công ty và tài sản của khách hàng, theo đó, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu ở mức 152,4% tại 31/12/2023, giảm nhẹ so với mức 166,6% tại 31/12/2022. Cơ cấu nợ chủ yếu là các khoản vay tại Ngân hàng lớn như VietinBank, Vietcombank, BIDV hay Agribank, qua đó cũng khẳng định vị thế VNDIRECT trên thị trường tài chính.

4.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Bản đồ tổ chức (FMAP, CMAP, PMAP và GMAP)

Trong năm 2023 VNDIRECT với mục tiêu nâng tầm quản trị đã tiếp tục có những thay đổi, cập nhật trong mô hình quản trị doanh nghiệp khi đưa ra 4 bộ bản đồ tổ chức bao gồm: FMAP - Bản đồ tổ chức theo chức năng nhiệm vụ; CMAP - Bản đồ tổ chức theo chiều khách hàng; PMAP - Bản đồ tổ chức theo chiều sản phẩm; GMAP - Bản đồ tổ chức theo chiều quản trị vận hành. Việc hoàn thiện và nâng cao Bản đồ cơ cấu tổ chức giúp Công ty tối ưu năng lực tổ chức, vận hành và giám sát hệ thống qua đó mang lại chuỗi giá trị hướng tới khách hàng.

Nếp làm việc iLead

Dựa trên nền tảng công nghệ sẵn có cùng mục tiêu chuyển đổi số mọi hoạt động quản trị nội bộ, VNDIRECT đã chính thức đưa nền tảng quản lý công việc iLead trở thành nếp làm việc quen thuộc của toàn bộ đội ngũ công ty. Việc xây dựng môi trường làm việc khuyến khích sự chủ động, dẫn thân và làm chủ công việc của đội ngũ nhân viên là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của VNDIRECT. Thông qua iLead, nhân sự tại VNDIRECT có thể làm chủ công việc của mình thông qua quy trình tổ chức nhiệm vụ, giám sát quá trình thực thi, đảm bảo sự phối hợp hành động nhằm đạt được mục tiêu chung của tổ chức.

4.4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về xã hội và môi trường



Xã hội

VNDIRECT chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước với mức đóng có xu hướng tăng dần qua các năm. Bên cạnh đó, với tầm nhìn và chiến lược phát triển bền vững, VNDIRECT đã chú trọng và đầu tư mạnh mẽ vào các chính sách phát triển nhân sự, cải thiện chế độ phúc lợi và đãi ngộ, nhằm thu hút và giữ chân nhân tài chất lượng. Công ty luôn tập trung vào việc tìm kiếm và phát triển những tài năng trẻ trong lĩnh vực tài chính, có trí tuệ, tư duy logic và sáng tạo, tinh thần sẵn sàng dẫn thân phụng sự và cam kết tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển và nuôi dưỡng những tài năng trẻ, làm nền tảng cho sự phồn thịnh của công ty và thị trường chứng khoán trong tương lai. Song song với hành trình làm nghề, VNDIRECT không ngừng xây dựng nâng cao đời sống cán bộ nhân viên thông qua các chương trình văn hóa cộng đồng và rèn luyện nếp sống IPAM, qua đó giúp VNDIRECTORS có một môi trường phát triển toàn diện bản thân.



Môi trường

Đồng hành cùng chiến lược chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính quốc gia, VNDIRECT với lợi thế công nghệ từ buổi đầu thành lập đã không ngừng đầu tư cả về nguồn lực và ngân sách cho chuyển đổi số vận hành doanh nghiệp, góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường.

Năm 2023, VNDIRECT không ghi nhận bất cứ sự vụ phát sinh nào liên quan đến vi phạm hành chính về luật bảo vệ môi trường tại tất cả các văn phòng trên cả nước thông qua các biện pháp quản lý tác động môi trường đã được triển khai như: (1) tích cực tuyên truyền sử dụng năng lượng hiệu quả, (2) tăng cường nhận thức bảo vệ môi trường và (3) triển khai chương trình 5S: Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ – Săn sóc – Sẵn sàng.

Bên cạnh đó, VNDIRECT cũng chú trọng vào việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, trong đó, Nếp sống thuận tự nhiên – Gobio trở thành một trong ba nếp sống được công ty tập trung chú trọng lan tỏa. Nếp sống thuận tự nhiên được hiểu là nếp sống con người sống hài hòa, không gây tác động tiêu cực lên đất mẹ và thiên nhiên xung quanh. Việc giúp mỗi người quay vào bên trong, đánh thức tình yêu với đất mẹ thiên nhiên là gốc rễ của mọi hành vi tiêu thụ, sinh hoạt hàng ngày của mỗi con người để bảo vệ tự nhiên và bảo vệ môi trường sống an lành bền vững.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

-
- 5.1. Đánh giá Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty
 - 5.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
 - 5.3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



5.1. Đánh giá Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Trải qua 6 năm VNDIRECT đã chuyển dịch từ mô hình công ty chứng khoán cung cấp nền tảng giao dịch chứng khoán và sản phẩm margin, sang mô hình định chế tài chính trung gian, cung cấp các giải pháp dịch vụ đầu tư vốn và giải pháp đầu tư giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư cá nhân, và giải pháp phát hành vốn và niêm yết trên thị trường chứng khoán với khách hàng doanh nghiệp, trở thành cầu nối khơi thông nhu cầu phát hành vốn và nhu cầu đầu tư. Bên cạnh đó, VNDIRECT đã nhận diện được những yếu tố thiếu bền vững trong mô hình kinh doanh ngắn hạn luôn biến thiên theo thị trường giao dịch chứng khoán, qua đó luôn thận trọng giữ điều kiện thanh khoản để ứng phó với các tiềm ẩn bất ngờ, đồng thời đổi mới với sự thay đổi nhân sự trong quá trình chuyển dịch mô hình quản trị kinh doanh, tập thể VNDIRECT đã xây dựng được văn hóa làm việc theo tinh thần làm chủ tập thể và tự chịu trách nhiệm theo đúng vai trò và vị trí của mình.

5.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động bám sát Tầm nhìn – Sứ mệnh của Công ty đồng thời ứng biến linh hoạt với diễn biến của thị trường và chính sách quản lý. Ban Tổng giám đốc cũng thường xuyên báo cáo trao đổi với HĐQT về tình hình chiến lược, phương hướng hành động và thực hiện tốt các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Kết thúc năm 2023, VNDIRECT cũng đã ghi nhận được những đóng góp đáng kể về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như:

- Quản lý chặt chẽ và hạn chế rủi ro đối với giao dịch ký quỹ, xây dựng và triển khai các mô hình định lượng rủi ro để quyết định mức cho vay phù hợp, cân bằng rủi ro và lợi ích.
- Đưa hệ thống quản trị nhiệm vụ iLead đi vào hoạt động trong quy mô VNDIRECT và toàn tập đoàn, giúp toàn bộ đội ngũ có công cụ tổ chức nhiệm vụ và giám sát quá trình thực thi để phối hợp và cộng tác với nhau nhằm đạt được kết quả mục tiêu chung của tổ chức.
- Phát triển thành công hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ kết nối tới HNX, tiếp tục đảm bảo tiến độ kiểm thử KRX với HOSE, xây dựng và triển khai thành công hệ thống Order Routing cho phái sinh, hoàn thành hệ thống quản lý hợp đồng/ký điện tử mới, xây dựng nền tảng Open API mới sẵn sàng cho bán chéo sản phẩm tài chính, thanh toán.
- VNDIRECT đang dần làm chủ công nghệ AI/ML với nhiều giải pháp được triển khai thành công như eKYC, xếp hạng cổ phiếu bằng AI, các công nghệ xử lý, phân loại dữ liệu bằng AI...

5.3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Hướng tới năm 2024, VNDIRECT với mục tiêu kiên toàn năng lực tổ chức theo 02 mảng dịch vụ trọng tâm: (1) Dịch vụ thị trường vốn và quản lý tài sản đầu tư và (2) Dịch vụ giao dịch chứng khoán. Mặc dù môi trường kinh doanh vẫn đang tiềm ẩn những rủi ro và khó khăn, song vẫn luôn có những cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp. Để có thể phát huy tiềm lực và nắm bắt cơ hội, Công ty tập trung thu hút nhân sự cao cấp, và môi trường tái đào tạo và gắn kết lại đội ngũ nhân sự hiện có để có thể đáp ứng điều kiện kinh doanh mới sẽ trở thành nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Ban lãnh đạo công ty.

Tiếp nối truyền thống luôn sẵn sàng đón nhận thách thức, dẫn thân và học hỏi để phát triển được sự nghiệp, VNDIRECTORS không ngừng học hỏi nâng cao kiến thức và kinh nghiệm qua đó đưa VNDIRECT hướng tới vị thế là một định chế tài chính trung gian, có năng lực kinh doanh toàn diện trên thị trường tài chính – thị trường vốn – và thị trường giao dịch chứng khoán, có uy tín và bề dày hoạt động cùng với sự phát triển của thị trường tài chính Quốc tế và Việt Nam. Trí tuệ tập thể, đòn bẩy của sự làm chủ quá trình chuyển đổi số, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, đòn bẩy của chuỗi giá trị cộng sinh chính là nền tảng cho mỗi VNDIRECTORS tạo ra giá trị và tạo được sức mạnh của tập thể để chinh phục các mục tiêu kinh doanh lớn hơn.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

-
- 6.1. Thông tin Hội đồng quản trị
 - 6.2. Báo cáo của Ban Kiểm soát
 - 6.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát
 - 6.4. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ
 - 6.5. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty
 - 6.6. Đào tạo về quản trị công ty
 - 6.7. Các giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

16



6.1. Thông tin Hội đồng quản trị

a) Thành phần Hội đồng quản trị



BÀ PHẠM MINH HƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	11/11/2006, bổ nhiệm lại ngày 25/4/2022
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện tử

Bà Phạm Minh Hương có gần 30 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Từng giữ cương vị Giám đốc kinh doanh vốn và tài chính tại Citibank N.A, bà là một trong những thành viên đầu tiên đóng góp vào sự phát triển hoạt động của Ngân hàng. Bà cũng đã đóng góp rất lớn trong việc xây dựng nền móng và phát triển Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn SSI, từ một công ty hoạt động môi giới với quy mô vốn 20 tỷ đồng trở thành một trong những định chế ngân hàng đầu tư lớn nhất ở Việt Nam.

Với vai trò là cổ đông lớn, Bà đã tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm để làm nền tảng thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Mang khát vọng xây một công ty công nghệ số trong lĩnh vực tài chính, bà Hương đã dành tâm sức để xây dựng VNDIRECT thành một công ty chứng khoán có dịch vụ khách hàng cá nhân uy tín nhất trên thị trường Việt Nam hiện nay.

Dưới sự lãnh đạo của Bà, VNDIRECT thực sự đã được thử thách qua nhiều những thăng trầm kinh doanh của một thị trường non trẻ như Việt Nam. Bà cũng là một nhà lãnh đạo có tầm nhìn xa và là người tiên phong trong việc đưa sản phẩm mới tới thị trường. Sự đóng góp của Bà với cộng đồng chứng khoán có ảnh hưởng rất lớn và uy tín hoạt động cá nhân đã giúp cho Bà luôn là một nhà lãnh đạo có uy tín lớn trên thị trường tài chính Việt Nam.



ÔNG NGUYỄN VŨ LONG

Thành viên Hội đồng Quản trị

Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	25/04/2022
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính

Ông Long tốt nghiệp thạc sĩ trường Đại học New South Wales chuyên ngành Tài chính. Ông Long có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư – tài chính.

Ông Long đã gắn bó với VNDIRECT trong 8 năm và trải qua nhiều vị trí quan trọng của công ty như Trưởng phòng kinh doanh tiền tệ, Giám đốc Nguồn vốn. Đồng hành với VNDIRECT trong suốt thời gian qua, ông đã và đang đóng góp không nhỏ trong những bước tiến phát triển vượt bậc của công ty và trở thành một trong những lãnh đạo trẻ tiêu biểu trong những năm gần đây.

Ông Long chính thức đảm nhận chức vụ Quyền Tổng giám đốc tại VNDIRECT từ ngày 22/11/2021 và được bầu cử làm Thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 25/04/2022.



ÔNG VŨ HIỀN

Thành viên Hội đồng Quản trị

Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	26/3/2009, bổ nhiệm lại ngày 25/4/2022
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hàng hải

Ông Hiền là một doanh nhân thành đạt, nhà quản trị doanh nghiệp và nhà đầu tư có kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực. Với gần 20 năm kinh nghiệm đầu tư – tài chính và nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ thương mại, ông Hiền đã lãnh đạo IPA Investments thành một tập đoàn đầu tư đa lĩnh vực bao gồm năng lượng, thực phẩm, dược, bất động sản và tài chính.

Ông Hiền cũng là thành viên HĐQT của một số công ty có uy tín hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và du lịch. Ông là một doanh nhân có rất nhiều đóng góp trong công tác xã hội tạo thêm giá trị nhân văn và môi trường lành mạnh cho cộng đồng.



ÔNG MAI HỮU ĐẠT

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chức vụ hiện nay	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	25/04/2022
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ Luật

Ông Mai Hữu Đạt tốt nghiệp Tiến sĩ Luật tại Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật. Ông có gần 30 năm kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực như pháp luật, sản xuất, dịch vụ và tài chính.

Ông Đạt lần đầu đến với VNDIRECT là vào năm 2010 với vai trò Phó Tổng giám đốc Công ty. Ông là một doanh nhân, luật sư và đã từng là lãnh đạo tại nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch và tài chính. Ông Đạt chính thức được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị tại VNDIRECT tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 25/04/2022. Vào ngày 21/07/2022, ông Đạt được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT.



ÔNG VŨ VIỆT ANH

Thành viên độc lập HĐQT Hội đồng Quản trị

Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	25/04/2022
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kỹ thuật Điện và Thạc sĩ Viễn thông

Ông Vũ Việt Anh tốt nghiệp Thạc sĩ Kỹ thuật Điện tại trường Đại học Columbia và Thạc sĩ Viễn thông tại trường Télécom Paris. Ông có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ. Ông hiện đang nắm vị trí Giám đốc tại Công ty Cổ phần OCTECH, một công ty công nghệ chuyên về lập trình.

Ông từng làm việc với vai trò là lập trình viên Java tại Tervela Inc và Đại học Columbia. Ông chính thức được bầu cử làm thành viên Hội đồng quản trị tại VNDIRECT tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 25/04/2022.

b) Báo cáo đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty và hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban Tổng giám đốc: Căn cứ vào Điều lệ và Quy chế Quản trị của Công ty, HĐQT VNDIRECT trong năm 2023 đã thực hiện đầy đủ và thường xuyên việc giám sát hoạt động điều hành Công ty của Ban Điều hành và Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và Hội đồng quản trị, đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế Quản trị của Công ty, Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị đã thông qua việc bầu lại Chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty; chủ động giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT. Thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, HĐQT đã đưa ra những ý kiến đóng góp với Ban Tổng giám đốc và Ban điều hành nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát và quản lý doanh nghiệp. Ban Tổng giám đốc trong năm 2023 đã có nhiều nỗ lực trong việc quản lý điều hành và tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh, ứng phó linh hoạt và nhanh chóng trong giai đoạn hết sức khó khăn của thị trường chứng khoán nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng để hoàn thành kế hoạch kinh doanh của công ty trong năm 2023.

Hội đồng quản trị rủi ro: Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến Quản trị rủi ro của Công ty; Nghiên cứu, phát triển, ban hành chiến lược và chính sách, quy chế, quy trình quản trị rủi ro trong hoạt động của Công ty; Kiểm tra, đánh giá sự phù hợp hiệu quả và hiệu lực của Bộ phận quản trị rủi ro và của cả hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty. Ban hành các chính sách, hạn mức rủi ro, quy định nguyên tắc, bộ tiêu chí, phân quyền quản lý và phê duyệt rủi ro, các tham số và mô hình quản trị rủi ro; Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết/Quy chế của HĐQT hoặc Quyết định của HĐQT.

Hội đồng nhân sự: Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị nhân sự của Công ty; Tham mưu cho Chủ tịch HĐQT hoặc HĐQT trong việc ban hành cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Công ty; Phê chuẩn hoặc tham mưu cho Chủ tịch HĐQT trong việc xây dựng, ban hành các quy chế, chính sách nhân sự, cơ chế lương thưởng, chế độ phúc lợi dành cho cán bộ nhân viên của Công ty; Thẩm định hoặc phê chuẩn việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT; Tham gia vào các vấn đề liên quan đến kỷ luật lao động đối với các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc các cán bộ nhân viên khác của Công ty (khi thấy cần thiết); Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác của Hội đồng nhân sự theo quy định tại Điều lệ và Nghị quyết/Quy chế do HĐQT hoặc Quyết định của Hội đồng quản trị.

Hội đồng đầu tư: Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư, bảo lãnh phát hành, cho vay đối với các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT được quy định tại Điều lệ; Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chính sách, quy định liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh nguồn vốn của Công ty; Thay mặt HĐQT phê duyệt các nguyên tắc phân bổ vốn, kinh doanh nguồn vốn của Công ty; Thay mặt HĐQT thẩm định, phê duyệt việc góp vốn hoặc mua bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp của niêm yết/đăng ký giao dịch hoặc chứng khoán đã niêm yết/đăng ký giao dịch nhưng không phải là hoạt động kinh doanh/tự doanh ngắn hạn thông thường. Quyết định, phê duyệt các giao dịch, hoạt động đầu tư không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc của HĐQT mà chưa được phân quyền cho Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc hoặc Ban Tổng giám đốc thấy cần thiết có ý kiến của các thành viên HĐQT; Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Nghị quyết/Quy chế do HĐQT hoặc Quyết định của Chủ tịch HĐQT.

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên không điều hành thường xuyên tham gia đưa ý kiến và có đóng góp quan trọng trong việc tham mưu, thẩm định, ban hành các quyết sách, quy định, chính sách của Công ty cũng như tham gia vào các Hội đồng/Ủy ban theo phân công của HĐQT/Chủ tịch HĐQT

Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ: Ban kiểm toán nội bộ trong năm 2023 đã thực hiện tốt các nhiệm vụ và hoàn thành mục tiêu của Ban kiểm toán nội bộ đúng theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ, Điều lệ công ty và theo quy định của pháp luật, bao gồm: Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này; Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ của công ty; Tham mưu nhằm hoàn thiện các chính sách và quy trình nội bộ; Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản; Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh; Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh; Đánh giá hiệu quả của các hoạt động; Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng; Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin; Điều tra các vi phạm trong nội bộ công ty chứng khoán; Thực hiện kiểm toán nội bộ công ty; thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1.	Phạm Minh Hương	15	100%	
2.	Vũ Hiền	15	100%	
3.	Nguyễn Vũ Long	15	100%	
4.	Mai Hữu Đạt	15	100%	
5.	Vũ Việt Anh	15	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

Trong năm 2023, Chủ tịch HĐQT của Công ty đã thay mặt HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định sau đây trên cơ sở các cuộc họp được tổ chức dưới các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật và/hoặc các ủy quyền của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	67/2023/NQ-HĐQT	07/02/2023	Thông qua việc giao dịch giữa Công ty với người có liên quan trong năm 2023	100%
2	165/2023/NQ-HĐQT	22/03/2023	Thông qua chào bán chứng quyền có bảo đảm trong năm 2023	100%
3	207/2023/NQ-HĐQT	30/03/2023	Thông qua phương án để duy trì các điều kiện cấp phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	100%
4	249-1/2023/NQ-HĐQT	10/04/2023	Thông qua việc thay đổi kế toán trưởng Công ty	100%
5	250/2023/NQ-HĐQT	10/04/2023	Thông qua báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và định hướng kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty	100%
6	251/2023/NQ-HĐQT	10/04/2023	Thông qua vấn đề liên quan tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
7	293/2023/NQ-HĐQT	26/04/2023	Thông qua việc thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty	100%
8	294/2023/NQ-HĐQT	26/04/2023	Thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty	100%
9	299/2023/NQ-HĐQT	26/04/2023	Thông qua việc phân công nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Giám đốc quản trị Công ty	100%

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	453/2023/NQ-HĐQT	19/06/2023	Thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật	100%
11	597-2/2023/NQ-HĐQT	30/06/2023	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty	100%
12	718/2023/NQ-HĐQT	31/07/2023	Thông qua việc triển khai chào bán cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	100%
13	868/2023/NQ-HĐQT	18/09/2023	Thông qua việc thay đổi Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật	100%
14	869/2023/NQ-HĐQT	18/09/2023	Thông qua việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật	100%
15	877/2023/NQ-HĐQT	18/09/2023	Thông qua việc phân công nhiệm vụ người đại diện theo pháp luật	100%
16	965/2023/NQ-HĐQT	23/10/2023	Thông qua báo cáo kết quả HĐKD 9 tháng đầu năm 2023 và định hướng kế hoạch HĐ quý 4/2023	100%
17	1103/2023/NQ-HĐQT	28/11/2023	Thông qua miễn nhiệm chức danh người quản lý của Công ty (miễn nhiệm Giám đốc tài chính)	100%
18	1104/2023/NQ-HĐQT	28/11/2023	Thông qua thay đổi đại diện pháp luật	100%
19	1107/2023/NQ-HĐQT	28/11/2023	Thông qua chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại IPAAM cho IPA	100%
20	1109-2/2023/NQ-HĐQT	28/11/2023	Thông qua việc công ty mua thêm cổ phiếu PTI	100%

6.2. Báo cáo của Ban Kiểm soát

a) Thành phần Ban Kiểm soát



BÀ HOÀNG THÚY NGÀ

Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban Kiểm soát
Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	25/4/2022
Trình độ chuyên môn	Cử nhân ngành Tài chính ngân hàng



BÀ HUỲNH THANH BÌNH MINH

Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay	Thành viên
Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	25/4/2022
Trình độ chuyên môn	Cử nhân ngành Kế toán tổng hợp



BÀ NGUYỄN NGỌC MAI

Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay	Thành viên
Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Bầu ngày 17/6/2023
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kiểm toán



BÀ NGUYỄN THỊ MINH HẠNH

Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay	Thành viên
Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 17/06/2023
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán

Các cuộc họp của BKS

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Thúy Nga	02	100%	100%	
2	Huỳnh Thanh Bình Minh	02	100%	100%	
3	Nguyễn Thị Minh Hạnh	01	50%	100%	Miễn nhiệm ngày 17/6/2023
4	Nguyễn Ngọc Mai	01	50%	100%	Bầu ngày 17/6/2023

Ngoài các cuộc họp chính thức, Ban kiểm soát cũng tổ chức các cuộc họp trực tuyến để thảo luận, thống nhất về các nội dung và phương thức/cách thức làm việc, yêu cầu cung cấp hồ sơ/tài liệu của các đợt giám sát định kỳ/bất thường. Qua đó, nâng cao hiệu quả, chất lượng của các đợt giám sát.

Hoạt động giám sát của BKS

BKS thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như sự tuân thủ của Công ty đối với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHCĐ. Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, ban kiểm soát xem xét và nêu những ý kiến/đánh giá để cải thiện cũng như chuẩn hóa các nội dung trình bày trong Báo cáo tài chính, đảm bảo quy định về việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đối với các khía cạnh quản trị khác, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát về các hoạt động nhân sự, đầu tư, IB, công tác soạn thảo quy chế, quy trình nội bộ. Đối với mỗi nội dung giám sát, Ban kiểm soát đều đưa ra các ý kiến đánh giá và khuyến nghị phù hợp để tối ưu cũng như cải thiện hiệu quả vận hành của Công ty. Nhìn chung, hoạt động của HĐQT công ty đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Điều lệ của Công ty. Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ và phân cấp của Hội đồng quản trị, tích cực triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Sự phối hợp giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các bộ phận khác

Trong các đợt kiểm tra, đánh giá trực tiếp của BKS đối với tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty, giám sát việc luân chuyển và sử dụng nguồn vốn; Ban Kiểm soát cũng thường xuyên phối hợp, đưa ra các yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý Công ty nhằm có đầy đủ thông tin, dữ liệu cần thiết để thực hiện công việc nhằm nhận diện, phân tích kịp thời các rủi ro có khả năng xảy ra đối với Công ty. Ngoài ra, Ban kiểm soát cũng chủ động nhận diện, thu thập thêm các thông tin cũng như các rủi ro cần phân tích để có những đánh giá, kiến nghị cải thiện tình hình hoạt động cũng như hạn chế rủi ro.

Đối với một số chuyên đề, công tác cần thêm sự tham gia của Ban kiểm soát, HĐQT cũng như Ban Tổng Giám đốc đều chủ động đề xuất Ban kiểm soát tham gia phối hợp và thực hiện. Qua đó, nâng cao hiệu quả thực hiện công việc.

Trong năm 2023, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT cho Ban Kiểm soát. Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu, đồng thời Ban kiểm soát đã có ý kiến phản hồi và trao đổi nhằm đảm bảo quá trình điều hành thực hiện đúng định hướng theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội Cổ đông và Nghị quyết/ quyết định của Hội đồng quản trị.

6.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tổng số tiền thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2023 là 1.320.000.000 đồng, trong đó: Số tiền thù lao chi trả cho mỗi thành viên HĐQT trong năm 2023 là 16.000.000 đồng/người/tháng; Số tiền thù lao chi trả cho mỗi thành viên BKS trong năm 2023 là 10.000.000 đồng/người/tháng.

Tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc và các thành viên Ban Tổng giám đốc trong năm 2023 là 7.418.500.000 đồng. Tiền lương của Ban Tổng giám đốc được Công ty chi trả trên cơ sở hợp đồng lao động và căn cứ theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên.

b) Các giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Điền Ngọc Tuấn	Người nội bộ	10.000	0,0008%	0	0%	Bán cổ phiếu
2	Vũ Nam Hương	Người nội bộ	728.000	0,06%	0	0%	Bán cổ phiếu

6.4. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Các giao dịch liên quan được thực hiện theo Nghị quyết 67/2023/NQ-HĐQT ngày 07/2/2023 về việc chấp thuận/thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan trong năm 2023 và được trình bày cụ thể tại Báo cáo quản trị năm 2023 của Công ty.

6.5. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn chú trọng tới hoạt động quản trị Công ty nhằm xây dựng và phát triển Công ty ngày càng vững mạnh, đảm bảo hoạt động quản trị của Công ty minh bạch, công khai. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chủ động nghiên cứu, triển khai, điều chỉnh các công tác, chính sách quản trị nội bộ để phù hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước. Đặc biệt, Công ty đã ban hành những quy chế quản lý nội bộ, phân công nhân sự và bộ phận chuyên trách phụ trách để đảm bảo việc báo cáo, công bố thông tin của Công ty được thực hiện chính xác, kịp thời và đầy đủ.

6.6. Đào tạo về quản trị công ty

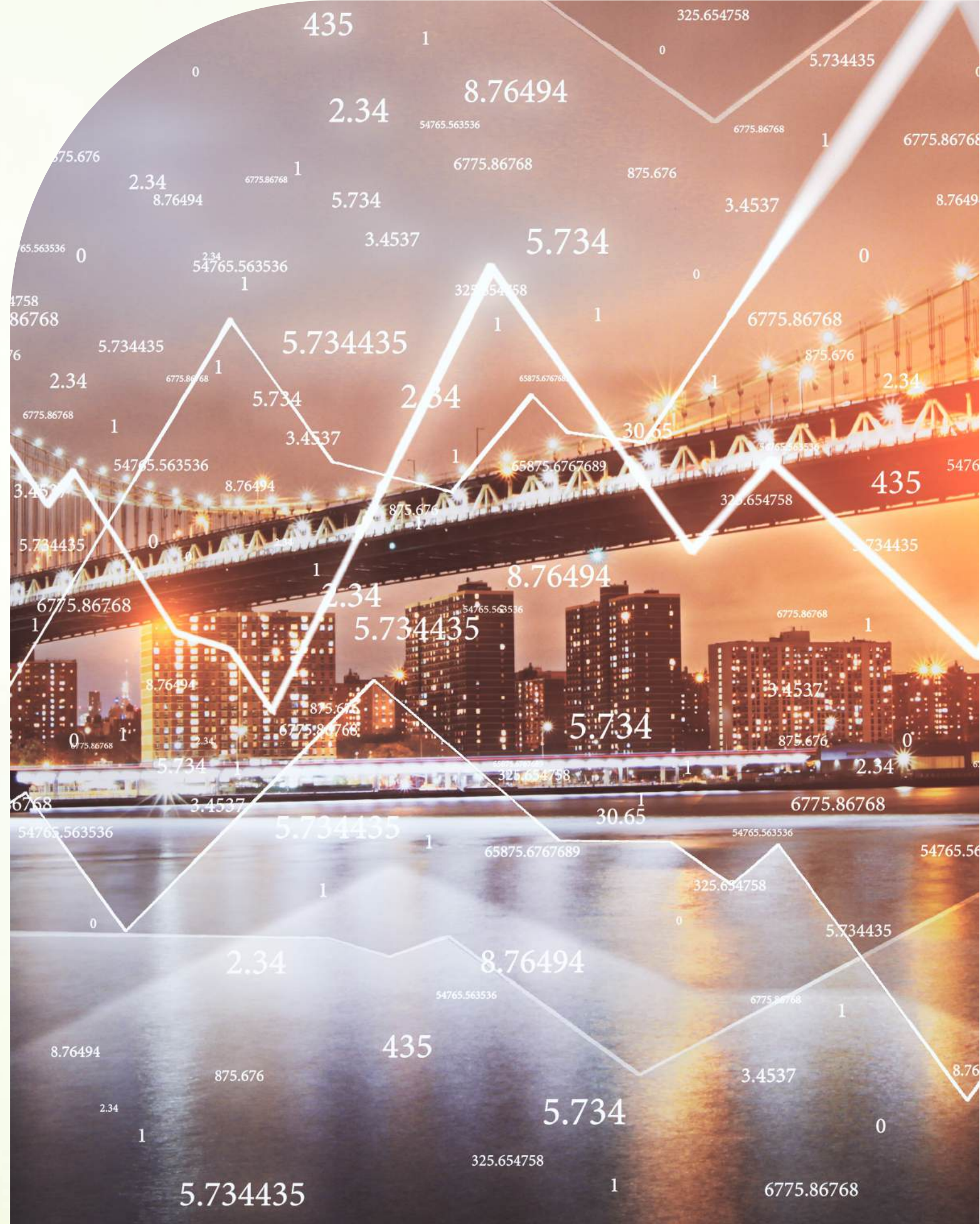
Với chính sách chú trọng tới hoạt động quản trị Công ty nhằm xây dựng và phát triển Công ty ngày càng vững mạnh, thành viên HĐQT, thành viên điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty được khuyến khích tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty. Một số thành viên HĐQT, BKS và cán bộ quản lý đã được cấp Chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SRTC) tổ chức như:

- Bà Phạm Minh Hương - Chủ tịch HĐQT
- Ông Vũ Hiền - Thành viên HĐQT
- Bà Hoàng Thúy Nga - Trưởng Ban kiểm soát

6.7. Các giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Điêu Ngọc Tuấn	Người nội bộ	10.000	0,0008%	0	0%	Bán cổ phiếu
2	Vũ Nam Hương	Người nội bộ	728.000	0,06%	0	0%	Bán cổ phiếu

- 7.1. Nhận định thị trường – điều kiện kinh doanh 2024
- 7.2. Chiến lược hoạt động kinh doanh năm 2024
- 7.3. Mục tiêu phát triển về quản trị, vận hành và công nghệ



7.1. Nhận định thị trường – điều kiện kinh doanh 2024

TRIỂN VỌNG VĨ MÔ VIỆT NAM NĂM 2024: HƯỚNG TỚI MỨC TĂNG TRƯỞNG CAO HƠN

Dự báo tăng trưởng GDP năm 2024 đạt 6,3% trong kịch bản cơ sở

Chúng tôi kỳ vọng quá trình phục hồi kinh tế của Việt Nam sẽ tăng tốc trong năm 2024 và dự báo tăng trưởng GDP đạt 6,3% svck vào năm 2024. Các yếu tố hỗ trợ chính bao gồm: (1) hoạt động sản xuất và xuất khẩu phục hồi mạnh mẽ hơn, (2) Nhu cầu tiêu dùng trong nước cải thiện, (3) Sự hồi phục của đầu tư tư nhân và (4) Sự ảm dần lên của thị trường bất động sản. Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu tiêu dùng trong nước sẽ cải thiện rõ rệt hơn trong năm 2024 và dự báo doanh số bán lẻ của Việt Nam sẽ tăng trưởng khoảng 9,5%-10% svck vào năm 2024 (so với +8,6% svck trong năm 2023).

Về ba trụ cột chính của nền kinh tế, chúng tôi kỳ vọng ngành công nghiệp & xây dựng sẽ cải thiện mức tăng trưởng lên 6,41% svck vào năm 2024 từ mức rất thấp là 3,74% trong năm 2023. Trong khi đó, chúng tôi dự báo ngành dịch vụ sẽ tăng trưởng 7,24% svck vào năm 2024 (so với +6,82% năm 2023) và ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng 3,52% svck vào năm 2024 (so với +3,83% năm 2023).

Nhìn chung, Việt Nam vẫn nằm trong nhóm những quốc gia tăng trưởng hàng đầu trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương trong năm 2024.

Hình 12: Tổng hợp dự báo vĩ mô Việt Nam năm 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024 (dự báo)
GDP danh nghĩa	tỷ USD	312	337	350	370	410	430	472
Tăng trưởng GDP	% svck	7.5	7.4	2.9	2.6	8.1	5.0	6.3
GDP bình quân đầu người	USD	3,267	3,491	3,586	3,757	4,125	4,285	4,665
Tăng trưởng xuất khẩu	% svck	13.3	8.4	6.9	18.9	10.6	-4.6	8.0
Tăng trưởng nhập khẩu	% svck	11.8	6.9	3.7	26.7	8.0	-9.2	9.9
Cán cân thương mại	tỷ USD	6.9	10.9	18.9	3.3	12.3	28.3	24.4
FDI thực hiện	tỷ USD	19.1	20.4	20.0	19.7	22.4	23.1	24.5
Cán cân thanh toán	tỷ USD	5.8	12.2	15.1	(7.2)	(1.1)	25.1	19.5
Cán cân thanh toán trên GDP	% GDP	1.9	3.6	4.3	-1.9	-0.3	5.8	4.1
Dữ trữ ngoại hối	tỷ USD	55	78	95	109	88	94	106
Dữ trữ ngoại hối trên GDP	%GDP	17.7	23.3	27.1	29.5	21.4	21.8	22.4
Số tháng nhập khẩu	tháng	2.8	3.7	4.3	3.9	2.9	3.4	3.5
Lạm phát bình quân	% svck	3.5	2.8	3.2	1.8	3.2	3.3	3.6
Tăng trưởng tín dụng	% từ đầu năm	13.9	13.6	12.2	13.6	14.2	13.8	14.0
Dư nợ tín dụng trên GDP	% GDP	102.9	106.3	114.3	123.2	124.9	132.7	137.0
Tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán	% từ đầu năm	12.4	14.8	14.7	10.7	6.2	12.5	13.5
Lãi suất tái cấp vốn	%	6.3	6.0	4.0	4.0	6.0	4.5	4.5
Lãi suất huy động 12 tháng (cuối năm)	%	6.9	7.0	75.60	5.6	7.8	4.9	5.0
Lợi suất trái phiếu Chính phủ 10 năm (cuối năm)	%	5.1	3.4	2.4	2.1	4.8	2.2	2.6
Tỷ giá (USD/VND) (cuối kỳ)	% svck	22,853	23,173	23,103	22,826	23,633	24,267	24,200
Thâm hụt ngân sách	% GDP	2.2	2.9	2.9	3.4	3.6	3.9	3.6
Nợ công	% GDP	46	43	44	43	37	37	35

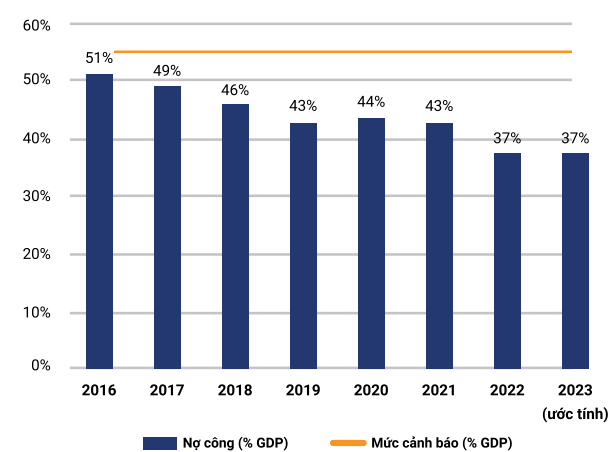
Nguồn: TCTK, NHNN, BỘ TÀI CHÍNH, VNDIRECT RESEARCH

Việt Nam vẫn còn dư địa để tiếp tục kích thích tài khóa nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Chúng tôi cho rằng Việt Nam vẫn còn nhiều dư địa để tiếp tục kích thích tài khóa nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhờ các yếu tố sau: (1) Nợ công thấp giúp đẩy mạnh chính sách kích thích tài khóa để hỗ trợ phục hồi kinh tế, (2) Lợi suất trái phiếu Chính phủ Việt Nam giảm mạnh kể từ đầu năm 2023 và (3) Chi phí vay nước ngoài thấp hơn do lãi suất USD có thể quay đầu giảm trong năm 2024 và xếp hạng tín dụng quốc gia của Việt Nam được nâng lên.

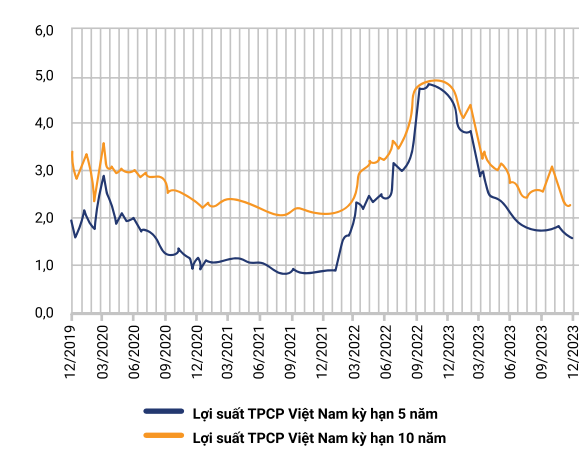
Các chính sách tài khóa mở rộng bao gồm giải ngân đầu tư công duy trì ở mức cao, giảm thuế và phí (giảm 2% VAT, giảm thuế bảo vệ môi trường,...), thực hiện cải cách tiền lương từ ngày 1 tháng 7 năm 2024 (trị giá 3,1 tỷ USD trong năm 2024, tổng gói trị giá 20,5 tỷ USD giai đoạn 2024-2026).

Hình 13: Tỷ lệ nợ công trên GDP của Việt Nam giảm mạnh trong vài năm qua



Nguồn: BỘ TÀI CHÍNH, VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: Lợi suất trái phiếu Chính phủ Việt Nam giảm mạnh kể từ đầu năm 2023 (Đơn vị: %)



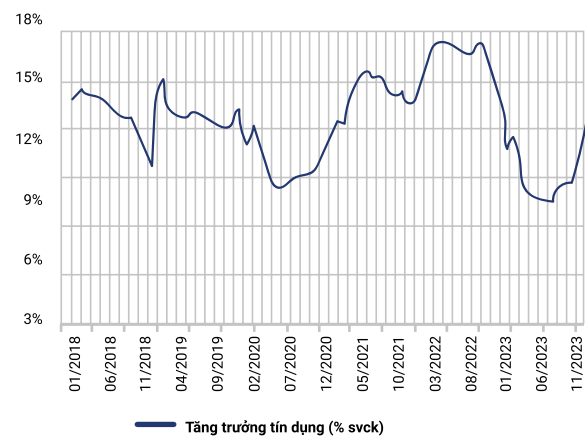
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) sẽ cân đối giữa mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và duy trì mặt bằng lãi suất thấp để hỗ trợ phục hồi kinh tế

Chúng tôi cho rằng không còn nhiều dư địa để giảm thêm lãi suất tiền gửi trong bối cảnh: (1) nhu cầu tín dụng phục hồi dẫn đến nhu cầu huy động vốn của các ngân hàng thương mại tăng lên, (2) chênh lệch giữa lãi suất tiền gửi bình quân kỳ hạn 12 tháng và CPI đã thu hẹp đáng kể. Tuy vậy, lãi suất huy động vẫn sẽ được duy trì ở vùng thấp trong năm 2024, tạo thêm trợ lực để doanh nghiệp và nền kinh tế phục hồi. Chúng tôi kỳ vọng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng bình quân của các ngân hàng thương mại dao động trong vùng 4,5-5,0%/năm trong năm 2024.

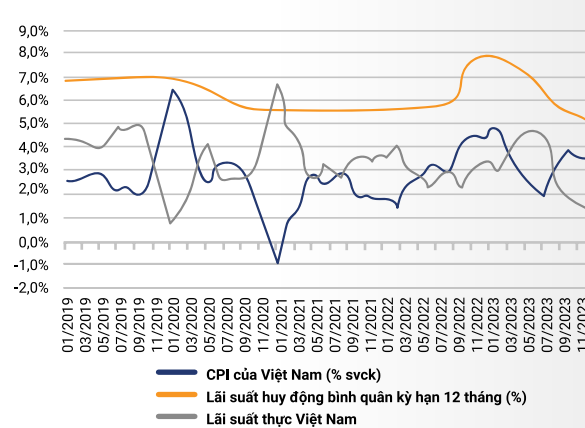
Trong khi đó, chúng tôi kỳ vọng lãi suất cho vay bình quân sẽ giảm thêm 0,5-1 điểm % trong năm 2024 nhờ chi phí huy động vốn của các ngân hàng thương mại thấp

Hình 15: Tăng trưởng tín dụng tăng mạnh vào Q4/23



Nguồn: BỘ TÀI CHÍNH, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: Chênh lệch giữa lãi suất tiền gửi 12 tháng và lạm phát ngày càng thu hẹp dần



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

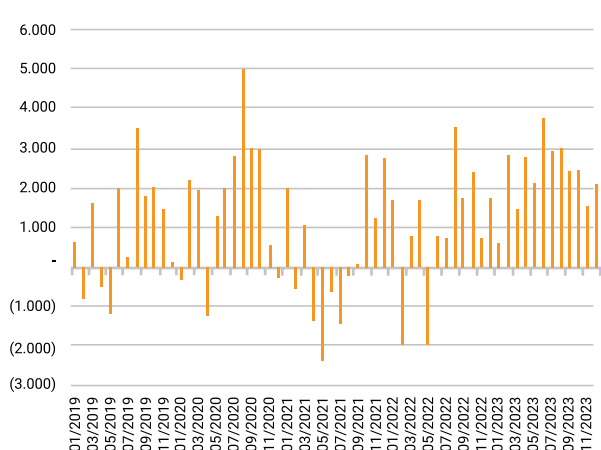
Lạm phát vẫn sẽ được kiểm soát trong năm 2024

Chúng tôi dự báo lạm phát bình quân năm 2024 của Việt Nam ở mức 3,6% (+/- 0,2 điểm %). Một số yếu tố gây áp lực lên lạm phát trong nước năm 2024 bao gồm: (1) Chính phủ và các địa phương tiếp tục tăng giá các dịch vụ công như điện, học phí, dịch vụ y tế theo lộ trình, (2) nhu cầu tiêu dùng phục hồi và tác động của việc cải cách tiền lương bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2024. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn có những yếu tố giúp hỗ trợ kiểm soát lạm phát năm 2024: (1) Lạm phát toàn cầu giảm và tỷ giá VNĐ có thể hạ nhiệt trong nửa sau của năm 2024 giúp giảm bớt áp lực nhập khẩu lạm phát, (2) Chi phí đầu vào kinh doanh năm 2024 giảm (giá nhập khẩu giảm, lãi suất cho vay giảm), và (3) Hỗ trợ từ việc cắt giảm thuế của chính phủ. Nhìn chung, chúng tôi dự báo lạm phát của Việt Nam đạt mức trung bình 3,6% (+/-0,2 điểm %) trong năm 2024, qua đó đạt được mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4,5% của Chính phủ.

Áp lực tỷ giá US\$/VNĐ có thể duy trì trong nửa đầu năm 2024 sau đó hạ nhiệt trong nửa cuối năm nhờ Fed cắt giảm lãi suất điều hành

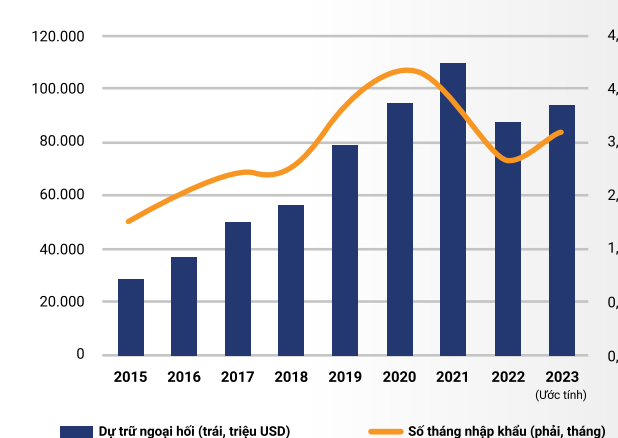
Trong nửa đầu năm 2024, tỷ giá US\$/VNĐ vẫn sẽ chịu nhiều áp lực do chênh lệch lãi suất giữa đồng USD và VND duy trì ở mức cao. Tuy vậy, chúng tôi kỳ vọng áp lực tỷ giá hạ nhiệt trong nửa sau của năm nay nhờ việc FED bắt đầu tiến hành cắt giảm lãi suất điều hành. Ngoài ra, tỷ giá năm nay còn được hỗ trợ bởi các cân đối vĩ mô tích cực như (1) Việt Nam đạt thặng dư thương mại và cán cân thanh toán cao kỷ lục trong năm 2023 và các cân cân này sẽ duy trì ở mức cao trong năm 2024 và (2) Chúng tôi kỳ vọng bức tranh thu hút vốn FDI và kiều hối tích cực trong năm 2024.

Hình 17: Thặng dư thương mại cải thiện rõ rệt trong năm 2023



Nguồn: BỘ TÀI CHÍNH, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: Dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã cải thiện nhẹ trong năm 2023



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG 2024: THÀNH CÔNG KHÔNG ĐẾN MỘT SỚM MỘT CHIỀU

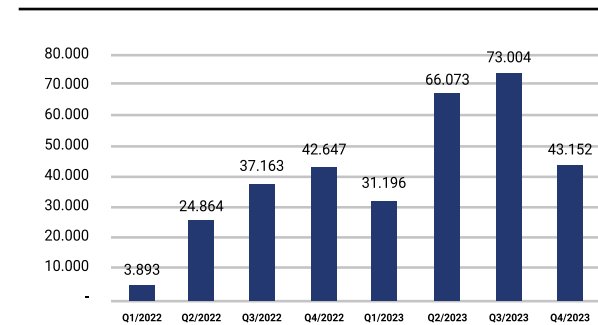
Trái phiếu doanh nghiệp: Vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức ở phía trước
Thị trường ảm đạm sau những nỗ lực vượt khó

Năm 2023 là năm có lượng TPDN đáo hạn lớn nhất từ trước đến nay với tổng giá trị TPDN riêng lẻ đáo hạn khoảng hơn 213 nghìn tỷ đồng, cao gấp gần 2 lần so với tổng giá trị đáo hạn trong năm 2022. Trong bối cảnh hoạt động SXKD của nhiều doanh nghiệp vẫn còn khó khăn, thị trường BĐS trầm lắng, nhiều doanh nghiệp vẫn gặp khó về dòng tiền và hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vốn. Từ đầu Q4/22 đã bắt đầu có những Tổ chức phát hành (TCPH) chậm thanh toán nghĩa vụ nợ trái phiếu đến hạn. Tháng 03/2023 Chính Phủ đã ban hành nghị định 08/2023/NĐ-CP (NĐ08) sửa đổi bổ sung và ngưng thi hành một số điều khoản của Nghị định 65/2022/NĐ-CP nhằm tháo gỡ khó khăn cho thị trường. NĐ08 đã tạo cơ sở pháp lý để các TCPH thỏa thuận về việc điều chỉnh một số điều khoản của trái phiếu, đặc biệt là việc gia hạn kỳ hạn trái phiếu. Trong năm 2023 nhiều TCPH đã lựa chọn giải pháp đàm phán với các trái chủ để gia hạn thời hạn các trái phiếu sắp đến hạn để có thêm thời gian phục hồi sản xuất kinh doanh và tạo ra đủ dòng tiền để chi trả cho các khoản nợ trái phiếu của mình, mặc dù lựa chọn này có thể khiến họ phải gia tăng thêm chi phí tài chính. Tính đến cuối năm 2023, đã có khoảng hơn 116 nghìn tỷ đồng TPDN riêng lẻ (chiếm khoảng 10% tổng dư nợ TPDN riêng lẻ toàn thị trường) đã được gia hạn kỳ hạn. NĐ08

cũng tạm thời nói lỏng một số điều kiện phát hành khi tạm ngưng thi hành các điều khoản về Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và quy định xếp hạng tín nhiệm bắt buộc cho đến hết ngày 31/12/2023. Nhờ đó bắt đầu từ cuối quý 1/23 hoạt động phát hành TPDN riêng lẻ cũng dần phục hồi. Trong năm 2023 đã có hơn 320 đợt phát hành TPDN thành công với tổng giá trị phát hành đạt khoảng hơn 335,7 nghìn tỷ đồng, tăng 25,6% svck.

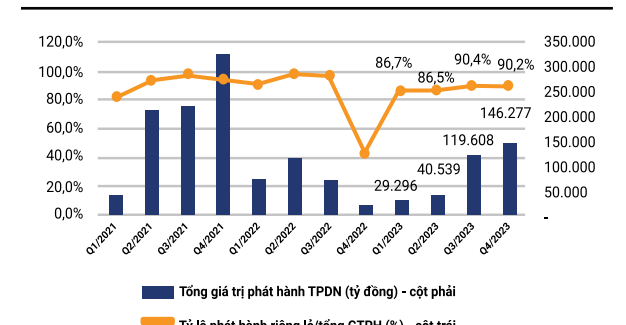
Giữa Quý 3/2023 sàn giao dịch TPDNRL cũng chính thức được đi vào vận hành. Việc đưa sàn giao dịch TPDNRL vào vận hành là một trong những bước đi quan trọng để hướng tới xây dựng một thị trường trái phiếu doanh nghiệp phát triển bền vững. Sàn giao dịch không chỉ giúp cho việc giao dịch TPDNRL được tiện lợi hơn mà còn giúp tăng tính minh bạch (đặc biệt là các thông tin về các tổ chức phát hành), đồng thời khi giao dịch qua sàn rủi ro trong khâu thanh toán cũng được giảm bớt với sự tham gia của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoản và ngân hàng thanh toán. Tính đến hết năm 2023 đã có hơn 800 mã TPDNRL thực hiện đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch TPDNRL (chiếm hơn 80% tổng số TPDNRL đang lưu hành), với giá trị giao dịch bình quân trong tháng 12.2023 đạt khoảng gần 500 tỷ đồng/phiên.

Hình 19: Giá trị TPDNRL đáo hạn trong năm 2023 cao gấp gần 2 lần svck



Nguồn: HNX, VNDIRECT RESEARCH

Hình 20: Giá trị TPDN phát hành trong năm 2023 tăng 25,6% svck

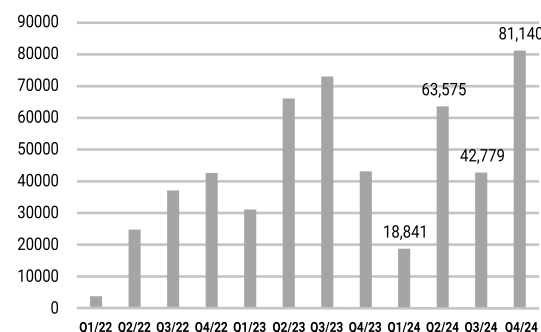


Nguồn: HNX, VNDIRECT RESEARCH

Áp lực TPDN đáo hạn trong năm 2024 vẫn còn rất lớn

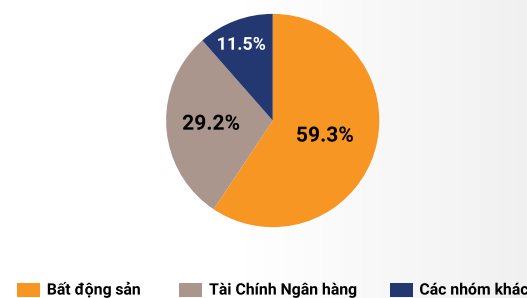
Theo ước tính của chúng tôi, trong năm 2024 sẽ có khoảng 207 nghìn tỷ đồng TPDNRL đáo hạn, giảm 3% svck (số liệu đã loại trừ các TPDN được mua lại trước hạn và các TPDN được gia hạn kỳ hạn theo công bố đến hết ngày 10/01/24), trong đó 59,3% là của nhóm các doanh nghiệp BĐS. Mặc dù tổng giá trị TPDNRL đáo hạn năm 2024 giảm nhẹ so với năm 2023, tuy nhiên có thể thấy tổng giá trị TPDN đáo hạn năm 2024 vẫn ở mức rất cao, đặc biệt là giá trị đáo hạn của nhóm BĐS. Trong bối cảnh thị trường BĐS vẫn còn ảm đạm, việc tháo gỡ pháp lý cho các dự án vẫn còn chậm so với kỳ vọng, nhóm doanh nghiệp BĐS vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn do đó áp lực đáo hạn trong năm 2024 của nhóm BĐS nói riêng và thị trường nói chung vẫn còn rất lớn.

Hình 21: Ước tính giá trị đáo hạn TPDN riêng lẻ năm 2024 (tỷ đồng)



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HNX

Hình 22: Tỷ lệ TPDN riêng lẻ đáo hạn năm 2024 theo ngành nghề (%)



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HNX

Vẫn cần thêm những giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho thị trường

Mặc dù thị trường TPDN đã có những tín hiệu phục hồi trong năm 2023, tuy nhiên chúng tôi cho rằng thị trường vẫn đang còn nhiều khó khăn và thách thức khi niềm tin của các nhà đầu tư cá nhân vẫn chưa thực sự quay trở lại. Chúng tôi nhận định thị trường TPDN năm 2024 có thể sẽ trầm lắng trở lại khi các điều khoản trong NĐ08 bao gồm: quy định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, quy định xếp hạng tín nhiệm bắt buộc chính thức có hiệu lực thi hành và các thành viên tham gia thị trường (nhà phát hành, tổ chức bảo lãnh/tư vấn và nhà đầu tư) cần thêm thời gian để thích ứng với các quy định mới này.

Hiện quy mô TPDN trên GDP của Việt Nam là khoảng 12%; và 10% đối với TPDN phát hành riêng lẻ, tương đối thấp so với các nước trong khu vực. Chính phủ đang đặt mục tiêu quy mô thị trường TPDN đạt 20% GDP vào năm 2025 và 30% vào năm 2030. Chúng tôi cho rằng vẫn cần thêm các biện pháp để tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho thị trường TPDN, như: đẩy nhanh quy trình pháp lý để doanh nghiệp BĐS có thể rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường, tiếp tục cải thiện niềm tin của nhà đầu tư, đảm bảo các tổ chức phát hành cung cấp thông tin chính xác và đảm bảo thanh toán trái phiếu đúng hạn để củng cố niềm tin của nhà đầu tư.

Kết quả kinh doanh các doanh nghiệp niêm yết dự kiến phục hồi trong năm 2024

Chúng tôi dự báo lợi nhuận các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE sẽ tăng trưởng 16-18% trong năm 2024. Mặc dù EPS của các doanh nghiệp niêm yết trên sàn giảm trong nửa đầu 2023 nhưng chúng tôi kỳ vọng rằng 2024 sẽ chứng kiến sự phục hồi nhờ: (1) Hoạt động sản xuất và xuất khẩu phục hồi; (2) Miễn giảm thuế và cải cách tiền lương sẽ giúp kích thích nhu cầu tiêu dùng; (3) Thị trường bất động sản dự kiến ấm dần lên trong nửa sau 2024; (4) Mục tiêu tăng trưởng tín dụng cao trong 2024 giúp củng cố tăng trưởng lợi nhuận của nhóm ngân hàng.

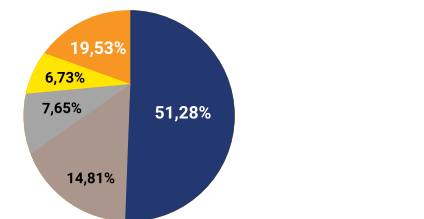
Lợi nhuận tăng trưởng có thể tác động tích cực tới diễn biến VN-Index giống các năm 2015, 2017 và 2021. Lợi nhuận bắt đầu tăng trưởng trở lại sau giai đoạn sụt giảm thường kéo theo thị trường phục hồi tích cực.

Ngành ngân hàng và bất động sản là 2 ngành đóng góp tỷ trọng lớn nhất (dự kiến) vào tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết trên sàn HOSE năm 2024, chiếm tới 66,1%.

Các ngành chịu ảnh hưởng bởi biến động giá hàng hóa như vật liệu xây dựng, nông sản và xuất khẩu được kỳ vọng tăng trưởng khả quan nhờ kinh tế toàn cầu phục hồi. Ngoài ra tăng trưởng lợi nhuận của nhóm ngân hàng có thể được cải thiện trong năm 2024 nhờ triển vọng tín dụng tích cực hơn.

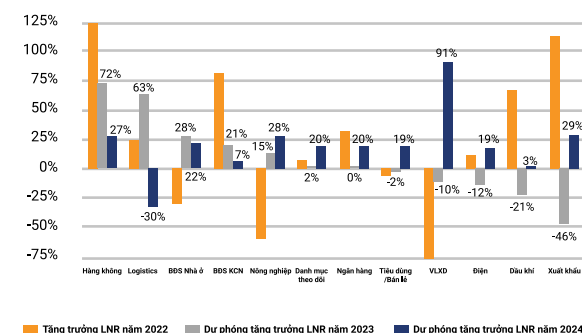
Mảng vận tải là nhóm ngành duy nhất dự kiến tăng trưởng âm 25,5% trong năm 2024 tuy nhiên là do GMD không còn ghi nhận khoản lợi nhuận bất thường như trong năm 2024. Nếu loại bỏ yếu tố lợi nhuận bất thường, kết quả kinh doanh của nhóm vận tải dự kiến tăng trưởng 12,4%.

Hình 23: Dự báo LN ròng của các nhóm ngành và toàn thị trường trong giai đoạn 2022-24



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HNX

Hình 24: Tăng trưởng doanh thu và LN ròng theo quý svck (Q1/19-Q4/23)



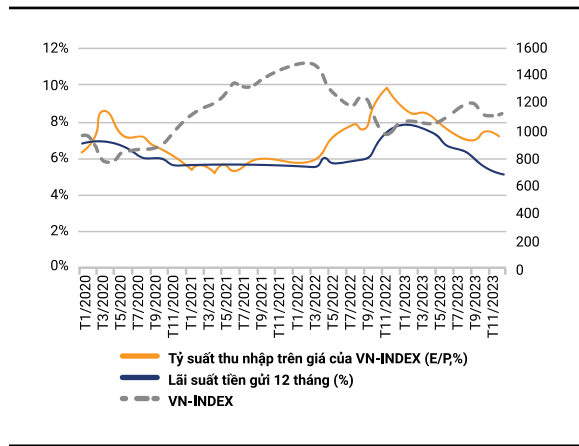
Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HNX

Định giá thị trường đang tương đối hấp dẫn

Tại thời điểm cuối năm 2023, định giá P/E của VN-Index ở mức khá hấp dẫn với những luận điểm sau: (1) P/E cuối năm 2023 được giao dịch thấp hơn 7,3% so với trung bình 5 năm; (2) EPS dự kiến tăng trưởng dương trong năm 2024, giúp định giá thêm hấp dẫn. P/E 2024 của VN-INDEX ở mức khoảng 11,8x (dựa trên kịch bản tăng trưởng lợi nhuận 16-18% trong năm 2024). Ngoài ra, VN-Index có định giá theo P/B tương đối hấp dẫn với P/B cuối 2023 ở mức 1,6x (chiết khấu tới 23,3% so với mức trung bình 5 năm).

Định giá VN-Index đang ở mức tương đối hấp dẫn so với các thị trường mới nổi. P/E 2023 đang giao dịch chiết khấu 9,7% so với trung bình các thị trường mới nổi (MSCI EM), trong khi P/B đạt mức 1,6x là tương đương với trung bình (MSCI EM).

Hình 25: Sự chênh lệch giữa E/P của VN-INDEX và lãi suất đang ở mức cao so với lịch sử. Kỳ vọng xu hướng tăng của VN-Index hình thành trong năm 2024 giúp co hẹp mức chênh lệch trên giống năm 2020, 2022



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HNX

Chênh lệch giữa E/P (của VN-INDEX) và lãi suất ở mức cao so với quá khứ, cho thấy thị trường chứng khoán đang hấp dẫn hơn tương đối so với kênh gửi tiết kiệm. E/P của VN-Index là 7,2% (tại ngày 31/12/2023) trong khi lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân thời điểm cuối năm 2023 ở mức khoảng 4,94%/năm.

Trong năm 2024, chúng tôi dự báo lợi nhuận các doanh nghiệp trên sàn HOSE có thể tăng trưởng 16-18% svck, trong khi mặt bằng lãi suất tiền gửi sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp. Do đó, chúng tôi kỳ vọng xu hướng tăng của VN-INDEX có thể hình thành trong năm 2024 giúp co hẹp mức chênh lệch trên giống năm 2020, 2022.

Chúng tôi đánh giá lạc quan về triển vọng thị trường chứng khoán trong năm 2024

Chúng tôi kỳ vọng FED bắt đầu cắt giảm lãi suất điều hành trong nửa sau của năm 2024 và có khoảng 2 lần cắt giảm lãi suất trong năm 2024. Trong bối cảnh đó, chỉ số DXY có thể điều chỉnh trong nửa sau của năm 2024 về vùng 102-104 và giúp giảm bớt áp lực tỷ giá USD/VND về cuối năm. Đồng thời, tăng trưởng GDP của Việt Nam phù hợp với dự phóng của chúng tôi ở mức 6,3%, trong đó xuất khẩu tăng trưởng khoảng 8% và tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 14%. Theo đó, đà tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ ở mức vừa phải. Cụ thể, chúng tôi kỳ vọng chỉ số VN-INDEX có thể đạt mức 1.320-1.350 điểm vào cuối năm 2024, dựa trên mức P/E mục tiêu khoảng 14,3 lần và dự phóng tăng trưởng lợi nhuận cho các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE trong khoảng 16-18%.

Kịch bản cơ sở

US Fed	Bắt đầu giảm lãi suất điều hành từ nửa sau 2024 và có khoảng 2 lần giảm lãi suất trong 2024
Sức mạnh đồng USD	Chỉ chỉ số DXY có thể điều chỉnh trong nửa sau của 2024 về vùng 102-104
Xuất khẩu của Việt Nam	Xuất khẩu của Việt Nam đạt tăng trưởng 8% svck
Tăng trưởng tín dụng	Tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 14% svck
Kịch bản	VN-Index đóng cửa năm 2024 trong vùng 1.320-1.350 điểm (14,3xP/E với tăng trưởng EPS dự kiến 16-18%)

Hình 26: Định giá của VN-Index còn tương đối hấp dẫn so với các thị trường mới nổi

	PE hiện tại	PB hiện tại	P/E hiện tại so với bình quân 5 năm	P/B hiện tại so với bình quân 5 năm
Hàn Quốc	18.5	0.9	1.2x	1.0x
Thổ Nhĩ Kỳ	5.8	1.8	0.7x	1.4x
Việt Nam	15.0	1.6	0.9x	0.8x
Âi Cập	11.9	2.6	1.2x	1.5x
Nhật Bản	27.5	1.9	1.1x	1.0x
Trung Quốc	13.7	1.3	0.9x	0.9x
Indonesia	17.4	2.0	0.8x	1.0x
Đài Loan	21.9	2.1	1.3x	1.1x
Ấn Độ	27.9	3.5	1.0x	1.1x
MSCI Mới Nổi	15.4	1.6	1.0x	1.0x
Thái Lan	19.4	1.4	0.9x	0.8x
Phillipines	12.5	1.5	0.7x	0.9x
S&P500	22.9	4.5	1.0x	1.1x
Singapore	11.6	1.1	0.7x	1.0x

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HNX

7.2. Chiến lược hoạt động kinh doanh năm 2024



Năm 2024, công ty sẽ tập trung vào hai định hướng chiến lược trong hoạt động liên quan đến dịch vụ chứng khoán và hoạt động dịch vụ thị trường vốn. Thị trường chứng khoán Việt Nam đang đứng trước cơ hội để thực sự chuyển mình, tiếp tục đón nhận những lớp nhà đầu tư mới trong và ngoài nước. VNDIRECT sẽ tập trung định hướng chiến lược để tiếp tục lấy lợi thế công nghệ làm trọng tâm để phát triển các khách hàng có nhu cầu giao dịch chứng khoán chủ động, các khách hàng có nhu cầu tiếp cận đội ngũ chuyên gia tư vấn giao dịch chứng khoán thông qua nền tảng cũng như các gói sản phẩm dịch vụ. Trong điều kiện thị trường chứng khoán sẽ chứng kiến những cuộc chiến khốc liệt về giảm phí, giảm lãi để cạnh tranh thị phần, VNDIRECT vẫn kiên định với lựa chọn chiến lược của mình về chính sách phí, lãi hướng tới mục tiêu đảm bảo cân bằng về cạnh tranh nhưng đồng thời vẫn duy trì được hiệu quả hoạt động. Việc duy trì được mức phí dịch vụ giúp công ty khẳng định và duy trì được chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp tới khách hàng, hướng đến mục tiêu tăng trưởng tài sản bền vững của nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, công ty tiếp tục mở rộng các dịch vụ đầu tư nguồn vốn, dịch vụ ngân hàng đầu tư vốn đã dần xây dựng được lợi thế cạnh tranh trong những năm trở lại đây. Đối với hoạt động đầu tư nguồn vốn, công ty tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua các giao dịch trên thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu, cổ phiếu. Đối với dịch vụ ngân hàng đầu tư, trong bối cảnh thị trường trái phiếu bắt đầu hồi phục, khẩu vị rủi ro của Khách hàng tăng dần, Công ty tập trung vào việc lựa chọn các tổ chức phát hành với định mức tín nhiệm cao như ngân hàng, các doanh nghiệp đầu ngành. Bên cạnh đó, công ty tiếp tục xây dựng năng lực tư vấn phát hành trên thị trường vốn (ECM) thông qua các đợt tư vấn phát hành cho ngân hàng, cho các doanh nghiệp. Đồng thời, công ty cũng mở rộng năng lực tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư tổ chức với định vị kết nối dòng vốn quốc tế tới các doanh nghiệp Việt Nam.

Đây là hai chiến lược xuyên suốt của công ty từ năng lực tạo nguồn hàng hoá chất lượng thông qua hoạt động tư vấn, đến năng lực tạo lập thị trường và phân phối qua các kênh nhà đầu tư tổ chức và kênh bán lẻ. Định vị này sẽ là nền móng để VNDIRECT xây dựng được lợi thế cạnh bền vững trong những năm tiếp theo.

Mục tiêu hoàn thiện chuỗi giá trị sản phẩm dịch vụ hướng tới khách hàng

Nâng hạng thị trường - bức tranh cho Thị trường chứng khoán năm 2024

VNDIRECT với nền tảng công nghệ cốt lõi đặt mục tiêu hoàn thiện chuỗi giá trị sản phẩm dịch vụ nhằm cung cấp dịch vụ đa dạng từ khách hàng cá nhân đến khách hàng doanh nghiệp. Tùy theo nhu cầu dịch vụ, khẩu vị rủi ro và điều kiện tài chính, VNDIRECT đặt mục tiêu đơn giản hóa sản phẩm nhưng tối ưu hóa trải nghiệm của khách hàng từ vị thế onboarding đến tích lũy kiến thức đầu tư, đồng hành và hỗ trợ khách hàng kiến tạo hành trình đầu tư xây dựng sức khỏe tài chính và sự thịnh vượng.

Nâng cao và hoàn thiện nền tảng sản phẩm dịch vụ

VNDIRECT với mục tiêu định hướng, tích lũy kiến thức, đồng hành và kiến tạo khách hàng tiếp tục kiện toàn và tối ưu hóa trải nghiệm sử dụng dịch vụ của khách hàng thông qua mô hình Tháp tài sản Health – Wealth – Growth (HWG). Bên cạnh việc cung cấp đa dạng các danh mục sản phẩm đầu tư từ thị trường tài chính, thị trường vốn, thị trường chứng khoán đến thị trường bất động sản, Tháp tài sản có thể coi là một thước đo cho Nhà đầu tư đánh giá tương quan giữa lợi ích và rủi ro trong đầu tư tài chính, qua đó hỗ trợ khách hàng trong việc ra quyết định đầu tư.

Tăng thấp tài sản cho Sức khỏe an sinh (Health): mang lại giải pháp bảo hiểm và tài sản có tính thanh khoản cao. VNDIRECT hướng tới các sản phẩm có rủi ro thấp nhằm kiến tạo giải pháp bảo hiểm, kế hoạch hưu trí và dự phòng tài chính.

Tăng thấp tài sản với mục tiêu Bảo an Thịnh vượng (Wealth): với mục tiêu bảo an gia sản, song song với mục tiêu tăng trưởng bền vững dài hạn. Tài sản của khách hàng sẽ được phân bổ tỷ lệ phù hợp với mục tiêu tài chính thông qua các công cụ lãi suất trên thị trường tiền tệ và công cụ đầu tư trên thị trường vốn.

Tăng tháp tài sản tăng trưởng bền vững (Growth): phù hợp với Nhà đầu tư đã tích lũy năng lực, kiến thức tài chính và đầu tư thông qua các gọi dịch vụ về giao dịch chứng khoán và đòn bẩy tài chính.

VNDIRECT tiếp tục phát huy vai trò cầu nối giữa Nhà đầu tư và các sản phẩm tài chính với đội ngũ chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, lý tưởng phụng sự và phẩm chất làm nghề của những chuyên gia giao dịch uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đóng vai trò như một bác sĩ tài chính, đội ngũ chuyên gia môi giới của VNDIRECT sẽ song hành cùng Nhà đầu tư, qua đó mang lại những giá trị trên con đường quản lý và đầu tư tài chính. Năm 2024, sau khi KRX triển khai thành công thì bên cạnh đội ngũ chuyên gia môi giới, VNDIRECT sẽ tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện những sản phẩm sẵn có đồng thời cũng sẽ ra mắt những sản phẩm mới phù hợp với điều kiện thị trường.

Đối với nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư, VNDIRECT tiếp tục đồng hành cung cấp các cấu trúc giải pháp tài chính qua đó khẳng định vị thế cầu nối, khơi thông lại dòng vốn và kiến tạo những tài sản đầu tư hiệu quả trong tương lai của các nhà đầu tư trên thị trường vốn Việt Nam.

7.3. Mục tiêu phát triển về quản trị, vận hành và công nghệ

7.3.1. Mục tiêu phát triển Quản trị nguồn nhân lực

Chúng ta đang ở trong một thời đại số với tốc độ thay đổi không ngừng của các ứng dụng công nghệ dẫn đến sự thay đổi chuyển dịch, thậm chí biến mất của rất nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống. Điều đó dẫn tới một bài toán thách thức cho các doanh nghiệp hiện nay, đặc biệt là các công ty trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tài chính có một khả năng ứng biến, liên tục làm mới bản thân để thích nghi với mọi điều kiện thay đổi môi trường kinh doanh (“adaptability & resilience”). Đó cũng là ADN quan trọng mà mỗi cán bộ nhân viên của VNDIRECT luôn cần có trong mỗi người. VNDIRECT luôn hướng tới một môi trường công việc mà ở đó mỗi một nhân sự có thể thực sự làm chủ và chịu trách nhiệm với công việc của mình (accountability) thông qua việc liên tục được trao cơ hội với những bài toán thách thức, để tự thân mỗi người luôn thay đổi để bứt phá khỏi những vùng an toàn (comfort zone) của bản thân, được cơ hội va vấp và trưởng thành hơn mỗi ngày. Nhưng đôi khi, các xây dựng văn hoá đó ở VNDIRECT vẫn còn có những vùng vè, và điều đó có thể là nguyên nhân khiến rất nhiều nhân sự ra đi khỏi tổ chức.

Đó cũng là lý do mà trong năm 2023, VNDIRECT đã có chiến lược triển khai xây dựng văn hoá doanh nghiệp với chuỗi chương trình “IPAM Re-treat” nhằm giúp đội ngũ công ty thực tập nếp sống tỉnh thức (mindfulness), qua đó giúp mọi người có thể nhìn nhận sâu sắc được bản thân, thấy được cái thấy chung giữa cá nhân với tập thể, và qua đó cùng nhau hành động hướng tới giá trị phụng sự cho khách hàng. Đây cũng là nền tảng quan trọng để mỗi một nhân viên bên cạnh những thử thách về chuyên môn cũng có thể phát triển được trí tuệ cảm xúc - vốn là kỹ năng vô cùng cần thiết trong thế kỷ 21, trong thời đại số như hiện nay. Đây là những bước đi quan trọng để giúp VNDIRECT thực sự trở thành môi trường để mỗi người có thể được trưởng dưỡng phẩm chất làm nghề, xây dựng tinh thần gắn kết thân phụng sự vì khách hàng, vì cổ đông và vì sự phát triển bền vững của thị trường vốn Việt nam.

Khi lựa chọn chiến lược phát triển, VNDIRECT luôn lựa chọn 3 gốc rễ quan trọng là Con người – Công nghệ - Chuỗi giá trị, trong đó yếu tố lấy con người làm trung tâm (people centric) luôn được ưu tiên hàng đầu. Sự phát triển mạnh của thị trường chứng khoán trong những năm gần đây khiến cho thị trường lao động trở nên rất cạnh tranh. Thực tế rất nhiều nhân sự cũ của VNDIRECT đã lan toả ra các công ty chứng khoán khác và cũng gặt hái nhiều thành công. Đó cũng là niềm vui cho tổ chức khi thấy được rằng văn hoá làm nghề của công ty tiếp tục được lan toả trong thị trường tài chính, vì tất cả đều hướng tới mục tiêu chung phụng sự nhà đầu tư tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Đối mặt với thách thức đó, VNDIRECT cũng xây dựng chiến lược quan trọng cho việc chuẩn bị nguồn nhân lực bên trong, với chuỗi chương trình đào tạo cán bộ nguồn là các nhân sự trẻ với quy mô hàng trăm nhân sự mỗi năm (chương trình Dtrainee). Các bạn trẻ, dù mới tốt nghiệp sẽ được đào tạo, huấn luyện trong một điều kiện làm việc rất thách thức để có thể thực sự phát triển được những phẩm chất nghề nghiệp của mình. Đây là chiến lược quan trọng giúp công ty làm chủ được nguồn lực lao động trong tương lai của mình, bất kể những thách thức cạnh tranh từ bên ngoài. Song song với đó, công ty cũng tiếp tục kiện toàn những điểm yếu, những khiếm khuyết của mình như khung chính sách phúc lợi toàn diện (“total reward”), các chính sách hỗ trợ người lao động khác nhằm tạo điều kiện tối đa cho nhân sự có thể gắn kết, phụng sự cho khách hàng của mình.

7.3.2. Mục tiêu phát triển Vận hành

Các công cụ số hóa sẽ tiếp tục được nâng cấp để khách hàng có thêm nhiều tiện ích và trải nghiệm thân thiện hơn trong việc tương tác với đội ngũ Chuyên gia của VNDIRECT cũng như trong việc giao dịch và quản lý tài sản của mình. Bên cạnh đó, hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ cũng được mở rộng, đa dạng các sản phẩm theo các tầng tháp để khách hàng có cơ hội lựa chọn sản phẩm phù hợp. Các luồng vận hành giao dịch được thiết kế thân thiện, hướng đến khách hàng.

VNDIRECT hướng tới hoàn thiện và nâng cao các quy trình vận hành thông qua các yếu tố:

- Nâng cao chất lượng nhân sự
- Tối ưu hóa quy trình vận hành
- Đẩy mạnh số hóa hoạt động vận hành

Tăng cường năng lực giám sát quản trị trên tất cả các hoạt động vận hành, trong đó đặc biệt chú trọng vào các hoạt động:

- Với định hướng làm chủ quá trình chuyển đổi số, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, nhu cầu về việc đẩy mạnh giám sát quản trị hoạt động phát triển và vận hành công nghệ thông tin, an toàn dữ liệu được ưu tiên hàng đầu
- Hoạt động vận hành sản phẩm dịch vụ đẩy mạnh giám sát tuân thủ đảm bảo các điều kiện pháp lý trong điều kiện môi trường kinh doanh vẫn đang tiềm ẩn nhiều rủi ro
- Bên cạnh đó là các hoạt động phát triển sản phẩm, chăm sóc KH đảm bảo lấy khách hàng làm trung tâm, trên tinh thần của các chuyên gia làm nghề chuyên nghiệp

7.3.3. Mục tiêu phát triển Công nghệ

Năm 2024, VNDIRECT tiếp tục chú trọng xây dựng 3 năng lực cốt lõi của hoạt động công nghệ bao gồm: tính ổn định của hệ thống (“stability”); năng lực mở rộng của hệ thống (“scalability”); và tốc độ ra thị trường của các sản phẩm dịch vụ mới (“time to market”).



(i) Tính ổn định của hệ thống: với dự báo thị trường chứng khoán sẽ bắt đầu một chu kỳ mới với một lượng nhà đầu tư cá nhân mới tham gia thị trường, VNDIRECT tập trung vào việc nâng cấp, hướng tới sự ổn định của nền tảng giao dịch nhằm xây dựng một nền móng vững chắc cho chu kỳ phát triển mới của thị trường. Các nền tảng giao dịch chứng khoán sẽ được nâng cấp về hạ tầng cũng như các ứng dụng người dùng hướng tới những tiện ích, những trải nghiệm giao dịch “như dân nhà nghề” (“trade like pro”) của các nhà đầu tư tham gia thị trường. Bên cạnh đó, công ty cũng tiếp tục hoàn thiện về các quy trình back-up, quy trình bảo mật, an toàn thông tin cho hệ thống để giảm thiểu các rủi ro về tính ổn định của hệ thống trong tương lai.



(ii) Năng lực mở rộng của hệ thống: trong điều kiện cạnh tranh từ thị trường và các công ty chứng khoán, VNDIRECT sẽ tiếp tục mở rộng các dịch vụ để hướng tới năng lực phục vụ cho một tập khách hàng ở quy mô lớn, với các nhu cầu được cá nhân hoá khác nhau. Công ty sẽ đưa ra thử nghiệm các ứng dụng như AI ChatBot - tự động hoá một phần quy trình cung cấp dịch vụ hướng tới khách hàng; Dgo compass - La bàn đầu tư hướng tới cá nhân hoá theo hành trình đầu tư của mỗi khách hàng; nâng cấp Dstock app, Protrade hướng tới các tiện ích giao dịch cho dân nhà nghề.



(iii) Tốc độ ra thị trường của các sản phẩm dịch vụ mới: công ty cũng triển khai việc ứng dụng phân tích dữ liệu lớn, học máy (“Machine learning”), trí tuệ nhân tạo (AI) vào việc nghiên cứu, phân tích để kịp thời phát hiện những nhu cầu mới của khách hàng, qua đó đưa ra những sản phẩm dịch vụ mới hướng tới khách hàng.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2023

8.1. Ý kiến kiểm toán

8.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023

18



8.1. Ý kiến kiểm toán

Trích báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam:

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

8.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023

Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của VNDIRECT được kính kèm theo bản Báo cáo thường niên này

Trên đây là Báo cáo thường niên về hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)


CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Phạm Minh Hương

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014521 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 11 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102065366 đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 12 năm 2023, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 101/GPĐC-UBCK ngày 15 tháng 12 năm 2023).

Hoạt động chính của Công ty trong năm bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, ứng trước tiền bán chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 12.178.440.090.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 12.178.440.090.000 đồng).

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các chi nhánh tại Thanh Xuân – Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh – Nghệ An, Cần Thơ, Bình Dương, Quảng Ninh, Nam Định, Thanh Hóa và các phòng giao dịch tại Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một (01) công ty liên kết.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2006, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023 Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023
	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023 Miễn nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023
Ông Mai Hữu Đạt	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 07 năm 2022
Ông Nguyễn Vũ Long	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023 Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023
	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023 Miễn nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023
Ông Vũ Hiền	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2009 Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022
Ông Vũ Việt Anh	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Hoàng Thúy Nga	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2015 Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2023
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2012 Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Vũ Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023
	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023
Bà Phạm Minh Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023 Miễn nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023
Bà Vũ Nam Hương	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 07 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2023
Ông Điều Ngọc Tuấn	Giám đốc Quản trị	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này:

- Bà Phạm Minh Hương - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Vũ Long - Tổng Giám đốc
- Ông Điều Ngọc Tuấn - Giám đốc Quản trị
- Bà Vũ Nam Hương - Giám đốc Tài chính (miễn nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2023)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 03 năm 2024

Số tham chiếu: 61607706/ E-67573032

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 69, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến:

Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, Công ty có duy nhất một công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A và đã hoàn thành việc thoái toàn bộ vốn khoản đầu tư vào tại công ty con này vào ngày 28 tháng 11 năm 2023. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có công ty con nào và vì vậy không phải lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo quy định tại Điều 48, Thông tư số 202/2014/TT-BTC - Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, Công ty đã quyết định không lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		40.414.384.838.078	38.419.463.415.986
110	I. Tài sản tài chính		40.278.851.863.343	38.319.601.218.059
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	4.861.988.279.037	2.458.387.244.559
111.1	1.1 Tiền		2.667.988.279.037	1.788.175.744.559
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		2.194.000.000.000	670.211.500.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	16.729.988.737.590	18.929.697.406.890
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.2	7.432.445.000.000	5.600.100.000.000
114	4. Các khoản cho vay	7.3	10.285.791.836.320	9.060.815.751.079
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(119.377.907.624)	(230.380.869.042)
117	6. Các khoản phải thu	9	938.674.588.232	2.244.953.187.141
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		22.096.265.742	1.652.324.432.880
117.2	6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		916.578.322.490	592.628.754.261
117.3	6.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		95.427.412.362	-
117.4	6.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		821.150.910.128	592.628.754.261
118	7. Trả trước cho người bán	9	3.552.779.272	10.202.544.779
122	8. Các khoản phải thu khác	9	173.498.941.757	251.442.624.082
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(27.710.391.241)	(5.616.671.429)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	10	135.532.974.735	99.862.197.927
131	1. Tạm ứng		13.339.726.731	2.167.497.895
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		10.390.964.466	17.030.093.232
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		96.585.217.160	80.664.606.800
137	4. Tài sản ngắn hạn khác		15.217.066.378	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.327.705.333.288	350.660.098.331
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		1.160.966.673.916	189.539.479.928
211	1. Các khoản phải thu dài hạn		90.236.858.889	-
212	2. Các khoản đầu tư dài hạn	11	1.074.440.612.000	191.620.280.000
212.1	2.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		201.650.000.000	-
212.2	2.2 Đầu tư vào công ty con		-	160.000.000.000
212.3	2.3 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		836.115.332.000	-
212.4	2.4 Đầu tư dài hạn khác		36.675.280.000	31.620.280.000
213	3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn		(3.710.796.973)	(2.080.800.072)
220	II. Tài sản cố định		106.034.003.084	77.709.397.249
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	52.527.041.886	50.562.587.741
222	1.1 Nguyên giá		193.971.384.930	162.297.809.446
223a	1.2 Giá trị khấu hao lũy kế		(141.444.343.044)	(111.735.221.705)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	53.506.961.198	27.146.809.508
228	2.1 Nguyên giá		164.679.758.279	122.933.811.359
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(111.172.797.081)	(95.787.001.851)
240	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	2.546.865.013	8.946.501.017
250	IV. Tài sản dài hạn khác		58.157.791.275	74.464.720.137
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		3.393.442.428	7.609.699.681
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	15	19.764.348.847	31.855.020.456
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	16	20.000.000.000	20.000.000.000
255	4. Tài sản dài hạn khác	17	15.000.000.000	15.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		41.742.090.171.366	38.770.123.514.317

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		25.234.270.644.372	24.284.923.431.251
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		24.736.424.516.683	23.429.112.231.168
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	19	20.468.484.164.989	19.311.982.646.239
312	1.1 Vay ngắn hạn		20.468.484.164.989	19.311.982.646.239
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	20	400.000.000.000	850.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	21	821.595.397.087	799.111.785.639
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn		65.658.430.298	12.481.251.589
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		20.574.256.848	17.729.368.098
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	243.387.566.722	198.808.235.574
323	7. Phải trả người lao động		28.043.562.100	17.896.327.244
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		4.029.025.381	3.630.105.814
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	150.575.598.290	217.499.708.089
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	24	2.371.435.512.100	1.852.719.283.890
330	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		90.000.000.000	-
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		72.641.002.868	147.253.518.992
340	II. Nợ phải trả dài hạn		497.846.127.689	855.811.200.083
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	20	400.000.000.000	800.000.000.000
356	2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	25	97.846.127.689	55.811.200.083
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		16.507.819.526.994	14.485.200.083.066
410	I. Vốn chủ sở hữu	26.2	16.507.819.526.994	14.485.200.083.066
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		12.178.398.511.540	12.178.029.987.590
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		12.178.440.090.000	12.178.440.090.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông		12.178.440.090.000	12.178.440.090.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		(41.578.460)	14.508.178
411.5	1.3 Cổ phiếu quỹ		-	(424.610.588)
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		4.329.421.015.454	2.307.170.095.476
417.1	2.1 Lợi nhuận đã thực hiện	26.1	3.938.036.504.694	2.083.925.295.138
417.2	2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		391.384.510.760	223.244.800.338
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		41.742.090.171.366	38.770.123.514.317

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	Nợ khó đòi đã xử lý		101.986.716.060	101.986.716.060
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	26.4	1.217.844.009	1.217.821.331
007	Cổ phiếu quỹ (số lượng)	26.4	-	22.678
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bảo chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK	27.1	7.622.045.590.000	927.106.160.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	27.2	407.194.630.000	68.480.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	27.3	578.294.940.000	734.295.000.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK	27.4	1.747.837.730.000	9.998.510.010.000
014	Chứng quyền (số lượng)		129.980.100	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư		83.305.192.855.500	73.204.723.194.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		72.563.078.785.500	62.350.432.951.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		344.230.650.000	600.877.230.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		9.317.872.660.000	9.243.938.580.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		64.109.620.000	143.330.320.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		1.015.901.140.000	866.144.113.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		2.787.689.350.000	824.951.660.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.408.067.340.000	713.765.500.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		1.379.622.010.000	111.186.160.000
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	27.5	945.350.877.000	1.106.013.609.456
026	Tiền gửi của khách hàng		6.366.886.514.636	4.815.815.823.164
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	27.6	4.234.184.919.643	3.593.076.453.523
027.1	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	27.6	238.571.995.977	214.654.363.586
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	27.6	1.792.222.791.362	1.007.421.938.976
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		149.129.804	118.490.698
029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		71.731.832	81.134.149
029.2	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		77.397.972	37.356.549
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	27.7	101.757.677.850	544.576.381
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	27.8	6.265.128.836.786	4.815.271.246.783
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		5.250.371.050.631	4.207.094.875.887
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		776.185.790.178	393.522.007.310
031.3	Phải trả Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC		238.571.995.977	214.654.363.586
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	27.9	101.285.366.000	38.310.000
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	27.10	472.311.850	506.266.381

Bà Lê Thị Hoài
Người lập

Bà Nguyễn Thị Hương
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		3.803.176.987.380	3.468.029.416.113
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	28.1	2.094.804.454.784	1.665.762.701.380
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	28.2	1.148.956.786.104	1.000.149.284.571
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	28.4	545.677.855.892	768.990.374.162
01.4	1.4 Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	28.3	13.737.890.600	33.127.056.000
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	28.4	505.989.797.968	397.782.532.022
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	28.4	1.154.085.633.047	1.600.137.224.585
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		867.030.313.818	1.250.404.823.440
07	5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		107.575.367.174	193.689.979.762
09	6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		92.478.235.601	67.604.592.909
10	7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		10.588.870.278	4.086.250.000
11	8. Thu nhập hoạt động khác		20.496.961.163	13.979.692.598
20	Cộng doanh thu hoạt động		6.561.422.166.429	6.995.714.511.429
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		1.495.901.101.309	2.627.861.153.615
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	28.1	541.397.737.633	1.177.335.278.692
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	28.2	943.607.842.876	1.403.571.915.923
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		1.983.325.000	1.041.429.400
21.4	1.4 Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	28.3	8.912.195.800	45.912.529.600
24	2. Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	29	(88.909.241.606)	89.635.875.226
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	30	34.327.608.913	19.255.974.932
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	30	615.494.378.512	713.595.563.319
28	5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	30	8.264.882.221	14.992.784.816
29	6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	30	536.415.223	8.017.478.108
30	7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	28.812.889.357	25.854.350.328
31	8. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	30	25.302.442.765	19.151.613.455
32	9. Chi phí dịch vụ khác	30	74.523.925.815	288.374.901.593
40	Cộng chi phí hoạt động		2.194.254.402.509	3.806.739.695.392
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		10.049.687.758	30.940.543.004
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		22.589.692.639	22.103.743.048
43	3. Lãi bán, thanh lý khoản đầu tư vào công ty con		5.000.000.000	-
44	4. Doanh thu hoạt động đầu tư khác		3.100.433.425	-
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		40.739.813.822	53.044.286.052

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		3.381.482.970	139.336.323.994
52	2. Chi phí lãi vay		1.444.405.517.726	958.802.609.293
54	3. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.629.996.901	2.080.800.072
55	4. Chi phí tài chính khác		39.357.337.679	41.390.499.918
60	Cộng chi phí tài chính		1.488.774.335.276	1.141.610.233.277
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	31	430.067.613.400	372.375.272.001
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		2.489.065.629.066	1.728.033.596.811
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	1. Thu nhập khác		918.699.567	443.156.627
72	2. Chi phí khác		7.641.876.660	677.671.202
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(6.723.177.093)	(234.514.575)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		2.482.342.451.973	1.727.799.082.236
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		2.272.167.813.945	2.144.007.187.188
92	2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		210.174.638.028	(416.208.104.952)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)		460.091.531.995	361.855.567.574
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	418.056.604.389	445.097.188.564
100.2	2. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	32.2	42.034.927.606	(83.241.620.990)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		2.022.250.919.978	1.365.943.514.662
300	XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		-	-
400	Tổng thu nhập toàn diện		2.022.250.919.978	1.365.943.514.662
500	XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		1.661	1.034
501	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	33	1.661	1.034

Bà Lê Thị Hoài
Người lập

Bà Nguyễn Thị Hương
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		2.482.342.451.973	1.727.799.082.236
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		1.475.847.983.210	1.099.631.432.820
03	Khấu hao TSCĐ		45.094.916.569	28.025.690.373
04	Các khoản dự phòng		1.090.758.394	89.635.875.226
05	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(9.743.209.479)	23.167.257.928
06	Chi phí lãi vay		1.444.405.517.726	958.802.609.293
07	Lãi hoạt động đầu tư		(5.000.000.000)	-
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		954.150.035.577	1.451.565.245.595
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lỗ đánh giá lại phải trả chứng quyền		952.520.038.676	1.449.484.445.523
16	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.629.996.901	2.080.800.072
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(1.162.694.676.704)	(1.033.276.340.571)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lãi đánh giá lại phải trả chứng quyền		(1.162.694.676.704)	(1.033.276.340.571)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.749.645.794.056	3.245.719.420.080
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL		1.745.022.069.528	(7.057.822.489.381)
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(2.033.995.000.000)	11.900.000.000
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		(1.224.976.085.241)	6.412.729.056.103
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		1.630.228.167.138	(1.561.046.241.880)
36	Tăng phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(323.949.568.229)	(288.841.626.893)
39	Tăng các khoản phải thu khác		(5.643.411.057)	(90.644.764.708)
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		(42.309.905.574)	7.750.258.159
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(1.349.405.172)	(26.354.454.848)
42	Tăng/(giảm) chi phí trả trước		22.946.057.628	(22.385.918.614)
43	Thuế TNDN đã nộp	22	(349.911.964.805)	(436.634.207.324)
44	Lãi vay đã trả		(1.505.272.991.991)	(824.534.988.272)
45	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		56.191.302.459	(6.076.078.825)
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		9.693.031.522	2.531.227.550
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(23.565.308.436)	(28.359.320.733)
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		10.147.234.856	(29.009.560.422)
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác và phải trả chứng quyền		536.731.422.503	(2.357.124.855.453)
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(74.612.516.124)	(88.180.911.997)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		2.175.018.923.061	(3.136.385.457.458)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(67.189.121.400)	(57.696.934.951)
63	2. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(181.134.789.000)	(21.100.000.000)
64	3. Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		165.000.000.000	-
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(83.323.910.400)	(78.796.934.951)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	4.349.444.780.000
72.1	2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		-	(274.571.800)
72.2	3. Tiền thu từ bán lại cổ phiếu quỹ		368.523.950	-
73	4. Tiền vay gốc		86.884.568.962.506	80.100.985.020.249
73.2	- Tiền vay khác		86.884.568.962.506	80.100.985.020.249
74	5. Tiền chi trả nợ gốc vay		(86.573.031.464.639)	(80.859.764.230.697)
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(86.573.031.464.639)	(80.859.764.230.697)
76	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(608.921.803.500)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		311.906.021.817	2.981.469.194.252
90	IV. TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		2.403.601.034.478	(233.713.198.157)
101	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	2.458.387.244.559	2.692.100.442.716
101.1	Tiền		1.788.175.744.559	2.086.900.442.716
101.2	Các khoản tương đương tiền		670.211.500.000	605.200.000.000
103	VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	4.861.988.279.037	2.458.387.244.559
103.1	Tiền		2.667.988.279.037	1.788.175.744.559
103.2	Các khoản tương đương tiền		2.194.000.000.000	670.211.500.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		342.955.790.459.261	448.816.187.928.246
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(342.955.759.820.155)	(448.820.054.112.898)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		1.449.826.950.897	(5.412.288.295.156)
14	4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		10.014.359.845.826	15.989.431.915.612
15	5. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(9.913.146.744.357)	(16.056.935.312.538)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		1.551.070.691.472	(5.483.657.876.734)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng			
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		4.815.815.823.164	10.299.473.699.898
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.815.815.823.164	10.299.473.699.898
32.1	- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC		3.593.076.453.523	4.950.918.108.729
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		214.654.363.586	369.895.010.719
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		1.007.421.938.976	4.908.172.436.100
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		118.490.698	3.984.675.350
			544.576.381	66.503.469.000
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng			
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		6.366.886.514.636	4.815.815.823.164
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		6.366.886.514.636	4.815.815.823.164
42.1	- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	27.6	4.234.184.919.643	3.593.076.453.523
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	27.6	238.571.995.977	214.654.363.586
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	27.6	1.792.222.791.362	1.007.421.938.976
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	27.7	149.129.804	118.490.698
			101.757.677.850	544.576.381


Bà Lê Thị Hoài
Người lập


Bà Nguyễn Thị Hương
Kế toán Trưởng


Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2022	Ngày 01 tháng 01 năm 2023	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.603.522.660.470	14.485.200.083.066	9.194.478.871.040	(4.312.801.448.444)	2.022.250.919.978	368.523.950	14.485.200.083.066	16.507.819.526.994
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.852.916.394.577	12.178.029.987.590	7.828.535.356.378	(1.503.421.763.365)	-	368.523.950	12.178.029.987.590	12.178.029.987.590
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	26.2	4.349.446.870.000	12.178.440.090.000	7.828.993.220.000	-	-	-	12.178.440.090.000	12.178.440.090.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		1.503.603.955.187	14.508.178	15.608.178	(1.503.605.055.187)	-	(56.086.638)	14.508.178	(41.578.460)
1.3 Cổ phiếu quỹ		(134.430.610)	(424.610.588)	(473.471.800)	183.291.822	-	424.610.588	(424.610.588)	-
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		220.789.576.702	-	-	(220.789.576.702)	-	-	-	-
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		191.487.849.699	-	-	(191.487.849.699)	-	-	-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối		3.338.328.839.492	2.307.170.095.476	1.365.943.514.662	(2.397.102.258.678)	2.022.250.919.978	-	2.307.170.095.476	4.329.421.015.454
4.1 Lợi nhuận đã thực hiện	26.1	2.819.234.868.098	2.083.925.295.138	1.698.909.998.624	(2.434.219.571.584)	1.854.111.209.556	-	2.083.925.295.138	3.938.036.504.694
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	26.1	519.093.971.394	223.244.800.338	(332.966.483.962)	37.117.312.906	168.139.710.422	-	223.244.800.338	391.384.510.760
TỔNG CỘNG	26.2	9.603.522.660.470	14.485.200.083.066	9.603.522.660.470	(4.312.801.448.444)	2.022.250.919.978	368.523.950	14.485.200.083.066	16.507.819.526.994
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC		-	-	-	-	-	-	-	-
1. Lãi/(Lô) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS		-	-	-	-	-	-	-	-
III. TỔNG CỘNG (III=I+II)	26.2	9.603.522.660.470	14.485.200.083.066	9.603.522.660.470	(4.312.801.448.444)	2.022.250.919.978	368.523.950	14.485.200.083.066	16.507.819.526.994

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 03 năm 2024

Bà Lê Thị Hoài
Người lập

Bà Nguyễn Thị Hương
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1.THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014521 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 11 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102065366 đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 12 năm 2023, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 101/GPĐC-UBCK ngày 15 tháng 12 năm 2023).

Hoạt động chính trong năm của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, ứng trước tiền bán chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của công ty là 12.178.440.090.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 12.178.440.090.000 đồng).

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các chi nhánh tại Thanh Xuân – Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh – Nghệ An, Cần Thơ, Bình Dương, Quảng Ninh, Nam Định, Thanh Hóa và các phòng giao dịch tại Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 1.174 người (31 tháng 12 năm 2022: 1.535 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 12.178.440.090.000 đồng, vốn chủ sở hữu là 16.507.819.526.994 đồng và tổng tài sản là 41.742.090.171.366 đồng.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định trên.

Công ty con

Công ty sở hữu 100% vốn của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A (“IPAAM”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 03 năm 2023 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 17 tháng 06 năm 2023, VNDIRECT quyết định thoái toàn bộ vốn đầu tư tại công ty con (IPAAM). Ngày 28 tháng 11 năm 2023, VNDIRECT đã thoái toàn bộ vốn đầu tư tại IPAAM cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một (01) công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính như sau:

Đơn vị tính: VND

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bưu Điện	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 3633/GP-UB ngày 01 tháng 08 năm 1998 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 41A/GPĐC32/KDBH ngày 05 tháng 01 năm 2022	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và kinh doanh dịch vụ tài chính	803.957.090.000	20%

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính

Công ty đã lập báo cáo tài chính này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty có duy nhất một công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A và đã hoàn thành việc thoái toàn bộ vốn đầu tư vào công ty con này vào ngày 28 tháng 11 năm 2023 (Thuyết minh 1). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có bất kỳ khoản đầu tư vào công ty con nào và vì vậy Công ty không phải lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo quy định tại Điều 48, Thông tư số 202/2014/TT-BTC - Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, Công ty đã quyết định không lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và

việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi nhận tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các tài sản tài chính HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các tài sản tài chính HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Công ty thực hiện trích lập dự phòng chung đối với các khoản cho vay với tỷ lệ 0,75%/tổng dư nợ cho vay, không bao gồm dư nợ cho vay đã trích lập dự phòng cụ thể. Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.5 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCom”) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCom”) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (“OTC”), căn cứ vào báo cáo tài chính của tổ chức phát hành tại thời điểm lập báo cáo tài chính;
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC (“Thông tư số 24”) ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC (“Thông tư số 48”) ngày 08 tháng 08 năm 2019 của

Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thông tư số 24 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 05 năm 2022, sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng lập dự phòng, theo đó, đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

4.6 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.7 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ
Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào thời điểm ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập. Giá trị của tài sản tài chính vào ngày được phân loại lại trở thành giá vốn mới hoặc giá trị phân bổ của tài sản này.

4.8 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

4.8.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư công ty liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn.

Phương pháp giá gốc

Là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Theo phương pháp giá gốc, nhà đầu tư ghi nhận ban đầu khoản đầu tư theo giá gốc. Nhà đầu tư chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà nhà đầu tư nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

4.8.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được lập riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào cuối năm tài chính. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào góp vốn vào các đơn vị khác nếu khoản đầu tư bị tổn thất do đơn vị đầu tư bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.9 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty. Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.10 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.12 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao

đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Công cụ quản lý	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
Phần mềm	3 - 10 năm

4.13 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài

chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.15 Các khoản vay và phát hành trái phiếu không chuyển đổi

Các khoản vay và trái phiếu không chuyển đổi được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.16 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả chứng quyền

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giữa giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào “*Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL*” (chi tiết “*Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*”). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào “*Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL*” (chi tiết “*Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*”).

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh. Lãi/Lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục “*Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL*” hoặc “*Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL*” tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL.

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.17 Lợi ích của nhân viên

4.17.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho

mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.17.2 Trợ cấp thôi việc

Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

Khoản 5 Điều 8 Nghị định 145/2020/NĐ-CP quy định tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động thôi việc. Nếu hợp đồng lao động cuối cùng bị tuyên vô hiệu (vì có nội dung tiền lương thấp hơn mức tối thiểu vùng hoặc mức trong thỏa ước lao động tập thể) thì tiền lương tính trợ cấp sẽ do các bên thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu vùng hoặc mức lương theo thỏa ước lao động tập thể.

4.17.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.19 Hợp đồng phái sinh tiền tệ

Công ty tham gia vào các giao dịch tiền tệ với các Ngân hàng cung cấp dịch vụ (giao dịch mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ,...) cho mục đích phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro về tỷ giá, lãi suất và dòng

tiền trong tương lai. Lãi/lỗ phát sinh từ giao dịch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

4.20 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.22 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

4.23 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các

khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.25 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi/lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

4.26 Lãi trên cổ phiếu

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty là các khoản lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ sau khi được điều chỉnh bởi cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, những khoản chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu.

Số lượng cổ phiếu phổ thông được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ hiện tại và tất cả các kỳ trình bày phải được điều chỉnh cho các sự kiện (Từ việc chuyển đổi cổ phiếu phổ thông tiềm năng) tạo ra sự thay đổi về số lượng cổ phiếu phổ thông mà không dẫn đến thay đổi về nguồn vốn.

4.27 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.28 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo

khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các dịch vụ được cung cấp cho nhà đầu tư. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

4.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.30 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.



5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền	2.667.988.279.037	1.788.175.744.559
• Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của CTCK	2.667.173.209.668	1.787.434.663.410
• Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	815.069.369	741.081.149
Các khoản tương đương tiền	2.194.000.000.000	670.211.500.000
• Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	2.194.000.000.000	670.211.500.000
Tổng cộng	4.861.988.279.037	2.458.387.244.559

6. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Đơn vị tính: VND

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (triệu VND)
a. Của Công ty	1.272.078.171	91.084.284
• Cổ phiếu	155.857.294	4.079.032
• Trái phiếu	677.445.261	80.593.678
• Chứng khoán khác	438.775.616	6.411.574
b. Của Nhà đầu tư	35.155.395.548	1.126.965.642
• Cổ phiếu	33.037.685.056	591.301.873
• Trái phiếu	226.137.630	25.955.030
• Chứng khoán khác	1.891.572.862	509.708.739
Tổng cộng	36.427.473.719	1.218.049.926

7. Các loại tài sản tài chính

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục “Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp” trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

7.1 TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (“FVTPL”)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ (“CCQ”) niêm yết	1.107.852.472.120	1.153.426.495.964	522.366.550.573	840.283.437.710
VPB	455.483.188.180	418.927.449.600	2.188.855.460	1.994.740.200
HSG	326.675.282.230	416.581.444.800	161.881.817.580	108.782.381.400
ACB	62.738.081.915	63.761.376.000	734.847.051	723.619.800
Cổ phiếu khác	262.955.919.795	254.156.225.564	357.561.030.482	728.782.696.310
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	127.464.078.913	123.410.809.726	-	-
VPB	46.132.541.880	42.430.080.000	-	-
STB	31.113.838.138	29.675.384.189	-	-
FPT	20.791.958.474	21.956.897.533	-	-
Cổ phiếu khác	29.425.740.421	29.348.448.004	-	-
Cổ phiếu, CCQ chưa niêm yết	1.111.431.641.735	1.162.241.954.895	405.930.554.525	367.069.667.809
C4G	285.303.507.420	326.996.235.150	109.815.107.420	99.639.577.600
LTG	115.283.997.500	78.598.554.250	115.283.997.500	60.164.831.200
VNDBF	105.200.000.000	130.141.094.389	105.200.000.000	118.831.279.578
VNDAF	50.500.000.000	70.037.500.000	50.500.000.000	63.325.700.000
VNDCF	50.000.000.000	51.360.400.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	505.144.136.815	505.108.171.106	25.131.449.605	25.108.279.431
Trái phiếu niêm yết	687.194.811.995	686.121.064.799	1.241.590.493.151	1.241.590.493.151
Trái phiếu chưa niêm yết	7.546.995.264.122	7.546.995.264.122	9.167.072.554.755	9.167.072.554.755
Chứng chỉ tiền gửi	6.057.793.148.084	6.057.793.148.084	7.313.681.253.465	7.313.681.253.465
Tổng cộng	16.638.731.416.969	16.729.988.737.590	18.650.641.406.469	18.929.697.406.890

7.2 CÁC ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (“HTM”)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	7.432.445.000.000	5.600.100.000.000

(*) Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và còn lại dưới 1 năm, có lãi suất từ 4,20%/năm đến 10,30%/năm (31 tháng 12 năm 2022: từ 5,00%/năm đến 11,20%/năm).

7.3 CÁC KHOẢN CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động ký quỹ	9.911.807.420.780	9.869.210.816.361	8.752.302.732.306	8.591.087.099.621
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	373.984.415.540	373.984.415.540	308.513.018.773	308.513.018.773
Tổng cộng	10.285.791.836.320	10.243.195.231.90	9.060.815.751.079	8.899.600.118.394

(1) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng cụ thể suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7.4 TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Chênh lệch đánh giá			Giá trị đánh giá lại
	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
FVTPL	16.638.731.416.969	185.751.399.889	(94.494.079.268)	16.729.988.737.590
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	1.107.852.472.120	96.761.136.709	(51.187.112.865)	1.153.426.495.964
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	127.464.078.913	1.455.476.197	(5.508.745.384)	123.410.809.726
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	1.111.431.641.735	87.534.786.983	(36.724.473.823)	1.162.241.954.895
Trái phiếu niêm yết	687.194.811.995	-	(1.073.747.196)	686.121.064.799
Trái phiếu chưa niêm yết	7.546.995.264.122	-	-	7.546.995.264.122
Chứng chỉ tiền gửi	6.057.793.148.084	-	-	6.057.793.148.084
Tổng cộng	16.638.731.416.969	185.751.399.889	(94.494.079.268)	16.729.988.737.590
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022				
FVTPL	18.650.641.406.469	420.609.427.036	(141.553.426.615)	18.929.697.406.890
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	522.366.550.573	394.148.068.640	(76.231.181.503)	840.283.437.710
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	405.930.554.525	26.461.358.396	(65.322.245.112)	367.069.667.809
Trái phiếu niêm yết	1.241.590.493.151	-	-	1.241.590.493.151
Trái phiếu chưa niêm yết	9.167.072.554.755	-	-	9.167.072.554.755
Chứng chỉ tiền gửi	7.313.681.253.465	-	-	7.313.681.253.465
Tổng cộng	18.650.641.406.469	420.609.427.036	(141.553.426.615)	18.929.697.406.890

8. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay		
• Dự phòng cụ thể	42.596.604.419	161.215.632.685
• Dự phòng chung	76.781.303.205	69.165.236.357
Tổng cộng	119.377.907.624	230.380.869.042

9. Các tài sản tài chính khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	22.096.265.742	1.652.324.432.880
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	916.578.322.490	592.628.754.261
Trong đó:		
- Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	95.427.412.362	-
- Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	821.150.910.128	592.628.754.261
3. Trả trước cho người bán	3.552.779.272	10.202.544.779
4. Các khoản phải thu khác	173.498.941.757	251.442.624.082
5. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(27.710.391.241)	(5.616.671.429)
Tổng cộng	1.088.015.918.020	2.500.981.684.573

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

Đơn vị tính: VND

	Giá trị phải thu khó đòi tại đầu năm	Số dự phòng tại đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Giá trị phải thu khó đòi cuối năm	Số dự phòng tại cuối năm
Phải thu cán bộ nhân viên đã nghỉ việc	1.963.775.333	1.963.775.333	-	-	1.963.775.333	1.963.775.333
Phải thu từ khách hàng và đối tác	3.652.896.096	3.652.896.096	22.093.719.812	-	35.215.352.971	25.746.615.908
Khách hàng Công ty CP Phần mềm Diệt Virus BKAV	-	-	22.093.719.812	-	31.562.456.875	22.093.719.812
Khách hàng Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phát triển GDDT Phương Nam	728.387.096	728.387.096	-	-	728.387.096	728.387.096
Khách hàng Nguyễn Thị Bạch Tuyết	584.100.000	584.100.000	-	-	584.100.000	584.100.000
Khách hàng Công ty TNHH Tư vấn Quản lý C&A	550.000.000	550.000.000	-	-	550.000.000	550.000.000
Phải thu của các khách hàng khác	1.790.409.000	1.790.409.000	-	-	1.790.409.000	1.790.409.000
Tổng cộng	5.616.671.429	5.616.671.429	22.093.719.812	-	37.179.128.304	27.710.391.241

10. Tài sản ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	13.339.726.731	2.167.497.895
Chi phí trả trước ngắn hạn	10.390.964.466	17.030.093.232
• Chi phí thuê văn phòng	3.050.355.274	9.135.924.534
• Chi phí phần mềm	6.664.844.053	4.728.834.577
• Chi phí sửa chữa và cải tạo văn phòng	68.714.871	334.485.110
• Chi phí khác	607.050.268	2.830.849.011
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	96.585.217.160	80.664.606.800
Tài sản ngắn hạn khác	15.217.066.378	-
Tổng cộng	135.532.974.735	99.862.197.927

(*) Bao gồm tiền đặt cọc không chịu lãi suất với giá trị 80.000.000.000 VND theo dự án mua bất động sản cho mục đích làm văn phòng trụ sở chính của Công ty với thời hạn đặt cọc còn lại là 6 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 80.000.000.000 VND).

11. Các khoản đầu tư dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	201.650.000.000	-
• Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm (*)	201.650.000.000	-
Đầu tư vào công ty con	-	160.000.000.000
• Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A (**)	-	160.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	836.115.332.000	-
• Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (***)	836.115.332.000	-
Đầu tư dài hạn khác	36.675.280.000	31.620.280.000
Tổng cộng	1.074.440.612.000	191.620.280.000

(*) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm, có lãi suất 8,00%/năm.

(**) Trong năm, Công ty đã thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A.

(***) Trong năm, Công ty có đầu tư thêm vào cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (HNX: PTI) với số tiền là 176.079.789.000 VND, nâng tỷ lệ sở hữu từ 16,44% lên 20,00%. Với tỷ lệ sở hữu 20,00%, PTI trở thành công ty liên kết của Công ty, do đó Công ty thực hiện việc phân loại lại khoản đầu tư trên từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) sang khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

12. Tài sản cố định (“TSCĐ”) hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật liệu kiến trúc	Dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	22.312.126.483	133.525.502.023	6.460.180.940	162.297.809.446
Tăng trong năm	-	31.673.575.484	-	31.673.575.484
Số dư cuối năm	22.312.126.483	165.199.077.507	6.460.180.940	193.971.384.930
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	18.720.170.699	92.642.345.868	372.705.138	111.735.221.705
Khấu hao trong năm	2.195.084.090	26.868.019.155	646.018.094	29.709.121.339
Số dư cuối năm	20.915.254.789	119.510.365.023	1.018.723.232	141.444.343.044
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	3.591.955.784	40.883.156.155	6.087.475.802	50.562.587.741
Số dư cuối năm	1.396.871.694	45.688.712.484	5.441.457.708	52.527.041.886

Các thông tin khác về TSCĐ hữu hình:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	76.207.094.405	43.774.635.078

13. Tài sản cố định (“TSCĐ”) vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy vi tính
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	122.933.811.359
Tăng trong năm	41.745.946.920
Số dư cuối năm	164.679.758.279
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	95.787.001.851
Hao mòn trong năm	15.385.795.230
Số dư cuối năm	111.172.797.081
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	27.146.809.508
Số dư cuối năm	53.506.961.198

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	86.473.801.114	84.696.652.620

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát triển phần mềm	1.941.960.000	7.896.285.600
Chi phí xây dựng cơ bản khác	604.905.013	1.050.215.417
Tổng cộng	2.546.865.013	8.946.501.017

15. Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	16.333.456.466	21.978.119.112
• Chi phí cải tạo sửa chữa văn phòng	7.748.784.724	14.210.266.313
• Chi phí phần mềm	6.992.257.622	5.368.562.147
• Chi phí khác	1.592.414.120	2.399.290.652
Chi phí trả trước công cụ dụng cụ	3.430.892.381	9.876.901.344
Tổng cộng	19.764.348.847	31.855.020.456

16. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC).

Theo quy định hiện hành của VSDC, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại VSDC và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

17. Tài sản dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh		
• Tiền nộp ban đầu	15.000.000.000	15.000.000.000

18. Các tài sản đã cầm cố, thế chấp

Tại thời điểm lập báo cáo, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm	Mục đích đảm bảo
Ngắn hạn			
Tài sản tài chính ngắn hạn	11.225.000.000.000	12.220.220.000.000	Vay ngắn hạn
Dài hạn			
Tài sản tài chính dài hạn	200.000.000.000	-	Vay ngắn hạn
Tổng cộng	11.425.000.000.000	12.220.220.000.000	

19. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Lãi suất %/năm	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số đã trả trong năm	Chênh lệch giá chưa thực hiện	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	2,2% - 9,8%	19.311.982.646.239	208.023.191.785.515	206.865.442.425.181	(1.247.841.584)	20.468.484.164.989
• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		2.399.000.000.000	26.255.000.000.000	23.414.000.000.000	-	5.240.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		483.000.000.000	20.476.946.562.978	17.884.946.562.978	-	3.075.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		3.441.700.318.558	76.713.481.228.231	78.002.181.546.789	-	2.153.000.000.000
• Các ngân hàng khác		9.712.646.250.521	21.850.195.361.800	26.106.593.770.737	(1.247.841.584)	5.455.000.000.000
• Vay khác		3.275.636.077.160	62.727.568.632.506	61.457.720.544.677	-	4.545.484.164.989
Tổng cộng (*)		19.311.982.646.239	208.023.191.785.515	206.865.442.425.181	(1.247.841.584)	20.468.484.164.989

(*) Các khoản vay được thực hiện cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

20. Trái phiếu phát hành

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	400.000.000.000	850.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	400.000.000.000	800.000.000.000
Tổng cộng	800.000.000.000	1.650.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các trái phiếu do Công ty phát hành có kỳ hạn gốc từ 24 tháng đến 36 tháng và chịu lãi suất 10,0%/năm đến 10,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 8,0%/năm đến 8,4%/năm).



21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và VSDC	18.542.471.090	19.854.829.277
Phải trả mua các tài sản tài chính (*)	767.223.362.997	779.256.956.362
Phải trả chứng quyền	35.829.563.000	-
Tổng cộng	821.595.397.087	799.111.785.639

(*) Phải trả ngày T0 liên quan đến giao dịch mua chứng khoán tại thời điểm cuối năm.

(**) Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, số lượng chứng quyền do Công ty phát hành như sau:

Đơn vị tính: chứng quyền

Mã chứng quyền	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng được phép phát hành	Số lượng đang lưu hành	Số lượng được phép phát hành	Số lượng đang lưu hành
CFPT2305	2.000.000	2.000.000	-	-
CHPG2321	10.000.000	1.207.000	-	-
CHPG2322	8.000.000	221.300	-	-
CPOW2308	10.000.000	10.000.000	-	-
CPOW2309	5.000.000	385.900	-	-
CSTB2318	6.000.000	2.973.900	-	-
CSTB2319	10.000.000	10.000.000	-	-
CVPB2305	10.000.000	8.194.100	-	-
CACB2306	10.000.000	130.600	-	-
CACB2307	6.000.000	21.600	-	-
CFPT2316	10.000.000	293.400	-	-
CFPT2317	5.000.000	260.300	-	-
CHPG2341	10.000.000	27.400	-	-
CHPG2342	8.000.000	764.300	-	-
CMBB2317	10.000.000	60.000	-	-
CMBB2318	5.000.000	335.300	-	-
CMWG2318	5.000.000	320.800	-	-
CSTB2336	5.000.000	75.500	-	-
CSTB2337	10.000.000	936.500	-	-
CVIB2307	5.000.000	5.000	-	-
CVPB2321	10.000.000	827.400	-	-
CVPB2322	5.000.000	43.900	-	-
CVRE2322	5.000.000	935.700	-	-

22. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	347.293.201	798.165.578	914.891.110	230.567.669
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 32.1)	127.096.682.260	418.056.604.389	349.911.964.805	195.241.321.844
Thuế thu nhập cá nhân	68.995.614.187	530.404.382.036	552.672.636.644	46.727.359.579
Các loại thuế khác	2.368.645.926	17.367.820.984	18.548.149.280	1.188.317.630
Tổng cộng	198.808.235.574	966.626.972.987	922.047.641.839	243.387.566.722

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay tổ chức tín dụng và đối tượng khác	80.558.671.436	108.461.792.770
Chi phí lãi vay trái phiếu phát hành	66.410.958.905	99.375.311.836
Chi phí phải trả khác	3.605.967.949	9.662.603.483
Tổng cộng	150.575.598.290	217.499.708.089

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Nhà đầu tư (*)	2.370.787.904.159	1.851.492.345.557
Phải trả khác	647.607.941	1.226.938.333
Tổng cộng	2.371.435.512.100	1.852.719.283.890

(*) Phải trả các khoản tiền của Nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý.

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hoãn lại phải trả

Phải trả thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/tính thuế của các khoản mục sau đây:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL tạm thời không chịu thuế	18.251.464.105	55.811.200.083
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành tạm thời không chịu thuế	965.138.960	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước khi phân loại từ tài sản tài chính FVTPL sang đầu tư công ty liên kết	78.629.524.624	-
Tổng cộng	97.846.127.689	55.811.200.083

26. Vốn chủ sở hữu

26.1 LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận đã thực hiện	3.938.036.504.694	2.083.925.295.138
Lợi nhuận chưa thực hiện	391.384.510.760	223.244.800.338
Tổng cộng	4.329.421.015.454	2.307.170.095.476

26.2 TÌNH HÌNH TĂNG/(GIẢM) NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	12.178.440.090.000	14.508.178 (424.610.588)		2.307.170.095.476	14.485.200.083.066
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	2.022.250.919.978	2.022.250.919.978
Giao dịch cổ phiếu quỹ	-	(56.086.638)	424.610.588	-	368.523.950
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	12.178.440.090.000	(41.578.460)		4.329.421.015.454	16.507.819.526.994

26.3 TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI THU NHẬP CHO CỔ ĐÔNG HOẶC CÁC THÀNH VIÊN GÓP VỐN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (tại 01/01/2023 và 01/01/2022)	2.083.925.295.138	2.819.234.868.098
2. Lỗ chưa thực hiện cuối năm (tại 31/12/2023 và 31/12/2022)	-	-
3. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	1.854.111.209.556	1.698.909.998.624
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm ((4)=(1)+(2)+(3))	3.938.036.504.694	4.518.144.866.722
5. Số trích từ lợi nhuận	-	(224.514.496.766)
Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng	-	(224.514.496.766)
6. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	-	(608.921.803.500)
7. Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho Nhà đầu tư sở hữu Cổ phiếu	-	(16.820.038.325)
8. Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	-	(592.101.765.175)

26.4 CỔ PHIẾU

Đơn vị tính: cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.217.844.009	1.217.844.009
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	1.217.844.009	1.217.844.009
• Cổ phiếu phổ thông	1.217.844.009	1.217.844.009
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	(22.678)
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	-	(22.678)
• Cổ phiếu phổ thông	-	(22.678)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.217.844.009	1.217.821.331
• Cổ phiếu phổ thông	1.217.844.009	1.217.821.331

27. Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

27.1 TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSDC CỦA CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	7.464.001.110.000	449.945.610.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	132.160.550.000	477.160.550.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	25.883.930.000	-
Tổng cộng	7.622.045.590.000	927.106.160.000

27.2 TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSDC VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	407.194.630.000	68.480.000

27.3 TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu và chứng quyền	75.254.440.000	-
Trái phiếu	503.040.500.000	734.295.000.000
Tổng cộng	578.294.940.000	734.295.000.000

27.4 TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSDC CỦA CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ quỹ	196.098.350.000	146.098.350.000
Cổ phiếu	566.021.280.000	86.769.660.000
Trái phiếu	985.718.100.000	9.765.642.000.000
Tổng cộng	1.747.837.730.000	9.998.510.010.000

27.5 TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu, trái phiếu, chứng quyền và chứng chỉ quỹ	945.350.877.000	1.106.013.609.456

27.6 TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.234.184.919.643	3.593.076.453.523
• Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.457.999.129.465	3.199.554.446.213
• Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	776.185.790.178	393.522.007.310
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	238.571.995.977	214.654.363.586
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.792.222.791.362	1.007.421.938.976
Tổng cộng	6.264.979.706.982	4.815.152.756.085

27.7 TIỀN GỬI CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	101.757.677.850	544.576.381

27.8 PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ CỦA CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	6.265.128.836.786	4.815.271.246.783
• Nhà đầu tư trong nước	5.250.371.050.631	4.207.094.875.887
• Nhà đầu tư nước ngoài	776.185.790.178	393.522.007.310
• Phải trả tiền ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	238.571.995.977	214.654.363.586
Tổng cộng	6.265.128.836.786	4.815.271.246.783

27.9 PHẢI TRẢ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	101.285.366.000	38.310.000

27.10 PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	472.311.850	506.266.381

27.11 PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả phí môi giới chứng khoán		
• Phải trả phí giao dịch chứng khoán	280.780.647	742.568.418
• Phải trả khác	584.100.000	584.100.000
Tổng cộng	864.880.647	1.326.668.418

27.12 PHẢI TRẢ VAY CTCK CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nghiệp vụ margin	10.128.927.380.534	8.950.136.210.194
Phải trả gốc margin (Thuyết minh số 7.3)	9.911.807.420.780	8.752.302.732.306
• Phải trả gốc margin của Nhà Đầu tư trong nước	9.911.807.420.780	8.752.302.732.306
• Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Phải trả lãi margin	217.119.959.754	197.833.477.888
• Phải trả lãi margin của Nhà Đầu tư trong nước	217.119.959.754	197.833.477.888
• Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Thuyết minh 7.3)	373.984.415.540	308.513.018.773
• Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	373.984.415.540	308.513.018.773
• Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Tổng cộng	10.502.911.796.074	9.258.649.228.967

28. Lãi/(lỗ) từ các tài sản tài chính

28.1 LÃI/(LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/lỗ bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/lỗ bán chứng khoán năm trước VND
I	LÃI BÁN						
1	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	29.949.447	34.478	1.032.585.354.400	952.918.375.444	79.666.978.956	159.312.820.219
2	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	474.200	18.712	8.873.220.000	8.605.411.000	267.809.000	9.043.400
3	Trái phiếu niêm yết	149.332.259	102.466	15.301.435.336.535	15.138.394.254.340	163.041.082.195	113.906.157.019
4	Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết	495.624.938	283.356	140.438.190.139.629	138.646.174.841.996	1.792.015.297.633	1.174.020.305.544
5	Hợp đồng tương lai chỉ số					40.409.240.000	46.756.805.000
6	Hợp đồng hoán đổi lãi suất					-	72.290.790.098
7	Chứng quyền phát hành niêm yết	138.699.800	1.103	152.943.428.500	172.347.475.500	19.404.047.000	99.466.780.100
Tổng cộng		814.080.644		156.934.027.479.064	154.918.440.358.280	2.094.804.454.784	1.665.762.701.380
II	LỖ BÁN						
1	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	15.982.338	28.592	456.960.205.800	480.644.639.154	23.684.433.354	180.296.020.900
2	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	458.500	18.468	8.467.350.000	8.742.236.500	274.886.500	910.282.000
3	Trái phiếu niêm yết	103.130.100	106.623	10.996.000.565.600	11.133.152.111.618	137.151.546.018	80.166.493.632
4	Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết	261.707.460	177.470	46.445.246.752.617	46.794.674.677.078	349.427.924.461	804.194.794.077
5	Hợp đồng tương lai chỉ số					25.304.074.000	36.961.820.000
6	Hợp đồng hoán đổi lãi suất					-	50.007.514.683
7	Chứng quyền phát hành niêm yết	65.037.000	1.814	117.959.719.000	112.404.845.700	5.554.873.300	24.798.353.400
Tổng cộng		446.315.398		58.024.634.593.017	58.529.618.510.050	541.397.737.633	1.177.335.278.692

28.2 CHÊNH LỆCH VỀ ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị thị trường	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm
I	FVTPL					
1	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	1.107.852.472.120	1.153.426.495.964	45.574.023.844	(74.676.337.481)	120.250.361.325
2	Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	127.464.078.913	123.410.809.726	(4.053.269.187)	-	(4.053.269.187)
3	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	1.111.431.641.735	1.162.241.954.895	50.810.313.070	(38.860.886.716)	89.671.199.786
4	Trái phiếu chính phủ	687.194.811.995	686.121.064.799	(1.073.747.196)	-	(1.073.747.196)
5	Trái phiếu tổ chức tín dụng	7.546.995.264.122	7.546.995.264.122	-	-	-
6	Chứng chỉ tiền gửi	6.057.793.148.084	6.057.793.148.084	-	-	-
Tổng cộng		16.638.731.416.969	16.729.988.737.590	91.257.320.531	(113.537.224.197)	204.794.544.728
		Giá trị mua theo sổ liệu kế toán	Giá trị ghi sổ	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày phân loại lại	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm
II	FVTPL phân loại sang đầu tư vào công ty liên kết					
1	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện	442.967.708.882	836.115.332.000	393.147.623.118	392.593.224.618	554.398.500
Tổng cộng		17.081.699.125.851	17.566.104.069.590	484.404.943.649	279.056.000.421	205.348.943.228

28.3 CHÊNH LỆCH VỀ ĐÁNH GIÁ CHÊNH LỆCH PHẢI TRẢ CHỨNG QUYỀN

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các loại chứng quyền công ty phát hành	Giá trị phát hành theo sổ kế toán	Giá trị thị trường	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm
I	Loại Chứng quyền					
1	CFPT2305	6.184.820.300	6.540.000.000	(355.179.700)	-	(355.179.700)
2	CHPG2321	2.049.552.300	2.088.110.000	(38.557.700)	-	(38.557.700)
3	CHPG2322	414.788.000	420.470.000	(5.682.000)	-	(5.682.000)
4	CPOW2308	3.331.706.800	2.800.000.000	531.706.800	-	531.706.800
5	CPOW2309	100.929.400	88.757.000	12.172.400	-	12.172.400
6	CSTB2318	1.885.418.300	1.546.428.000	338.990.300	-	338.990.300
7	CSTB2319	10.224.977.800	7.300.000.000	2.924.977.800	-	2.924.977.800
8	CVPB2305	10.679.282.800	9.177.392.000	1.501.890.800	-	1.501.890.800
9	CACB2306	221.399.600	229.856.000	(8.456.400)	-	(8.456.400)
10	CACB2307	16.125.400	16.416.000	(290.600)	-	(290.600)
11	CFPT2316	730.796.600	721.764.000	9.032.600	-	9.032.600
12	CFPT2317	380.531.300	374.832.000	5.699.300	-	5.699.300
13	CHPG2341	59.834.200	58.636.000	1.198.200	-	1.198.200
14	CHPG2342	662.763.700	664.941.000	(2.177.300)	-	(2.177.300)
15	CMBB2317	39.819.700	40.200.000	(380.300)	-	(380.300)
16	CMBB2318	333.732.300	331.947.000	1.785.300	-	1.785.300
17	CMWG2318	574.400.100	567.816.000	6.584.100	-	6.584.100
18	CSTB2336	43.200.300	44.545.000	(1.344.700)	-	(1.344.700)
19	CSTB2337	937.844.800	983.325.000	(45.480.200)	-	(45.480.200)
20	CVIB2307	4.694.600	4.550.000	144.600	-	144.600
21	CVPB2321	486.114.500	512.988.000	(26.873.500)	-	(26.873.500)
22	CVPB2322	34.486.100	34.681.000	(194.900)	-	(194.900)
23	CVRE2322	1.258.038.900	1.281.909.000	(23.870.100)	-	(23.870.100)
	Tổng cộng	40.655.257.800	35.829.563.000	4.825.694.800	-	4.825.694.800

28.4 CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL, HTM, CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	545.677.855.892	768.990.374.162
Từ tài sản tài chính HTM	505.989.797.968	397.782.532.022
Từ các khoản cho vay và phải thu	1.154.085.633.047	1.600.137.224.585
Tổng cộng	2.205.753.286.907	2.766.910.130.769

29. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(111.002.961.418)	89.635.875.226
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khó đòi	22.093.719.812	-
Tổng cộng	(88.909.241.606)	89.635.875.226

30. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động tự doanh	34.327.608.913	19.255.974.932
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	615.494.378.512	713.595.563.319
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	8.264.882.221	14.992.784.816
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	536.415.223	8.017.478.108
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28.812.889.357	25.854.350.328
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	25.302.442.765	19.151.613.455
Chi phí dịch vụ khác	74.523.925.815	288.374.901.593
Tổng cộng	787.262.542.806	1.089.242.666.551

TỔNG HỢP CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới chứng khoán	449.537.803.665	535.658.910.841
Chi phí hoạt động lưu ký	28.812.889.357	25.854.350.328
Chi phí lương và các khoản phúc lợi	224.098.237.515	224.129.295.962
Chi phí văn phòng phẩm	186.901.112	242.371.805
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.490.794.633	2.807.776.531
Chi phí khấu hao TSCĐ	658.415.821	1.427.927.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.850.529.491	14.394.445.467
Chi phí khác	71.626.971.212	284.727.587.671
Tổng cộng	787.262.542.806	1.089.242.666.551

31. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và các khoản phúc lợi	171.758.324.768	176.491.980.058
Chi phí thuê văn phòng	60.224.042.361	54.954.258.888
Chi phí văn phòng phẩm	380.542.593	779.551.453
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.972.765.868	6.201.290.135
Chi phí khấu hao TSCĐ	44.436.500.748	26.597.762.427
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.275.711.062	94.843.359.992
Chi phí khác	19.726.000	12.507.069.048
Tổng cộng	430.067.613.400	372.375.272.001

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

32.1 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN") HIỆN HÀNH

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Bảng ước tính thuế TNDN hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	2.482.342.451.973	1.727.799.082.236
Tổng các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	(349.141.139.775)	497.686.860.582
Các khoản điều chỉnh tăng	956.810.786.712	1.541.026.456.418
• Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	8.912.195.800	45.912.529.600
• Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	943.607.842.876	1.403.571.915.923
• Chi phí dự phòng các khoản cho vay	-	89.635.875.226
• Chi phí không được trừ thuế	4.290.748.036	1.906.135.669
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.305.951.926.487)	(1.043.339.595.836)
• Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức	(32.254.288.365)	(10.063.255.265)
• Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(1.148.956.786.104)	(1.000.149.284.571)
• Hoàn nhập dự phòng các khoản cho vay	(111.002.961.418)	-
• Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	(13.737.890.600)	(33.127.056.000)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	2.133.201.312.198	2.225.485.942.818
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	426.640.262.440	445.097.188.564
Thuế TNDN phải trả đầu năm	127.096.682.260	118.633.701.020
Điều chỉnh giảm thuế năm trước	(8.583.658.051)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(349.911.964.805)	(436.634.207.324)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	195.241.321.844	127.096.682.260

32.2 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) HOÃN LẠI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	55.811.200.083	139.052.821.073
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(37.559.735.978)	(80.684.526.270)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại chứng quyền đang lưu hành	965.138.960	(2.557.094.720)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phân loại lại tài sản tài chính FVTPL sang đầu tư vào công ty liên kết	78.629.524.624	-
Số dư cuối năm	97.846.127.689	55.811.200.083

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(37.559.735.978)	(80.684.526.270)
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại chứng quyền đang lưu hành	965.138.960	(2.557.094.720)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phân loại lại tài sản tài chính FVTPL sang đầu tư vào công ty liên kết	78.629.524.624	-
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	42.034.927.606	(83.241.620.990)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế của năm 2023. Cho mục đích lập báo cáo tài chính các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông – VND	2.022.250.919.978	1.365.943.514.662
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu – Cổ phiếu	1.217.835.124	1.321.260.235
Lãi cơ bản trên cổ phiếu – VND/Cổ phiếu	1.661	1.034

34. Những thông tin khác

34.1 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Có ảnh hưởng đáng kể
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện	Công ty liên kết Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan Giám đốc quản trị Công ty đồng thời là người phụ trách quản trị Công ty, người được Ủy quyền CBTT bên liên quan
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch bên liên quan
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Thành viên HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Tổng giám đốc bên liên quan
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	Thành viên HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Giám đốc điều hành vận hành bên liên quan
Công ty Cổ phần IPALIFE	Chủ tịch HĐQT đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
Công ty Cổ phần Thực phẩm HOMEFOOD	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	Trưởng Ban kiểm soát Công ty đồng thời là Kế toán trưởng bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị Doanh nghiệp IPA	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	250.000.000	700.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư I.P.A	961.067.730	2.370.401.112
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	675.529.803	2.307.544.805
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	144.536.895	570.883.925

Mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	7.317.784.376	12.629.655.045
Công ty Cổ phần IPALIFE	900.057.991	899.307.070
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	360.000.000	312.993.848
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	28.102.169.221	17.614.668.056
Công ty Cổ phần thực phẩm HOMEFOOD	6.755.740.636	7.090.079.463
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	466.710.560	6.618.290.950
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	5.103.850.778	-

Lãi trái phiếu đã nhận trong năm	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	47.232.275.000	152.496.524.627
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	47.423.545.513	20.564.090.249

Chuyển nhượng khoản đầu tư	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	165.000.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Phải thu khách hàng	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	59.351.685	45.368.768

Phải trả người bán ngắn hạn	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần IPALIFE	7.479.075	4.533.352
Công ty Cổ phần thực phẩm HOMEFOOD	1.784.830.994	52.188.670
Công ty TNHH MTV quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	46.064.638	54.952.183
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	703.357.592	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	-	94.851.864
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	-	669.200.700

Phải thu ngắn hạn khác	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	41.241.379	-

Phải trả ngắn hạn khác	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính Tiền gửi	49.960.238.570	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A Tiền gửi	130.932.417	25.000.000.000

Trả trước cho người bán	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Tư Vấn Quản trị Doanh nghiệp IPA	300.000.000	-

Mệnh giá trái phiếu nắm giữ cho mục đích kinh doanh	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	487.898.700.000	1.387.935.900.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	30.517.300.000	242.387.900.000

Đặt cọc	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	800.000.000	800.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác:

Đơn vị tính: VND

Họ và tên		Năm nay		Năm trước	
		Tiền lương	Thù lao	Tiền lương	Thù lao
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành vận hành	4.004.500.000	192.000.000	2.487.000.000	156.000.000
Ông Nguyễn Vũ Long	Tổng Giám đốc	7.418.500.000	192.000.000	4.547.000.000	128.000.000
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT (từ ngày 22 tháng 11 năm 2021đến ngày 24 tháng 04 năm 2022) Quyền Tổng Giám đốc (từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 21 tháng 11 năm 2021)	-	-	3.250.000.000	28.000.000
Ông Mai Hữu Đạt	Phó Chủ tịch (từ ngày 21 tháng 07 năm 2022) Thành viên độc lập (từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 20 tháng 07 năm 2022)	1.165.642.857	192.000.000	786.227.273	128.000.000
Ông Vũ Hiền	Thành viên	-	192.000.000	-	156.000.000
Ông Vũ Việt Anh	Thành viên độc lập (từ ngày 25 tháng 04 năm 2022)	-	192.000.000	-	128.000.000
Ông Pekka Mikael Nastamo	Thành viên độc lập (đến ngày 24 tháng 04 năm 2022)	-	-	-	28.000.000
Ông Phạm Lê Nhật Quang	Thành viên độc lập (đến ngày 24 tháng 04 năm 2022)	-	-	-	28.000.000
Ban kiểm soát		-	360.000.000		300.000.000
Các thành viên quản lý khác		8.596.500.000	-	8.577.565.217	-
Tổng cộng		21.185.142.857	1.320.000.000	19.647.792.490	1.080.000.000

34.2 THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Các bộ phận khác	Tổng cộng
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.021.115.946.865	3.803.176.987.380	505.989.797.968	271.879.248.038	6.602.161.980.251
2. Các chi phí trực tiếp	1.004.657.720.085	2.429.828.087.222	119.686.280.321	128.856.650.157	3.683.028.737.785
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế phân bổ	1.016.458.226.780	1.373.348.900.158	386.303.517.647	143.022.597.881	2.919.133.242.466
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	131.656.344.433	247.740.551.533	32.960.388.653	17.710.328.781	430.067.613.400
4. Lỗ từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	6.723.177.093	6.723.177.093
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	884.801.882.347	1.125.608.348.625	353.343.128.994	118.589.092.007	2.482.342.451.973
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023					
1. Tài sản phân bổ	10.285.791.836.320	17.639.522.277.087	12.496.083.279.037	-	40.421.397.392.444
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.320.692.778.922	1.320.692.778.922
Tổng tài sản	10.285.791.836.320	17.639.522.277.087	12.496.083.279.037	1.320.692.778.922	41.742.090.171.366
1. Nợ phải trả bộ phận	-	821.595.397.087	23.790.495.275.379	-	24.612.090.672.466
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	622.179.971.906	622.179.971.906
Tổng nợ phải trả	-	821.595.397.087	23.790.495.275.379	622.179.971.906	25.234.270.644.372

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Các bộ phận khác	Tổng cộng
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.850.542.048.025	3.468.029.416.113	397.782.532.022	332.404.801.321	7.048.758.797.481
2. Các chi phí trực tiếp	1.264.061.019.701	3.207.772.090.424	64.307.052.671	412.209.765.873	4.948.349.928.669
Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thuế phân bổ	1.586.481.028.324	260.257.325.689	333.475.479.351	(79.804.964.552)	2.100.408.868.812
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	150.589.827.370	183.210.751.600	21.014.249.858	17.560.443.173	372.375.272.001
4. Lỗ từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	234.514.575	234.514.575
Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thuế	1.435.891.200.954	77.046.574.089	312.461.229.493	(97.599.922.300)	1.727.799.082.236
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022					
1. Tài sản phân bổ	9.060.815.751.079	20.944.269.724.989	8.058.487.244.559	-	38.063.572.720.627
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	706.550.793.690	706.550.793.690
Tổng tài sản	9.060.815.751.079	20.944.269.724.989	8.058.487.244.559	706.550.793.690	38.770.123.514.317
1. Nợ phải trả bộ phận	-	799.111.785.639	23.032.201.638.218	-	23.831.313.423.857
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	453.610.007.394	453.610.007.394
Tổng nợ phải trả	-	799.111.785.639	23.032.201.638.218	453.610.007.394	24.284.923.431.251

34.3 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	92.400.000	192.918.334
Trên 1 - 5 năm	72.716.733.001	66.566.634.671
Trên 5 năm	130.924.786.703	145.887.619.469
Tổng cộng	203.733.919.704	212.647.172.474

34.4 CAM KẾT THEO HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các Nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho Nhà đầu tư để mua chứng khoán.

34.5 MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, chứng quyền có bảo đảm và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách thỏa thuận ký hợp đồng phái sinh tiền tệ với ngân hàng và xem xét tình hình thị trường hiện hành, dự kiến khi Công ty lập kế hoạch sử dụng ngoại tệ trong tương lai.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5, Thuyết minh số 7.2 và Thuyết minh số 11. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 9, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có tính thanh khoản tốt.

Rủi ro tín dụng

Đơn vị tính: VND

	Tổng cộng	Số dư đã dự phòng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
				< 90 ngày	91 - 180 ngày	> 180 ngày	> 210 ngày
Số đầu năm	9.060.815.751.079	180.637.650.976	7.446.446.114.900	1.300.353.477.883	123.567.400.052	1.420.139.071	8.390.968.197
Số cuối năm	10.285.791.836.320	132.052.141.932	10.099.778.982.866	25.752.357.617	5.486.918.429	2.514.048.992	20.207.386.484

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	2.667.988.279.037	2.194.000.000.000	-	-	4.861.988.279.037
Tài sản tài chính	186.012.853.454	17.103.973.153.130	17.158.239.567.326	201.650.000.000	872.790.612.000	35.522.666.185.910
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	16.729.988.737.590	-	-	-	16.729.988.737.590
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-	7.432.445.000.000	201.650.000.000	-	7.634.095.000.000
Các khoản cho vay (không bao gồm dự phòng)	186.012.853.454	373.984.415.540	9.725.794.567.326	-	-	10.285.791.836.320
Góp vốn đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	836.115.332.000	836.115.332.000
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	36.675.280.000	36.675.280.000
Tài sản khác	132.606.540.666	1.043.123.782.432	96.585.217.160	93.630.301.317	108.580.868.097	1.474.526.709.672
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	96.585.217.160	3.393.442.428	-	99.978.659.588
Phải thu khác (không bao gồm dự phòng)	132.606.540.666	979.566.989.323	-	90.236.858.889	-	1.202.410.388.878
Tài sản khác	-	63.556.793.109	-	-	-	63.556.793.109
Tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	-	-	-	-	108.580.868.097	108.580.868.097
Tổng cộng	318.619.394.120	20.815.085.214.599	19.448.824.784.486	295.280.301.317	981.371.480.097	41.859.181.174.619
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	20.468.484.164.989	-	-	20.468.484.164.989
Trái phiếu phát hành	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000	-	800.000.000.000
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	821.595.397.087	-	-	-	821.595.397.087
Chi phí phải trả	-	-	150.575.598.290	-	-	150.575.598.290
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	243.387.566.722	-	-	-	243.387.566.722
Phải trả, phải nộp khác	-	261.019.628.588	2.370.787.904.159	-	-	2.631.807.532.747
Tổng cộng	-	1.326.002.592.397	23.389.847.667.438	400.000.000.000	-	25.115.850.259.835
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	318.619.394.120	19.489.082.622.202	(3.941.022.882.952)	(104.719.698.683)	981.371.480.097	16.743.330.914.784

Tài sản đảm bảo

Công ty cũng sử dụng các tài sản tài chính ngắn hạn và dài hạn để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số dư các tài sản tài chính được đảm bảo cho các khoản vay là 11.425 tỷ đồng.

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản cho vay ký quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

35. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Bà Lê Thị Hoài
Người lập



Bà Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2024